

Bồ Tát hạnh

Thích Trí Siêu dịch

Hành giả Bồ Tát phải tích cực hành Bồ Tát hạnh, nghĩa là mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý niệm đều hướng về chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh.

BỒ TÁT HẠNH

(Bodhicaryavatàra)

Santideva (Bình Thiên)

Kính dâng sách này lên

*Hòa Thượng Bốn Sư thượng Huyền hạ Vi
và Lama Guendune Rinpoché*

MỤC LỤC

Lời tựa

Tiểu sử Tôn Giả Santideva

- [01] Xưng Tán Bồ Đề Tâm
- [02] Sám Hối
- [03] Phát Bồ Đề Tâm
- [04] Thực Hành Bồ Đề Tâm
- [05] Giữ gìn tâm ý
- [06] Nhẫn nhục
- [07] Tinh tấn
- [08] Thiền định
- [09] Trí Huệ
- [10] Hồi hướng công đức

-ooOoo-

Lời Tựa

Mục đích chung của người tu Phật là cầu giác ngộ giải thoát, nhưng đối với người theo Phật giáo Đại Thừa thì mục đích chính là phải cầu thành Phật.

A La Hán cũng giác ngộ giải thoát, Bích Chi Phật cũng giác ngộ giải thoát, chư Tổ

Thiền cũng giác ngộ giải thoát, nhưng các Ngài vẫn chưa phải là Phật. Nhưng tại sao lại phải cầu thành Phật chứ? Được giác ngộ giải thoát chưa đủ sao?

- Chưa đủ! Đủ làm sao được đối với người đã hiểu, đã thấy tất cả chúng sinh chính là mình, mình chẳng khác với chúng sinh; cái khổ của chúng sinh chính là cái khổ của mình và sự giải thoát của chúng sinh cũng là sự giải thoát của mình. Nếu chưa hiểu được vậy thì ít nhất cũng phải suy nghĩ, từ vô thủy đến nay, trôi lăn trong sinh tử luân hồi tất cả chúng sinh đều đã ít nhất một lần làm cha mẹ ta, đã nuôi nấng, thương yêu, chăm sóc ta chẳng quản khó nhọc, nhiều khi còn phải hy sinh tánh mạng vì ta. Như thế, ta nỡ lòng nào cầu giác ngộ giải thoát một mình? Nhưng chúng sinh đông quá làm sao độ cho hết?

Đại A La Hán kia như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên còn chỉ độ được vài trăm đệ tử, nói chi ta đây là kẻ phàm phu? Đành rằng các vị A La Hán là những người giác ngộ giải thoát, nhờ chuyên tu thiền định, diệt trừ phiền não, song từ những kiếp xa xưa, các ngài không lập những thệ nguyện rộng lớn vì chúng sinh, không dám xả thí thân mạng, tài sản, vợ con, không biết gần gũi, thân cận, cúng dường chư Phật, Bồ Tát, Thiện tri thức. Do đó các ngài chưa có đủ công đức, trí huệ, hùng lực như chư Phật. Chỉ có Phật mới đầy đủ khả năng giáo hóa, cứu độ chúng sanh vô lượng. Ngoài ra trong kinh Pháp Hoa và Niết Bàn, đức Phật đã khai thị rõ về Phật tánh, khuyên nhắc chúng sinh cầu Phật quả. Chúng ta là con Phật (Phật tử) thì phải cố gắng được như cha của mình chứ! Bước đầu tiên là chúng ta phải phát nguyện cầu

thành Phật để cứu độ chúng sinh. Sự phát nguyện (hay tâm niệm) đó gọi là Bồ Đề Tâm (Bodhicitta). Khi vừa phát tâm như vậy thì chúng ta liền trở thành một Bồ Tát (Sơ phát tâm). Chư Phật ba đời cũng đều phát xuất từ chư Bồ Tát, do đó trong kinh Bảo Tích Đức Phật đã không ngớt khen ngợi và đề cao hàng Sơ phát tâm Bồ Tát: "Hàng Sơ phát tâm Bồ Tát, tuy căn tánh Bồ Tát chưa đầy đủ, đức tướng Bồ Tát chưa trọn vẹn hiển bày cho mọi người thấy được, nhưng các Thiện Thần Vương hết lòng tôn trọng đến hộ vệ... Bồ Tát Sơ phát tâm chưa có công đức gì, nhưng đem so với A La Hán vẫn còn cao hơn ... Đây Ca Diếp! Thí như hạt châu lưu ly nhỏ mà giá trị hơn là khối thủy tinh lớn như núi Tu Di. Bồ Tát cũng như vậy, ngay từ khi phát tâm cũng đã hơn hàng Thanh Văn, Bích Chi (tr 142, kinh Bảo Tích do T.T.

Đức Niệm dịch). Do đó, khi vừa phát tâm Bồ Đề thì liền trở thành Bồ Tát, không cứ phải đến các Đại Giới Đàn thọ Bồ Tát giới mới được xem là Bồ Tát. Nói như vậy không có nghĩa là bác bỏ việc thọ giới, ngược lại hành giả Đại Thừa rất nên cầu thọ giới pháp, vì thọ (hay truyền) giới trong sự trang nghiêm, đúng phép rất có lợi ích, nó có khả năng tác động mạnh vào tâm khảm của giới tử, và nếu giới tử thanh tịnh thành khẩn thì được xem là đắc giới. Nhưng thọ Bồ Tát giới và chỉ lo giữ giới Bồ Tát không chưa đủ để được xem là Bồ Tát. Bồ Tát giới chỉ là hàng rào ngăn chặn giúp hành giả Bồ Tát không bị sa đọa, đó là phần tiêu cực.

Hành giả Bồ Tát phải tích cực hành Bồ Tát hạnh, nghĩa là mỗi hành động, mỗi lời nói, mỗi ý niệm đều hướng về chúng sinh,

vì lợi ích chúng sinh. Khi tụng một thời kinh thì trên cúng dường chư Phật, dưới cầu cho pháp âm tỏa khắp pháp giới làm lợi ích chúng sinh. Ngồi thiền dù chỉ năm phút cũng cầu giác ngộ bốn tánh. Để làm gì? Để cứu độ chúng sinh. Niệm Phật dù chỉ mười câu cũng không quên hồi hướng công đức cho chúng sinh. Được như thế mới xứng đáng là Bồ Tát, là trưởng tử của Như Lai. Đâu cứ phải làm chùa to, tượng lớn mới gọi là Bồ Tát. Nói như vậy không có nghĩa là đả kích việc làm chùa to, tượng lớn, vì chùa to, tượng lớn cũng chỉ là vật vô tri, tự nó đâu có lỗi lầm gì, chẳng qua tùy thuộc nơi người làm, nếu làm với tinh thần vô ngã, bất vụ lợi, vì lợi ích chúng sinh thì rất được xưng tán, cúng dường.

Sau khi phát tâm Bồ Đề (còn gọi là Bồ Đề Tâm nguyện), hành giả Bồ Tát cần phải noi theo gương của chư Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai, hành Bồ Tát Hạnh (còn gọi là Bồ Đề Tâm Hạnh). Bồ Tát Hạnh được nói nhiều trong kinh Hoa Nghiêm và Đại Bát Nhã, nhưng lời kinh quá thâm diệu và chư Bồ Tát nhất là trong kinh Hoa Nghiêm đều là những bậc Đại Sĩ Bồ Tát đã phát tâm Bồ Đề và thực hành Bồ Tát Hạnh từ quá khứ vô lượng vô biên kiếp hải. Do đó chúng ta, hàng Sơ phát tâm Bồ Tát chỉ biết đánh lễ hoặc lắc đầu thề lưởi, không dám hoặc không biết làm sao noi theo. Hạnh của Bồ Tát tuy nhiều vô lượng vô biên nhưng tóm lại không nằm ngoài Thập Ba La Mật hay Lục Ba La Mật, và như thế chúng ta có thể bắt đầu học hỏi và tu tập Lục Ba La Mật, còn gọi là Lục Độ.

Người học Đạo nên có tinh thần như của Thiện Tài Đồng Tử, tức là không bao giờ cho sự hiểu biết đạo lý hay chứng đắc của mình là đủ, luôn luôn tìm thầy hoặc thiện tri thức tham vấn học hỏi. Nếu không có duyên gặp được thầy lành bạn tốt thì ít nhất cũng phải nương theo Kinh, Luật, Luận vạch cho mình một hướng đi áp dụng vào đời sống hằng ngày.

Vào cuối hạ năm 89, tôi có dịp gặp Guéshé Tengyé, Viện Trưởng Tu Viện Vajrayogini ở Lavaur, thấy ngài đọc một quyển sách. Hỏi ra, tôi được biết đó là Bodhicaryavatara (Bồ Tát Hạnh) và cũng là kinh nhật tụng của ngài. Rồi ngài hỏi lại tôi: "Có là Bồ Tát không, nếu là Bồ Tát thì phải đọc Bồ Tát Hạnh". Thế là từ đó trở về, tôi tìm đọc và nghiên cứu Bồ Tát Hạnh. Mãi đến năm nay, gặp nhân

duyên và được khuyến khích nên tôi mạo muội dịch tập sách này vì thấy những hạnh Bồ Tát nằm trong đó có vẻ gần gũi với chúng ta (hàng Sơ phát tâm Bồ Tát) hơn là trong các kinh như Hoa Nghiêm, Bát Nhã... Tuy có học được một chút Tạng ngữ, nhưng tự thấy chưa đủ để có thể dịch hoàn toàn từ Tạng văn ra Việt văn nên cuối cùng tôi nương vào 3 tài liệu sau:

1.

Byang.chub.sems.dpai'.spyod.pa.la.'jug.pa
: bản Tạng văn.

2. La marche à la lumière: bản Pháp văn dịch từ Phạn văn của Louis Finot.

3. A guide to the Bodhisattva's way of life: bản Anh văn dịch từ Tạng văn của Stephen Batchelor.

Bồ Tát Hạnh nguyên bản Phạn văn là một loại thi ca, viết theo văn vần, gồm 913 bài kệ, chia làm 10 chương. Bản Tạng văn cũng được dịch theo văn vần. Nhưng ở đây, trước hết vì không phải là thi sĩ, sau nữa tôi noi theo các bản dịch đã có trước bằng Anh và Pháp văn, viết theo văn xuôi dễ hiểu cho người đọc.

Tác giả tập Bồ Tát Hạnh là Tôn Giả Santideva (Bình Thiên) người Ấn Độ, sống vào khoảng thế kỷ thứ 7 (xin xem tiểu sử ở chương sau). Trong tập sách này tôn giả đi từ Xưng tán Bồ Đề Tâm, Sám hối, Lục Độ và sau cùng đến Hồi Hướng công đức. Bạn đọc có thể ngạc nhiên không thấy nói về Bồ Thí, nhưng phát Bồ Đề Tâm và hành Bồ Tát Hạnh đã là một sự bồ thí cao thượng lắm rồi, ngoài ra Bồ Thí được bàn bạc nói đến trong các

chương sau. Riêng trong phẩm Thiên Định, tôn giả nhấn mạnh tới lối sống ẩn dật nơi rừng núi, hoặc những nơi thanh vắng để tu tập quán chiếu về Vô Ngã. Trong phẩm Trí Huệ, tôn giả Santideva (thuộc trường phái Trung quán) lập cuộc đối thoại tranh luận giữa ngài và các trường phái khác, cốt để xiển dương Tánh Không. Có nhiều đoạn quá xúc tích nên tôi thêm vào những chú thích ở cuối trang giúp bạn đọc hiểu rõ hơn.

Rất mong Bồ Tát Hạnh sẽ bổ túc cho Bồ Tát Giới. Bạn đọc có thể học thuộc lòng vài phẩm, vài đoạn hoặc đọc tụng, cũng như các thiền sinh thưở trước học thuộc Quy Sơn Cảnh Sách, hoặc như tu sĩ Nam Tông thuộc lâu kinh Pháp Cú vậy. Đọc tụng để những tư tưởng Bồ Tát thâm nhập vào tâm và từ đó sẽ khởi ra hiện hành

hướng dẫn ta trong từng ý nghĩ, từng lời nói, từng hành động đúng theo hạnh mà chư Bồ Tát đã làm.

Sau cùng tôi xin ghi ơn Dagpo Rinpoché, giáo sư Phật học và Tạng ngữ tại đại học INALCO Paris Dauphine, đã giảng dạy và giải đáp nhiều thắc mắc cho tôi, Jenny Tcheuden đã cung cấp cho tôi tài liệu, Thérésa Scott-Carroll và phật tử Chúc Tịnh đã khuyến khích tôi soạn dịch tập sách này. Tuy vậy, bản dịch chắc còn nhiều thiếu sót, vụng về, trách nhiệm đó hoàn toàn về du tăng. Rất mong sau này sẽ có các bậc cao minh giáo chính lại cho hoàn hảo hơn.

Xin hồi hướng công đức này cầu cho tất cả chúng sinh ý thức được sự vô thường, đau khổ của cuộc đời, đồng phát tâm Bồ Đề và đồng sanh Tây phương Cực Lạc.

***Thanh Sơn Lộ, tháng 7 năm 1990.
Thích Trí Siêu.***

-ooOoo-

Tiểu Sử Tôn Giả Santideva

Theo truyền thuyết, tôn giả Santideva sinh ở miền Nam Ấn, vùng Sri Nagara vào khoảng thế kỷ thứ 7. Ngài là thái tử con vua Surastra.

Từ những kiếp quá khứ, ngài đã cúng dường phụng thờ nhiều đức Phật và đã tích tụ nhiều căn lành đưa đến giải thoát. Nhờ phước đức ấy nên ngay từ lúc ấu thơ, ngài đã nhiều lần chiêm bao thấy Văn Thù Bồ Tát. Lớn lên, đến tuổi sắp được vua cha truyền ngôi, một hôm ngài nằm mộng thấy hai vị Bồ Tát : Văn Thù và Tara [1]. Bồ Tát Văn Thù ngồi trên ngai vàng, bảo ngài rằng: "Ở đây không có chỗ cho hai

người"; Bồ Tát Tara tưới nước nóng trên đầu ngài nói rằng: "Vương quyền chính là nước sôi bỏng của địa ngục. Ta đang tán phong cho ngươi với nước này đây".

Tỉnh dậy, ngài hiểu rằng đó là sự khuyến cáo của hai vị Bồ Tát nên đêm hôm trước ngày lên ngôi, ngài rời bỏ cung thành trốn vào rừng sâu. Sau 21 ngày lang thang trong rừng, vừa khát vừa đói, ngài gặp được một con suối, sắp sửa định uống thì có một thiếu nữ xuất hiện bảo ngài đừng uống vì đó là nước độc. Sau đó thiếu nữ dâng cho ngài một thứ nước thơm như cam lồ. Giải khát xong, ngài hỏi thiếu nữ: "Cô ở đâu đến?"

- Thiếu nữ trả lời: "Ở giữa khu rừng mêh mônh này là nơi thầy tôi ở, ngài rất đạo đức, từ bi và đã thành tựu phép tam muội của Văn Thù Kim Cang Sư Lợi (Sri

Manjuvajra). Tôi từ đó đến đây". Vừa nghe như thế, tôn giả Santideva mừng rỡ như kẻ nghèo bắt được vàng, yêu cầu thiếu nữ dẫn ngài đến gặp vị thầy kia. Đến nơi ngài thấy đó là một hành giả Du Già (Yogi) sống trong một chòi lá. Ngài liền đánh lễ, xưng tán cúng dường và cầu xin được truyền phép tam muội của Văn Thù Bồ Tát.

Sau 12 năm ở đó tu tập, ngài chứng được phép tam muội trên, thấy được vị thầy kia chính là Văn Thù và thiếu nữ kia chính là Tara.

Kể từ đó, ngài luôn luôn được thấy Văn Thù Bồ Tát. Sau đó ngài đi về phương đông, xin vào làm việc trong triều của vua Pancamasimha. Nhờ tài giỏi và thông minh nên ngài được vua trọng vọng cho làm Thừa Tướng. Để tỏ lòng thành kính

nhớ ơn vị thần linh thủ hộ của mình, tức Văn Thù Bồ Tát, ngài luôn đeo trên mình một thanh kiếm gỗ [2].

Ngài giúp vua trị vì đúng theo Phật Pháp và truyền dạy nhiều kỹ nghệ mới lạ. Điều đó khiến các vị đại thần khác ganh tức, tìm cách dèm pha và hãm hại ngài. Họ bảo vua rằng: "Thừa tướng là một người gian xảo, luôn đeo trên mình một thanh kiếm mà không bao giờ rút ra cho ai xem cả. Chúng tôi biết thanh kiếm ấy làm bằng gỗ. Gặp lúc nguy biến làm sao Thừa tướng có thể cứu nguy cho Bệ hạ được? Xin Bệ hạ hãy khám nghiệm lại". Vua tin lời, cho triệu Thừa tướng vào bắt phải rút kiếm ra khỏi vỏ cho vua xem. Thừa tướng nói: "Kiếm của tôi, Bệ hạ không thể nhìn được, nếu không Bệ hạ sẽ hối hận". Nghe vậy, vua càng nghi ngờ nhất quyết đòi

xem. Cuối cùng Thừa tướng tâu: "Nếu Bệ hạ nhất quyết muốn xem thì hãy theo tôi đến chỗ vắng, lấy tay che mắt phải lại, chỉ nhìn bằng mắt trái thôi". Vua chấp thuận và Thừa tướng rút kiếm ra, hào quang lóe lên quá mạnh khiến con mắt trái của Vua rơi xuống đất. Vua liền ăn năn hối hận, biết ngài là một người đặc đạo, một Đại thành tựu giả [3] nên cầu xin sám hối. Biết vua đã ăn năn, Thừa tướng nhặt mắt trái của vua bỏ vào tròng lại khiến vua khỏi mù.

Sau đó tôn giả từ bỏ chức Thừa tướng, tìm đến Tu viện Nalanda, xuất gia thọ giới, được đặt tên là Santideva. Sau khi nghe hết 3 tạng kinh điển, tôn giả thâm biên soạn 3 bộ luận: Siksasamuccaya,

Sutrasamuccaya và Bodhicaryavatara. Ngài tu mật hạnh, học trực tiếp với Văn

Thù Bồ Tát trong thiên định. Tất cả thời ăn, ngủ, đi, đứng, ngài đều thiên quán về Thanh Quang (Eussel, Clear Light). Tuy vậy chúng tăng bên ngoài thấy ngài chỉ ăn với ngủ không chịu văn, tư, tu gì cả. Thấy thế, một số Thượng tọa học giả họp nhau lại định tổng khứ ngài ra khỏi tu viện. Có người cho ý kiến: "Nếu chúng ta họp lại, bắt mỗi người phải tuần tự trùng tuyên lại Kinh Luận, chắc chắn y sẽ phải tự động rút lui, rời bỏ Tu viện vì y chỉ ăn với ngủ đâu có bao giờ tu học gì". Thế rồi đến phiên tôn giả Santideva phải trùng tuyên lại Kinh Luận, ban đầu ngài từ chối, nói rằng không biết gì. Chúng tăng muốn làm nhục ngài nên làm bộ nài nỉ, cuối cùng ngài nói: "Nếu vậy phải làm cho tôi một tòa sư tử [4] tôi mới trùng tuyên". Nghe vậy có vài người đâm ra nghi ngờ, nhưng

đa số chấp thuận vì tin rằng ngài không thể trùng tuyên Kinh Luận gì được.

Sau khi lên ngôi tòa sư tử, ngài hỏi: "Các vị muốn tôi tụng lại Kinh Luận đã có từ trước hay những sáng tác mới sau này". Vì muốn chế diễu ngài nên đại chúng nói: "Những sáng tác mới sau này". Thế là ngài bắt đầu tụng lên Bồ Tát Hạnh (Bodhisattva-carya-vatara). Khi tụng đến câu: "Khi Có và Không không còn khởi lên trong tâm..." thì ngài bay lên hư không rồi từ từ biến mất, nhưng tiếng của ngài còn vọng lại cho đến câu kệ cuối cùng của Bồ Tát Hạnh. Không thấy ngài nữa, tăng chúng hồi hận trở về phòng ngài tìm kiếm, thấy trên bàn để lại 3 quyển: Sutrasmuccaya [5], Siksasmuccaya và Bodhicaryavatara.

Chú thích:

[1] Tara là một hóa thân hình nữ của Quán Thế Âm, trong Phật giáo Ấn Độ và Tây Tạng được nói đến rất nhiều. Quán Thế Âm, khi nhìn thấy chúng sinh đau khổ, ngài nhỏ lệ từ bi và giọt lệ này rơi xuống hóa thành Tara.

[2] Văn Thù Bồ Tát, thường hiện thân, tay phải cầm kiếm trí tuệ, tay trái cầm kinh Bát Nhã.

[3] Mahasiddha: người tu hành đặc đạo có thần thông.

[4] Simhasana: tòa ngồi chỉ dành cho những hàng Tỳ Kheo Trưởng lão Pháp sư.

[5] Hai tập Siksasamuccaya (Giáo Tập Yếu) và Bodhicaryavatara (Bồ Tát Hạnh) chắc chắn tác giả là ngài Santideva, riêng tập Sutrasmuccaya, đa số các học giả đều công nhận tác giả là ngài Long Thọ

(Nagarjuna). Tiểu sử này tôi rút tĩa từ 2 tài liệu History of Buddhism in India của Taranatha và La Légende de Santideva trong Indo-Iranian Journal Volume XVI. Trong tạng luận của Tây Tạng có nói đến bộ Mdo.sde.sna.tshogs.kyi.mdo.btus.pa mà học giả Marcelle Lalou đã chuyển sang lại Sanskrit là Visvasutrasamuccaya, tập này ngày nay đã bị mất tích. Theo học giả J.W.DeJong thì có lẽ 2 tập này tương tựa nhau nên các sử gia Tây Tạng và luận gia Ấn Độ cùng cho tác giả của Kinh Tập Yếu (Sutrasamuccaya) là ngài Santideva. Kinh Tập Yếu đã được Hòa Thượng Linh Sơn thượng Huyền hạ Vi dịch từ Hán văn ra Việt văn năm 1985 với tựa đề là Yếu Nghĩa Phật Pháp.

CHƯƠNG I

Xưng Tán Bồ Đề Tâm

1) Sau khi thành tâm đánh lễ tất cả chư Phật, chư Bồ Tát cùng tất cả thầy tổ đáng kính, tôi xin trình bày sơ lược con đường tu tập mà tất cả hàng con Phật (Bồ Tát) đều đã đi qua.

2) Về giáo pháp, tôi không có gì đáng nói thêm và tôi cũng không phải là một văn sĩ trước tác. Tôi viết tập sách này với mục đích chính là để nhắc nhở và điều phục tâm mình chứ không phải cho ai khác.

3) Nhờ sự nhắc nhở hướng thiện này mà căn lành nơi tôi được tăng trưởng. Bởi thế, rất mong những ai đồng hoàn cảnh cũng có thể rút tỉa được sự lợi ích nơi đây.

4) May mắn thay! Hy hữu thay cho chúng ta đã gặp đủ thiện duyên để tu hành giải thoát. Nhưng nếu không biết suy nghĩ

thừa cơ hội trau dồi phước huệ thì không biết đến bao giờ (kiếp nào) mới có lại được như ngày hôm nay.

5) Chúng sinh tuy trôi lăn trong sinh tử luân hồi, nhưng nhờ thần lực của chư Phật, lâu lâu cũng khởi được một niệm nghĩ đến điều lành. Giống như trong đêm tối, bao phủ bởi mây đen, ánh sáng của sấm chớp lóe lên rồi liền tắt.

6) Làm sao chống chọi được với nghiệp chướng sâu dày, khi căn lành tích tụ lại quá mỏng manh, nếu ta không biết nương theo Bồ Đề Tâm?

7) Quán chiếu trong vô lượng kiếp, chư Phật đã tìm ra được bảo vật này (Bồ Đề Tâm) có thể đưa vô lượng chúng sinh đến bờ an vui giải thoát.

8) Những ai muốn thoát khỏi đau khổ của luân hồi, cứu độ chúng sinh, an hưởng chân hạnh phúc, phải luôn luôn nhớ không được rời bỏ Bồ Đề Tâm.

9) Tuy còn trôi lăn trong luân hồi, trói buộc bởi phiền não, nhưng kẻ nào vừa phát Bồ Đề Tâm thì ngay khi đó liền trở thành "Con của Đấng Thiện Thệ" (Fils des Sugatas). Chư thiên và loài người sẽ cung kính kẻ đó.

10) Nước phép Bồ Đề Tâm sẽ biến thân thể bất tịnh này thành một hòn ngọc vô giá vì nó chứa đựng một đức Phật (tương lai). Do đó hãy gìn giữ cẩn thận Bồ Đề Tâm.

11) Là người trôi lăn trong ba cõi, muốn cầu giải thoát, bạn phải nắm giữ cẩn thận Bồ Đề Tâm. Nó là hòn ngọc vô giá đã

được kiểm chứng và công nhận bởi các bậc Đạo Sư giải thoát duy nhất.

12) Tương tự như cây chuối, tất cả công đức khác đều tan biến sau khi đã cho ra quả. Nhưng Bồ Đề Tâm là một loại cây công đức luôn luôn tăng trưởng, tiếp tục sinh hoa kết trái không bao giờ tàn lụi.

13) Một người, dù cho có phạm nhiều tội nặng đi nữa, chỉ trong một chốc lát cũng có thể giải trừ được nếu biết trở về với Bồ Đề Tâm. Giống như thoát khỏi cơn hoạn nạn vì biết tìm sự bảo vệ nơi kẻ có thể lực mạnh. Chỉ có những kẻ vô ý mới không nương tựa Bồ Đề Tâm.

14) Cũng như hỏa tai của kiếp hoại, Bồ Đề Tâm có thể đốt cháy tất cả tội lỗi, nghiệp chướng trong chốc lát. Công đức vô lượng không thể nghĩ bàn của nó đã

được Bồ Tát Di Lặc (Maitreya) giảng nói cho Thiện Tài (Sudhana) [1].

15) Tóm lại có hai loại Bồ Đề Tâm: Bồ Đề Tâm Nguyên và Bồ Đề Tâm Hạnh.

16) Sự khác biệt có thể ví như một người muốn đi và một người đang đi.

17) Riêng Bồ Đề Tâm Nguyên, tự nó đã mang sẵn nhiều quả báo lành nhưng vẫn chưa bằng Bồ Đề Tâm Hạnh, nguồn gốc của tất cả công đức.

18-19) Người nào mà trong tâm biết khởi một ý niệm nguyện cứu tất cả chúng sinh ra khỏi cảnh khổ thì dù ngay trong giấc ngủ hay những lúc lơ đãng, công đức của người này vẫn tiếp tục tăng trưởng, phủ khắp hư không.

20) Công đức của Bồ Đề Tâm đã được chính đức Như Lai tuyên thuyết trong kinh Subahupriccha để sách tấn những người chùn chân, muốn dừng bước nơi Nhị Thừa.

21-22) Nhất tâm chữa trị bệnh nhức đầu cho vài người thôi cũng đã đem lại vô số công đức, nói chi đến muốn cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi đau khổ phiền não, đưa họ đến chỗ an vui hạnh phúc.

23) Từ xưa đến nay, đã có người cha nào, mẹ nào dám phát một lời nguyện rộng lớn như thế? Có vị Trời nào, Đạo sĩ nào, Bà la môn nào?

24) Chưa từng có một ai dám phát nguyện như thế, dù cho chính mình, ngay trong giấc mơ, nói chi đến chuyện cứu độ kẻ khác!

25) Ôi làm sao tìm ra được một vị Bồ Tát (hòn ngọc vô giá) trong khi tất cả chúng sinh quá ích kỷ, không bao giờ biết làm điều lành cho kẻ khác?

26) Nó là nguồn cội của hạnh phúc thế gian, là liều thuốc trị đau khổ cho nhân loại, là ngọc kim cương của tâm... Làm sao kẻ cho hết giá trị của nó (Bồ Đề Tâm).

27) Khởi một niệm lành đến một người thôi, công đức cũng đã hơn sự lễ Phật. Thử hỏi công đức sẽ bao nhiêu nếu biết thực hiện an vui hạnh phúc cho tất cả chúng sanh?

28) Con người muốn chạy trốn đau khổ nhưng lại trầm mình trong đau khổ; mong cầu hạnh phúc nhưng lại (vô tình) tàn hoại nguyên nhân của hạnh phúc, xem nó như kẻ thù.

29-30) Ai sẽ cắt đứt sự hành hạ khổ đau cho chúng sinh, thỏa mãn sự thèm khát hạnh phúc, cũng như sự điên cuồng của họ? Tìm đâu ra được một hiền giả, một thiện tri thức như thế?

31) Người ta luôn luôn khen ngợi kẻ mang ơn mà biết đền ơn. Vậy sẽ nói sao đây đối với một vị Bồ Tát luôn luôn ban ơn mà không cần ai hỏi?

32) Kẻ biết bố thí một bữa ăn cho vài người ăn xin cũng đã được xem như một hiền giả đạo đức. Dù sự bố thí đó chỉ kéo dài một giờ đồng hồ, với những món ăn tầm thường vừa đủ để lót dạ nửa ngày cho những kẻ ăn xin khổ cực kia.

33) Chúng ta phải nói sao đây đối với vị Bồ Tát đã bố thí trong vô lượng kiếp, cung cấp thỏa mãn tất cả mong muốn

hạnh phúc của vô số chúng sinh số lượng như hư không?

34) Người nào khởi một niệm xấu ác trong bao nhiêu giây đối với bậc hiền giả Bồ Tát trên thì sẽ phải đọa địa ngục bấy nhiêu kiếp. Đức Như Lai đã tuyên bố như thế.

35) Những kẻ nào, tâm biết trở về nương tựa nơi vị Bồ Tát trên thì kẻ đó sẽ gặt hái rất nhiều công đức, dư đủ để tiêu trừ tội chướng quá khứ.

36) Tôi xin đánh lễ và xưng tán tất cả chư Bồ Tát, những người mà trong tâm đã làm phát sinh ra hòn ngọc vô giá (Bồ Đề Tâm). Các ngài luôn luôn đem lại hạnh phúc cho mọi người, ngay cả đối với những ai hủy báng, náo hại các ngài. Tôi

xin trở về nương tựa nơi chư Bồ Tát, nguồn cội của chân hạnh phúc.

Chú thích:

[1] Trong kinh Hoa Nghiêm
(Gandavyuhasutra)

CHƯƠNG II

Sám Hối

1) Để có được hòn ngọc vô giá (Bồ Đề Tâm) tôi xin xưng tán và đánh lễ tất cả chư Phật, Thánh Diệu Pháp và chư Bồ Tát, các ngài là biển công đức của tất cả chúng sinh.

2-6) Tất cả hoa trái, báu vật thế gian, các loại nước cam lồ thanh tịnh và ngon ngọt, những ngọn núi đầy bảo châu, hoa thơm,

cỏ lạ, tất cả mùi hương trầm của thế giới Trời, Người, những cây cho ra quả bằng ngọc lưu ly, những cây thành tựu điều ước [1], những hồ sen thanh khiết với tiếng hát của đàn thiên nga, tất cả bảo vật đầy dẫy hư không. Sau khi quán tưởng những thứ trên trong tâm, tôi xin cúng dường lên chư Phật và các Trưởng Tử của Như Lai (Bồ Tát). Các Ngài là những bậc Ứng cúng, Đại Từ, Đại Bi, xin hãy thương xót tôi mà chấp nhận sự cúng dường trên.

7) Tôi là kẻ bần cùng không chút phước đức, không có gì khác để cúng dường. Ôi! Những đáng Che Chở [2] luôn thương xót bảo vệ kẻ yếu, hãy vì tôi mà chấp nhận sự cúng dường trên.

8) Từ nay cho đến cùng tột đời vị lai, tôi xin cúng dường và phó mặc toàn thân tôi cho các bậc Thắng Vương [3] và các

Thắng Vương Tử. Xin hãy chấp nhận cho tôi được phụng sự các ngài với lòng thành kính.

9) Được nằm trong tay của các ngài, tôi sẽ trở thành kẻ vô úy, không còn sợ hãi điều gì ở thế gian này. Tôi sẽ làm cho chúng sinh được an vui, tẩy trừ mọi nghiệp chướng và không bao giờ tái phạm.

10-11) Trong những bồn tắm thơm ngát, lát bằng cẩm thạch và lưu ly trong suốt, có những cột trụ kết bằng bảy báu huy hoàng. Tôi sửa soạn nước tắm cho chư Phật và các Trưởng tử của ngài, trong nhịp điệu của tiếng hát và âm nhạc với những bình nước khảm ngọc trai, chứa toàn hoa lã và nước thơm.

12) Sau đó tôi sẽ lau khô báo thân của các ngài bằng những giải lụa thanh tịnh vô

nhằm và khoác lên các ngài những y phục trong sạch, thơm ngát.

13) Với những thiên phục mềm mỏng, huy hoàng rực rỡ, tôi sẽ khoác lên ngài Phổ Hiền (Samantabhadra), Di Lặc (Ajita), Văn Thù (Manjughosa), Quán Âm (Lokesvara) và tất cả chư Bồ Tát khác.

14) Trên thân của chư Phật sắc vàng óng ánh, tôi sẽ xức lên tất cả các loại dầu thơm tuyệt diệu mà mùi hương thông khắp pháp giới.

15) Tôi sẽ kết tất cả loại hoa thơm và đẹp như hoa đình hương, hoa lài, hoa sen xanh thành tràng để cúng dường và xưng tán chư Phật.

16) Tiếp theo tôi sẽ xông lên những đám mây hương thanh khiết, vi diệu và dâng

lên các ngai những món trân vị mềm và cứng cùng các loại giải lao.

17) Tôi sẽ trang hoàng những ngọn đèn làm bằng ngọc báu, xếp trên những bông sen vàng và dọc trên đường đi tôi sẽ rải đầy hương thơm cỏ lạ.

18) Trên hư không, vang dội những khúc nhạc trời, vô số dinh thự nguy nga, trang hoàng bằng những vòng đai bằng cẩm thạch, bảo châu...

19) Tôi sẽ cúng dường lên các đấng Mâu Ni những tàng lọng cao lớn khảm xà cừ tuyệt đẹp, với trục làm bằng vàng ròng.

20) Để chúng sinh được an vui, kể từ bây giờ, nguyện cho những đám mây cúng dường trên được trôi dạt vang rền tiếng nhạc trời.

21) Nguyên cho những đám mưa hoa và ngọc báu luôn rơi trên những bảo tháp, tượng Phật và kinh Phật.

22) Như Văn Thù và các Bồ Tát đã cúng dường các bậc Thắng Vương, tôi cũng xin cúng dường chư Phật và các Trưởng tử của Phật.

23) Tôi cũng xin xưng tán các biển công đức (chư Phật, chư Bồ Tát) bằng những lời êm dịu bất tận. Nguyên những lời ca tán thán này luôn luôn hướng về các ngài.

24) Trong pháp giới có bao nhiêu vi trần thì tôi cũng xin phân thân ra bấy nhiêu để đánh lễ chư Phật ba đời cùng Pháp và Tăng.

25) Tôi cũng xin đánh lễ trước tất cả bảo tháp, trước những nơi nào Bồ Đề Tâm ảnh

hiện [4], trước những bậc thầy tôn kính và các nhà tu hành.

26) Từ nay cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, con nguyện quy y nơi Phật, Pháp và toàn thể chư Bồ Tát.

27) Với hai tay chấp lại, con xin khẩn nguyện đến chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi ở khắp mười phương.

28-29) Từ vô thủy trôi lăn trong sinh tử cho đến ngày nay, bởi vô minh che lấp, con đã tạo nhiều điều ác và xúi giục người khác phạm lỗi. Ngày nay biết sự lỗi lầm, con xin thành tâm sám hối trước chư Phật.

30-31) Tất cả lỗi lầm đã phạm qua ba nghiệp, thân, khẩu, ý, đối với Tam Bảo, với cha mẹ và các bậc tôn trưởng, tất cả lỗi lầm thúc đẩy bởi vô minh ái dục, tất cả

con xin phát lồ sám hối. Ôi đáng Thiện Thệ!

32) Làm sao thoát khỏi tội lỗi đã làm? Xin ngài hãy cứu con! Giúp con tẩy trừ nghiệp xấu trước khi thân chết đến.

33) Ôi mạng sống con người mong manh. Thân chết không bao giờ biết chờ ai cả, dù kẻ đó khỏe mạnh hay bệnh tật.

34) Chỉ vì ham cầu sung sướng, chạy trốn khổ cực mà ta đã tạo nhiều điều ác. Há ta không hiểu rằng một ngày nào đó sẽ phải ra đi với hai bàn tay trắng sao?

35) Ngày đó sẽ chẳng còn lại gì cả! Từ những kẻ thù ta, những kẻ thương ta và ngay cả chính xác thân ta cũng không còn nữa.

36) Tất cả cảnh vật mà ta đã thấy, nghe, chỉ còn lại là một ký ức, tựa như giấc chiêm bao, trải qua rồi biến mất, không bao giờ trở lại.

37) Trong cuộc đời ngắn ngủi này, biết bao bạn bè và kẻ thù ta đã ra đi. Duy chỉ còn lại nghiệp xấu ác (mà ta đã tạo với họ) là còn ở lại bên ta đe dọa.

38) Vì không hiểu và ý thức được ta chỉ là một kẻ du khách trên cuộc đời này nên ta đã để cho vô minh, ái dục, sân hận dẫn dắt tạo nghiệp.

39) Mạng căn, nhựa sống tàn lụi ngày đêm không ngừng. Không có chi ngăn cản được. Làm sao cái chết lại không thể đến với ta được?

40) Nằm dài trên giường bệnh, tuy có họ hàng vây quanh nhưng ta sẽ phải cảm thọ đau đớn một mình trong cơn hấp hối.

41) Một khi bị sứ thần của Yama [5] bắt đi, thử hỏi tìm đâu ra được anh em bạn bè? Duy chỉ có công đức lành mới có thể cứu được ta, nhưng ô hô, trong lúc sống có bao giờ ta nghĩ đến nó đâu?

42) Vì ngu si, nông nổi không ý thức được hậu quả mai sau nên ta đã bám víu vào cuộc đời phù du này mà tạo nhiều điều xấu ác.

43) Một tên tù binh khi bị hành hình thì thân mình co rút, cổ họng thắt nghẹt, ánh mắt lơ đờ không còn nhìn rõ gì nữa.

44) Thử hỏi trường hợp của ta sẽ ra sao khi bị bệnh tật, hấp hối hành hạ và nhất là bị sứ thần của Yama bắt đi?

45) Lúc đó mắt ta sẽ hốt hoảng cầu cứu. Nhưng ai là người có thể bảo vệ che chở cho ta trong cơn hiểm nạn này.

46) Tìm khắp không thấy ai che chở, sợ hãi ta rơi vào hôn mê bất tỉnh. Ôi số phận ta sẽ ra sao?

47) Do đó, ngày hôm nay đây, con xin nương tựa, cầu sự che chở của chư Phật, chư Thắng Vương, là những bậc Đại Hùng, Đại Lực giải trừ mọi sợ hãi cho chúng sinh.

48) Nơi Thánh Pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, có thể đưa chúng sinh đến giải thoát và nơi toàn thể chư Bồ Tát.

49) Vì yếu đuối, sợ hãi nên con xin nương tựa và phó mặc đời con cho Phổ Hiền Bồ Tát, con cũng xin dâng mình cho Văn Thù Bồ Tát.

50) Nơi Quán Thế Âm Bồ Tát, luôn luôn cứu khổ vì lòng đại bi, con xin khẩn cầu đến Ngài với tiếng kêu sợ hãi, thất vọng: "Xin Ngài cứu con, một kẻ lầm mê!"

51) Nơi Hư Không Tạng Bồ Tát (Akasagarbha) và Địa Tạng Vương Bồ Tát (Ksitigarbha) cùng chư Đại Bồ Tát, con xin khẩn nguyện đến tất cả cầu sự che chở.

52) Con cũng xin nương tựa nơi Kim Cang Tạng Bồ Tát (Vajrapani), người mà tất cả ma quỷ và sứ thần của Yama đều sợ hãi chạy trốn.

53) Bao lần con đã quên lời dạy bảo của các ngài, ngày nay đứng trước hiểm nạn, sợ hãi, con trở về nương tựa nơi các ngài. Xin hãy mau cứu con!

54) Thông thường khi đau bệnh nhẹ, người ta còn không dám trái lời bác sĩ. Nói chi đến khi bị hành hạ bởi 404 căn bệnh [6], quả báo của nghiệp quá khứ.

55) Trong số các bệnh, có một loại vô phương cứu chữa, nó tàn hoại tất cả dân chúng cõi Diêm Phù Đề.

56) Có một vị Đại Y Vương chuyên chữa lành tất cả bệnh khổ của thân và tâm. Thế nhưng ta đã xem thường và làm trái lời vị ấy. Ôi! Sao ta có thể điên rồ như vậy được!

57) Khi đi cạnh một hố sâu vài trượng, ta biết cẩn thận, hết sức chăm chú. Thế nhưng sao ta lại vô tình nhón nhơ đi trên bờ vực thẳm không đáy của địa ngục?

58) Nói rằng: "Ngày hôm nay cái chết sẽ không đến!", đó là một sự an ủi giả dối.

Chắc chắn nó sẽ đến và khi nó đến thì ta sẽ không còn ở đó mà nói năng gì được nữa.

59) Ai sẽ bảo ta: "Đừng sợ hãi!". Ai sẽ chỉ ta lối thoát? Chắc chắn ta sẽ phải chết và như vậy làm sao có thể yên tâm vui đùa được?

60) Những cảm giác khoái lạc ngày trước đã để lại cho ta những gì? Ôi! Mãi mê theo cảm dõ, ta quên lời dạy bảo của bậc thầy!

61) Thôi ngày nay ta phải xa lìa vĩnh viễn cõi trần, bỏ lại cha mẹ, anh em, bạn bè, ra đi lang thang một mình, không biết về đâu? Ôi! Tình yêu và hận thù còn có nghĩa lý gì?

62) Chỉ có một điều đáng được lo lắng ngày đêm, đó là: làm ác chắc chắn đưa đến đau khổ; làm thế nào để thoát đây?

63-64) Hết thấy tội lỗi mà con đã tạo vì vô minh hay vô ý, phạm giới hoặc sai lầm, con xin phát lồ sám hối tất cả trước chư Phật, Bồ Tát. Ghê sợ tội lỗi, con xin chấp hai tay đánh lễ không ngừng dưới chân các ngài.

65-66) Xin các ngài chứng giám cho sự phát lồ thành thật của con. Từ nay cho đến về sau, con xin phát nguyện, không bao giờ tái phạm nữa.

Chú thích:

[1] Kalpadruma: đây là 5 loại cây của cõi trời, mỗi khi chư thiên ước muốn điều chi, nó liền cho ra quả như thế.

[2] Mgon.po: protecteur, là một danh từ khác để chỉ chư Phật, Bồ Tát.

[3] Rgyal.ba: vainqueur, cũng chỉ đức Phật

[4] Tức chư Bồ Tát, vì Bồ Tát là người đã phát Bồ Đề Tâm

[5] Yama: tử thần, còn gọi là Diêm Vương.

[6] Trong quyển Médecine Tibétaine Bouddhique, của Terry Clifford nói có 4 loại bệnh: nóng, lạnh, ma quỷ ếm và nghiệp. Mỗi loại có 101 căn bệnh, tổng cộng là 404 căn bệnh.

CHƯƠNG III

Phát Bồ Đề Tâm (Bồ Đề Tâm Nguyên)

1) Tất cả chúng sinh có bao nhiêu công đức, hạnh lành tôi đều xin tùy hỷ và nguyện cho họ được an vui hạnh phúc.

2) Có bao nhiêu chúng sinh đã thoát khỏi đau khổ luân hồi, bao nhiêu hiền giả, hành giả đã chứng quả Bồ Tát, quả Phật, tôi đều xin vui mừng tán thán.

3) Tôi xin tùy hỷ, xưng tán tất cả tâm nguyện rộng lớn như biển cả của các đấng Pháp Vương, luôn đem lại hạnh phúc cho chúng sinh.

4) Tôi chấp hai tay, khấn cầu chư Phật mười phương, xin hãy thấp sáng ngọn đuốc pháp cho những kẻ lạc đường đang rơi trong hố thẳm đau khổ.

5) Chư Phật muốn nhập Niết Bàn, tôi xin thành kính chấp tay, thỉnh cầu các ngài trụ

thể vô lượng kiếp cho thể gian thoát khỏi tối tăm.

6) Bao nhiêu công đức góp nhặt được qua các hạnh lành trên, tôi hồi hướng nguyện sẽ làm người cứu khổ chúng sinh.

7) Đối với chúng sinh đau bệnh, tôi nguyện sẽ là thuốc hay, là bác sĩ, là y tá cho đến khi nào không còn một ai đau ốm.

8) Tôi nguyện sẽ dập tắt ngọn lửa đói khát nơi chúng sinh bằng những đám mưa cam lồ. Trong thời nạn đói của kiếp hoại [1], chính tôi sẽ là đồ ăn và thức uống cho tất cả chúng sinh.

9) Tôi nguyện sẽ là kho báu vô tận, cung cấp mọi điều cần thiết cho những kẻ nghèo khổ.

10) Trong những kiếp vị lai, tất cả tài vật, công đức tích tụ trong ba đời, tôi sẽ xả bỏ không luyến tiếc để thành tựu sự giải thoát cho tất cả chúng sinh.

11) Niết Bàn chính là sự xả bỏ hoàn toàn. Trước sau gì cũng phải xả bỏ, tốt hơn là nên bố thí, cúng dường cho tất cả chúng sinh.

12-13) Tôi xin quên mình để phụng sự chúng sinh. Dù có bị đánh đập, mắng chửi, chém giết hay bị xem như một món vật mua vui đi nữa, tâm tôi vẫn vắng lặng. Vì tôi đã xả bỏ thân này cho họ rồi! Còn gì đâu mà lo lắng.

14) Dù họ có sung sướng trong khi hành hạ thân này, tôi cũng xin nguyện cho họ không bị quả báo.

15-16) Dù họ có tức giận, ác ý với tôi, có vu khống, não hại và chế diễu tôi, tôi cũng xin nguyện cho tất cả đắc quả Bồ Đề.

17-18) Tôi nguyện sẽ là người bảo vệ cho những kẻ yếu đuối, người chỉ đường cho những hành khách, một con thuyền hay một cái cầu cho những kẻ muốn qua sông, một ngọn đèn cho những ai đi trong đêm tối, một cái giường cho những ai muốn nằm nghỉ, một kẻ nô lệ cho những ai cần nô lệ.

19) Tôi nguyện sẽ là viên ngọc phép, một lu thần, một linh chú, một cỏ thuốc, một cây như ý và một con bò ước cho tất cả chúng sinh [2].

20-21) Cũng như quả đất (đại địa) và các đại khác cần thiết cho đời sống của vô số chúng sinh trong khắp hư không, tôi

nguyện sẽ là người lợi ích cho tất cả mọi loài cho tới khi nào không còn một ai là kẻ chưa giải thoát.

22-23) Như chư Phật quá khứ đã phát Bồ Đề Tâm, thực hành Bồ Tát Hạnh, tôi đây cũng xin phát tâm Bồ Đề làm lợi ích chúng sinh và thực hành hạnh lành mà chư Bồ Tát đã trải qua.

24) Sau khi đã sáng suốt phát Bồ Đề Tâm, hành giả cần phải nuôi dưỡng, tăng trưởng nó bằng những lời khích lệ sau:

25) Ôi! Từ đây cuộc đời ta đầy ý nghĩa, ta không được bỏ lỡ cơ hội làm người. Ngay hôm nay đây, ta được sinh trong gia đình của chư Phật và làm con trai của Phật.

26) Từ nay trở đi, ta sẽ cư xử, hành động đúng theo truyền thống của gia đình Phật.

Nhất định không làm cho gia đình thanh tịnh quý báu này mang danh xấu nhờ vì ta.

27) Như một kẻ mù bắt được ngọc báu trong thùng rác, không biết nhờ phép lạ nào đã khiến cho Bồ Đề Tâm sinh khởi nơi tôi.

28-31) Nó là một cây thuốc trường sinh khắc trừ sự chết, là một kho tàng vô tận thay thế sự nghèo khổ cho chúng sinh, là một phương thuốc vi diệu chữa trị tất cả bệnh tật thể gian, là một bóng cây mát nghỉ ngơi cho kẻ bộ hành mệt mỏi lang thang trên đường luân hồi, là một cái cầu vĩ đại đưa mọi hành khách thoát khỏi hiểm đạo, là một bóng trăng xoa dịu vết thương ái nhiễm, là một mặt trời tỏ rạng đẩy lui đám sương mù vô minh, là một tô lặc mới làm bằng sữa diệu pháp.

32) Những ai đang lang thang trên nẻo đường luân hồi, khao khát hạnh phúc, thì đây, bữa tiệc hạnh phúc tôi đã dọn sẵn, hãy mau đến dự cho thỏa lòng.

33) Ngày hôm nay, trước sự chứng giám của chư Phật, Bồ Tát, con nguyện đưa hết chúng sinh đến Phật quả. Tất cả chư Thiên, A tu La và mọi loài hãy vui mừng lên!

Chú thích:

[1] Trước khi mãn một tiểu kiếp, sẽ xảy ra 7 ngày binh đao chiến tranh, 7 tháng binh dịch hoành hành và 7 năm hạn hán đói khát

[2] Ngọc phép (cintamani) hay ngọc như ý: khi tâm nghĩ điều gì thì liền có điều đó. Lu thần (bhadragata): khi cần điều gì, chỉ cần thò tay vào lu là lấy được. Linh chú

(Siddhavidya): khi đọc câu chú này thì mọi việc đều thành tựu. Cỏ thuốc (mahaushadhi): là một cỏ chữa bá bệnh. Cây như ý (kalpaviksha) và con bò ước (kamadhenu) là bảo vật của chư thiên. Trái cây và sữa bò cho ra tất cả điều ước.

CHƯƠNG IV

Thực Hành Bồ Đề Tâm (Bồ Đề Tâm Hạnh)

- 1) Sau khi mạnh mẽ phát nguyện Bồ Đề Tâm, bậc Bồ Tát (con trai của Phật) phải tinh tấn tu tập không được xao lãng.
- 2) Khi quyết định một việc gì hấp tấp, không suy nghĩ chín chắn, người ta có thể hoặc thi hành hoặc lãng quên, mặc dầu đã phát nguyện.

3) Nhưng làm sao có thể từ bỏ được những gì đã được suy nghĩ, quán chiếu bởi chư Phật, chư hiền giả Bồ Tát và ngay cả ta nữa?

4) Khi đã nguyện, đã hứa mà không làm thì hóa ra ta lừa tất cả chúng sinh! Như vậy số phận ta sẽ ra sao?

5) Đức Phật dạy rằng: "Ai có ý định cho người một vật gì, dù thật nhỏ không đáng giá, mà cuối cùng không cho thì sẽ đầu thai thành ngựa quỷ".

6) Vậy thì ta đây, sau khi thành tâm phát nguyện sẽ đem lại cho chúng sinh hạnh phúc tối thượng mà nay lại từ bỏ. Không biết đời sau ta sẽ tái sinh làm gì đây?

7) Tuy vậy, cũng có những người từ bỏ Bồ Đề Tâm mà vẫn được giải thoát [1]. Song le việc đó chỉ có bậc Nhất Thiết Trí

(Phật) mới thấu rõ hoàn toàn nguyên nhân bất khả tư nghì của luật nhân quả mà thôi.

8) Tất cả sự yếu đuối, vi ước của Bồ Tát rất là tai hại. Vì khi phạm lỗi, Bồ Tát sẽ bị quả báo ác không thể tính đếm, vì y đã vô tình làm hại đến tất cả chúng sinh.

9) Và kẻ nào làm chướng ngại, dù chỉ một tích tắc, hạnh lành của Bồ Tát, sẽ bị quả báo ác không thể tính đếm, vì y đã vô tình làm hại đến tất cả chúng sinh.

10) Khi phá hại sự an vui của một chúng sinh, chắc chắn ta sẽ bị quả báo hại lại. Thử hỏi, nếu ta phá hại sự an vui của vô lượng chúng sinh trong hư không vô biên thì hậu quả sẽ ra sao?

11) Kẻ nào có sức mạnh dám phá Bồ Đề Nguyên, nhưng lại từ bỏ hoặc làm ngược lại Bồ Đề Hạnh thì kẻ ấy sẽ tiếp tục trôi

lăn trong biển sinh tử, không biết bao giờ mới đến được Bồ Tát địa (Bodhisattvabhumi).

12) Như vậy, ta phải thi hành những gì đã hứa, nếu không ta sẽ bị đọa, càng ngày càng sâu.

13) Vô lượng chư Phật đã qua lại làm lợi ích, cứu độ chúng sinh. Nhưng lỗi tại ta đã tạo nghiệp chướng quá sâu dày nên không cảm nhận được sự cứu độ của các ngài.

14) Nếu ngày hôm nay, ta cũng lại tiếp tục làm những việc (xấu) như trước, chắc chắn sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt, bình tật, đánh đập, chém giết.

15) Biết đến bao giờ ta mới có lại được những duyên lành hy hữu như: mang thân

người, gặp được Phật, có lòng tin, đầy đủ các căn để tu hành?

16) Hiện thời, ta khỏe mạnh, ăn uống đầy đủ, không bị khổ nạn. Nhưng tất cả chỉ là ảo ảnh phù du: chính cái thân này cũng chỉ là vật vay mượn.

17) Hành động như ta hôm nay, chắc chắn không thể nào tái sinh làm người được. Mà nếu không được thân người thì làm sao có thể tạo hạnh lành được?

18) Ngày hôm nay đầy đủ duyên lành mà không biết tạo công đức thì hỏi làm sao ta có thể tạo công đức khi bị đau khổ hành hạ trong ba đường ác?

19) Nếu không làm lành mà chỉ tạo ác thì trong trăm triệu kiếp ta sẽ không bao giờ nghe được một danh từ tốt như "thân người" khó được.

20) Đó là lý do vì sao đấng Thiện Thệ đã tuyên bố: "Được thân người khó hơn việc con rùa mù gặp được bong cây trôi giạt trên biển cả".

21) Phạm tội dù chỉ trong chốc lát cũng đủ đọa địa ngục A Tỳ (Avici) một tiểu kiếp. Thử hỏi khi tội lỗi đã được tạo từ vô thủy thì làm sao có thể nói đến chuyện tái sinh trong đường lành?

22) Nếu sau khi trả hết tội ở địa ngục mà được giải thoát thì cũng còn may! Nhưng trong lúc đền tội, con người lại tạo thêm nghiệp ác.

23) Không có gì điên cuồng ngu xuẩn bằng, sau khi được thân người, ta lại không biết thừa cơ tạo công đức lành.

24) Hiểu được vậy mà vẫn để cho lười biếng ngự trị thì ta sẽ không kịp ăn năn khi tử thần đến gõ cửa.

25) Và lúc đó thân ta sẽ bị thiêu đốt nhiều kiếp bởi ngọn lửa ác độc của địa ngục, tâm ta sẽ bị ngọn lửa ân hận dày vò.

26) Không biết nhờ phép lạ nào đã khiến ta may mắn được thân người khó được này. Thế mà vừa ý thức được điều đó, ta lại phải trở xuống địa ngục!

27) Ta chẳng khác gì kẻ mất hồn, bị thôi miên bởi tà thuật! Không biết cái gì đã ngự trị trong ta, đã làm ta mất trí?

28) Trời ơi! Những kẻ thù của ta: tham dục, sân hận và phiền não, chúng không có tay, không có chân, không can đảm cũng không có trí huệ. Thế sao ta lại có thể trở thành nô lệ cho chúng?

29) Ngự trị trong tâm ta, chúng tự do hoành hành, phá phách mà ta chẳng hề tức giận. Ôi! Quả là một sự chịu đựng, nhẫn nhục vô lý!

30) Tất cả Trời, Người, A tu La hợp lại cũng không thể lôi kéo ta vào địa ngục được.

31) Nhưng phiền não, ái dục là những kẻ thù không tưởng, lại có thể vớt ta vào địa ngục A Tỳ trong nháy mắt. Trong đó, to lớn như núi Tu Di cũng bị cháy tiêu không còn một hạt tro.

32) Trong số các kẻ thù, không có ai sống dai hơn kẻ thù vô minh, ái dục, vô thỉ vô chung.

33) Một người chủ khi được phục vụ trung thành thường biết bảo vệ tôi tở của mình. Nhưng ái dục thì ngược lại, luôn

luôn đem lại đau khổ cho những ai đã phục vụ nó.

34) Sự ác độc của nó trường kỳ dai dẳng. Nó chính là nguồn gốc của biển khổ và oái ăm thay, nó lại ở ngay trong tâm ta. Như thế làm sao ta có thể an nhiên vui chơi theo lạc thú của đời?

35) Nó là kẻ cai tù, là kẻ hành quyết tội nhân trong địa ngục. Làm sao mơ ước được hạnh phúc khi nó còn ngự trị trong tâm ta?

36-37) Chỉ khi nào nó bị tiêu diệt hoàn toàn dưới mắt ta thì lúc đó ta mới cởi bỏ chiến bào. Những kẻ kiêu ngạo, khi bị mắng chửi, họ liền nổi giận tìm cách trả thù cho đến khi hạ nhục được đối thủ thì họ mới yên tâm đi ngủ. Trên bãi chiến trường, họ có thể đánh đập tàn nhẫn kẻ

thù dù kẻ đó đã bị thương gần chết. Họ thản nhiên bắt tên, liệng dao, xem thường sự đau đớn của kẻ thù và họ chỉ quay lưng đi khi kẻ thù đã chết.

38) Như thế thì ta đây, người đã đứng lên quyết thắng kẻ thù ái dục, nguyên nhân của khổ đau, tại sao lại có thể thất vọng, thối lui được?

39) Đối với những vết thương vô ích gây ra bởi kẻ thù mà người chiến sĩ lại xem đó như một vinh quang thì chẳng lẽ ta đây, quyết làm đại sự, lại lần tránh khổ cực sao?

40) Chỉ vì sinh nhai thôi mà những kẻ chà lưởi những nông phu, những thợ săn còn chịu đựng được nóng lạnh, đói khát. Chẳng lẽ ta, vì muốn giải thoát chúng sinh, lại không làm được hơn thế sao?

41) Ta đã phát nguyện cứu độ chúng sinh trong mười phương ra khỏi ái dục, phiền não trong khi chính ta chưa tự độ giải thoát!

42) Không biết tự lượng khả năng của mình, ta đã ngạo nghễ phát nguyện một cách vô ý thức. Vậy từ nay ta phải không ngừng chiến đấu, tiêu diệt phiền não của chính mình trước.

43) Sự chiến đấu này sẽ là mục đích duy nhất của đời ta. Như một chiến sĩ căm thù, chỉ còn một say mê, đó là: say mê tiêu diệt tất cả những say mê khác (tức ái dục).

44) Dù có bị chặt đầu, moi ruột, móc gan! Ta cũng không bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù muôn đời của ta.

45) Bình thường khi một kẻ địch thua trận, y có thể rút lui ẩn trú một nơi để

phục hồi sức lực và sau đó sẽ trở lại. Nhưng kẻ thù ái dục thì không thể ẩn náu một nơi nào khác cả!

46) Một khi bị tổng khứ ra khỏi tâm ta, thử hỏi nó sẽ ẩn trú nơi đâu để có thể phục thù ta được? Sức lực duy nhất của nó, không gì khác hơn, chính là sự yếu hèn và ngu si của ta. Ái dục chính là một bọn tiểu nhân hèn hạ, chạy trốn khi gặp trí huệ.

47) Ái dục không nằm ngoài cảnh vật, không nằm trong các căn, không nằm ở giữa (cảnh và căn), cũng không nơi nào khác. Vậy nó nằm ở đâu để có thể làm điên đảo tất cả thế gian? Nó chỉ là một ảo ảnh mà thôi. Hỡi tâm ơi! Hãy trở về với Trí Huệ, xa lìa mọi sợ hãi. Tại sao người lại muốn bị đau khổ nơi địa ngục một cách vô lý?

48) Nhất quyết! Từ nay ta sẽ tinh tấn thực hành giới hạnh của Bồ Tát. Vẫn biết thuốc hay có thể chữa lành bệnh, nhưng làm sao hồi phục được sức khỏe nếu không làm đúng theo lời bác sĩ?

Chú thích:

[1] Ý nói các bậc A La Hán ban đầu phát tâm Đại Thừa nhưng nửa đường thôi chí.

CHƯƠNG V

Giữ Gìn Tâm Ý

1) Người nào muốn giữ gìn giới hạnh thì trước hết phải biết giữ gìn cẩn thận tâm ý; nếu không giữ gìn được tâm ý thì sẽ không giữ gìn được giới hạnh.

2) Những con voi rừng, khi bị động cốn, dầy xéo phá hoại mọi vật nhưng vẫn chưa

bằng con "voi tâm" phóng túng nơi địa ngục.

3) Nhưng nếu cột được con "voi tâm" này bằng sợi dây chánh niệm thì mọi nguy hiểm sẽ tan biến, mọi hanh thông sẽ hiển bày.

4-5) Tất cả sư tử, cọp, voi, gấu, rắn, độc thú, những tên cai tù địa ngục, La Sát, Dạ Xa sẽ bị giam trói nếu chính tâm bị giam trói; hết thảy sẽ được điều phục nếu tâm được điều phục.

6) Bao nhiêu tai nạn, đau khổ, thảy đều phát xuất từ tâm! Bạc Đạo Sư đã dạy như thế.

7) Ai đã tạo ra những giường sắt nung đỏ, những rừng đao kiếm nơi địa ngục? Và những người đàn bà răng bằng sắt này [1] ở đâu ra?

8) Tất cả đều do cái tâm tội lỗi tạo ra. Đức Phật đã nói: trên đời này chỉ có tâm tội lỗi là nguy hiểm nhất.

9) Nghe nói Bồ Thái Ba La Mật sẽ đem lại giàu sang, thế sao ngày nay loài người vẫn còn nghèo khổ? Chẳng lẽ chư Phật quá khứ đã không thành tựu sự bố thí sao?

10) Bồ Thái Ba La Mật là tâm niệm xả bỏ, bố thí cho tất cả chúng sinh những vật sở hữu, và cho (hồi hướng) luôn cả công đức bố thí kia. Như vậy Bồ Thái Ba La Mật cũng chính là tâm (niệm) không gì khác.

11) Làm thế nào để tránh khỏi giết hại chúng sinh, đưa họ đến nơi an ổn? Trì giới Ba La Mật chính là tâm niệm từ bỏ lỗi lầm.

12) Chúng sinh ngộ nghịch, số lượng vô cùng vô tận làm thế nào hàng phục được

tất cả? Nếu ta hàng phục được tâm sân hận thì tức khắc sẽ hàng phục được tất cả.

13) Tìm ở đâu được mảnh da lớn có thể bao phủ toàn quả địa cầu? Ngay nơi chiếc dép da này, toàn mặt đất sẽ được bao phủ.

14) Cũng vậy, tuy chưa làm chủ được ngoại cảnh nhưng ta làm chủ được tâm mình: còn gì đáng làm hơn nữa!

15) Dù có phối hợp với khẩu và thân nghiệp đi nữa, cái tâm nặng trĩu (tà kiến) cũng không đạt được cảnh trời Phạm Thiên, trong khi chỉ cần riêng một mình cái tâm thanh tịnh cũng đủ!

16) Dù tụng kinh, ép xác lâu ngày cũng đều vô ích nếu tâm tán loạn, chứa đầy tà kiến.

17) Những kẻ đi tìm hạnh phúc, chạy trốn khổ đau, sẽ tiếp tục lầm đường lạc lối nếu không hiểu được cái tâm kỳ bí năng chứa tất cả các pháp này.

18) Như vậy tâm phải được canh chừng, gìn giữ cẩn thận. Nếu không biết giữ gìn tâm ý thì tu tập những pháp môn khác có nghĩa lý gì?

19) Như một kẻ bị thương, đứng giữa đám khùng cố gắng bảo vệ vết thương không cho bị đụng. Cũng vậy, giữa những người lưu manh, dối trá, ta phải giữ gìn tâm ý mình như bảo vệ vết thương vậy.

20) Thay vì bảo vệ vết thương ngoài da để nó đừng làm đau, tốt hơn ta nên bảo vệ vết thương tâm để nó đừng bị đè nát dưới chân núi địa ngục.

21) Nếu giữ đúng giới hạnh trên, ta sẽ cứng rắn, điềm nhiên giữa những người tội lỗi và nữ sắc.

22) Ta có thể để mất tất cả tài sản, danh dự, mạng sống cùng các công đức, nhưng không bao giờ để mất tâm [2]. Không bao giờ!

23) Hỡi những ai muốn bảo vệ tâm ý. Tôi xin chấp tay khẩn cầu: "Hãy hết sức giữ gìn chánh niệm và tỉnh thức".

24) Một người bệnh hoạn đau ốm sẽ không có sức để làm bất cứ một việc gì. Cũng vậy nếu tâm si mê, phóng túng thì sẽ không làm được công đức gì cả.

25) Nếu vô ý (không tỉnh thức) thì tất cả công lao, kết quả của sự học hỏi, suy nghĩ, thiền quán sẽ tan mất như nước chứa trong một bình nứt.

26) Có nhiều người thông thái, trí thức, sùng tín nhưng vì thiếu tỉnh thức nên đã lầm theo tà kiến.

27) Sự thất niệm cũng giống như tên ăn trộm, luôn rình rập thừa lúc ta vô ý, nhảy vào đánh cắp tất cả công đức và khiến ta rơi vào khổ nạn.

28) Ái dục cũng giống như đoàn hải tặc, chuyên tìm cơ hội để đánh cướp. Nếu tìm được, chúng sẽ cướp giết hết căn lành khiến ta không còn hy vọng tái sinh nhân cảnh.

29) Như vậy, ta sẽ không bao giờ để tâm thất niệm. Nếu thất niệm thì phải nhớ đến cảnh khổ địa ngục mà mau mau đưa tâm trở về chánh niệm.

30) May mắn thay, những ai được ở gần các bậc thầy lành, nhờ biết kính nể và

tuân theo lời chỉ dạy nên dễ dàng giữ gìn chánh niệm.

31) "Chư Phật, Bồ Tát có thanh tịnh nhãn nhìn thấu mười phương không chướng ngại, tất cả đều hiển lộ trước mắt các ngài và ta đây cũng luôn ở trước mặt các ngài".

32) Nhớ nghĩ như vậy, ta sẽ sinh lòng hổ thẹn, kính nể và luôn nhớ tưởng đến chư Phật trong từng sát na.

33) Tỉnh thức, một khi đến sẽ không bỏ đi nữa nếu được chánh niệm giữ gìn ngoài cửa (tâm).

34) Cứ như thế, ta phải giữ gìn tâm ý. Nếu cảm thấy như bị thúc giục bởi một ý niệm bất chánh, ta phải tức khắc đứng yên bất động như một cây khô.

35) Mắt không được ngó đây liếc kia một cách vô ích mà phải nhìn xuống như trong lúc tọa thiền.

36) Nhìn xuống lâu mỗi mắt, ta có thể ngẩng lên nhìn chân trời và lúc đó nếu có người đến gần, ta cũng nên chào hỏi lễ phép.

37) Trong khi đi đường, nếu nghi ngờ tai nạn, ta có thể nhìn bốn phía, nhưng phải đứng lại để nhìn.

38) Sau khi nhìn trước ngó sau, ta có thể tiến tới hoặc thối lui tùy trường hợp.

39) "Đây là tư thế của thân" hành giả sơ cơ cần phải niệm như vậy trước khi làm một động tác nào. Và trong khi hành động cũng phải kiểm soát tư thế của mình.

40) Hành giả phải canh chừng cẩn mật tâm ý như canh chừng một con voi rừng không cho nó giựt đứt giây xây thoát khỏi cột trụ chánh pháp.

41) "Tâm ta ở đâu, đang làm gì?". Hành giả niệm như vậy và quán sát tâm mình nếu muốn an trụ nơi thiền định.

42) Tuy vậy, gặp trường hợp bất ngờ như tai nạn hoặc trong lúc bố thí, nếu thất niệm thì cũng có thể tha thứ được.

43) Nếu quyết định làm một việc lành nào thì phải để hết tâm thi hành xong việc đó không được nghĩ đến chuyện khác.

44) Như vậy mọi việc sẽ được hoàn tất. Ngược lại thì "xôi hỏng bỏng không" và thất niệm sẽ trở về lần át.

45) Phải xa lìa các cuộc nói chuyện tầm phào và những cảnh tượng kích thích.

46) Nhớ lời Phật dạy không nên làm điều vô ích, ta sẽ không gạch đường, bới đất, cắt cỏ.

47) Trước khi nói năng hay cử động, ta phải kiểm soát tâm ý đưa nó trở về chánh niệm.

48) Nếu thấy tâm đang ái nhiễm hay sân hận thì ta ngưng mọi nói năng, cử động và đứng yên như một cây khô.

49-50) Khi nào thấy tâm ngã mạn, kiêu ngạo, háo thắng, khoe khoang, tà vạy, ác độc, muốn chỉ trích lừa đảo kẻ khác thì ta hãy đứng yên bất động như một cây khô.

51) Khi tâm muốn tiền của, danh dự, vinh quang, khen ngợi thì ta sẽ đứng yên bất động như một cây gỗ.

52) Khi tâm ích kỷ, không muốn làm lợi ích cho người mà chỉ muốn lợi cho mình thì khi sắp nói, ta sẽ đứng yên bất động như một cây khô.

53) Khi tâm bồn chồn, lo lắng, lười biếng, thích nói chuyện phù phiếm, thiên vị thì ta sẽ đứng yên bất động như một cây khô.

54) Khi nhận thấy tâm mình bị xao động, đang làm môi cho ý niệm tà kiến thì người dũng sĩ (Bồ Tát) phải giữ chặt giây cương, dùng phương pháp đối trị.

55-56) Cương quyết từ bi, khiêm nhường, lễ phép, thông cảm, bình tĩnh, luôn luôn làm lợi ích cho kẻ khác. Không bao giờ bực tức, nổi giận vì những đòi hỏi vô lý

của những kẻ vô tri mà ngược lại, khởi tâm thương xót vì biết họ đang bị vô minh phiền não sai sử.

57) Trong lúc làm lợi ích cho mình và cho người, Bồ Tát luôn thuận theo Chánh pháp, giữ gìn cẩn mật tâm ý, xa kìa mọi ý niệm về "Ta".

58) Luôn ghi nhớ giờ phút hy hữu có được ngày hôm nay, sau bao kiếp đau khổ, ta sẽ giữ gìn tâm ý vững chắc, bất động như núi Tu Di.

59) Khi bị đám điều hâu thềm thịt, cắn xé, mổ xẻ, sao cái thân (thây) chết kia không biết đau đớn, la hét?

60) Ôi, tâm ơi! Sao ngươi lại lo lắng, cho cái thây đó là ngươi? Là bản ngã (cái ta) của ngươi? Nếu nó không phải là ngươi thì sự còn mất của nó có ăn nhằm gì?

61) Ôi, ngu xuẩn! Tại sao người không lấy một con búp bê bằng gỗ sạch sẽ cho đó là cái Ta (bản ngã) của người mà lại đi săn sóc một cái máy dơ bẩn cấu tạo bằng những thứ bất tịnh?

62-63) Trước hết bằng sự quán tưởng, hãy nhắc bỏ cái lớp vỏ "da" này ra; với trí phân biệt làm con dao, hãy cắt rời từng mảnh thịt ra khỏi xương; tiếp theo chặt từng khúc xương và nhìn vào tủy xem thực chất của nó là gì?

64) Sau khi tìm kiếm kỹ lưỡng, không thấy được thực chất nào. Tại sao người vẫn tiếp tục bảo vệ, ái luyện cái thân?

65) Người ta không ăn được những thứ bất tịnh, không uống được máu mủ. Vậy thử hỏi người làm gì với cái thân?

66-67) A! Phải người gìn giữ nó để sau này làm mồi nuôi chó sói và điều hâu chằng? Thay vì dùng cái thân khốn nạn này vào việc tạo công đức, người lại săn sóc ái luyện nó để cuối cùng tử thần cũng đến giọt của người, vứt cho điều hâu ăn. Ôi, lúc đó người sẽ làm gì?

68) Thông thường, một kẻ đầy tớ khi thôi việc rời khỏi nhà, người ta có cho y quần áo cùng tặng vật không? Cũng thế, cái thân này, sau khi được nuôi dưỡng, chăm sóc, cuối cùng nó sẽ ra đi, tại sao người lại tốn công vì nó?

69) Hãy trả vừa đủ lương cho nó thôi! Và tâm của ta ơ! Hãy lo cho chính người, đừng tốn thì giờ vô ích cho cái thân nữa.

70) Hãy xem cái thân như một chiếc thuyền qua lại. Hãy làm chủ và điều khiển

nó theo ý người để đưa chúng sinh đến bờ giải thoát.

71) Bây giờ làm chủ được cái ta, Bồ Tát trở nên người bạn lành của tất cả mọi người, luôn mỉm cười không còn nhăn mặt chau mày.

72) Không còn bồn chồn, xao động, đập phá bàn ghế, xô cửa ầm ỹ. Bồ Tát an trụ trong yên lặng và khiêm tốn.

73) Con hạc, con mèo và kẻ trộm luôn bước đi nhẹ nhàng yên lặng nên dễ bắt được mồi. Bồ Tát cũng nên tập như vậy.

74) Đối với các bậc hiền giả khéo dùng phương tiện hướng dẫn làm lợi ích cho chúng sinh, Bồ Tát luôn đánh lễ kính trọng. Đối với mọi người, Bồ Tát luôn nhún nhường như một người đệ tử vậy.

75) Nghe ai thuyết giảng chánh pháp, Bồ Tát gật đầu xưng tán. Thấy ai làm việc lành, Bồ Tát liền khen ngợi và tùy hỷ.

76) Bồ Tát luôn khéo léo kể lại hạnh lành của những kẻ khác. Nếu nghe người khen ngợi công đức của mình thì Bồ Tát phải xem đó là lời khen ngợi hạnh lành (chứ không phải khen ngợi mình).

77) Công đức chính là nguồn gốc của an vui hạnh phúc. Tuy vậy, chúng rất hy hữu, dù có nhiều tiền của cũng không thể mua được. Bởi thế nên ta sung sướng tùy hỷ công đức của kẻ khác.

78) Được vậy, trong đời này ta không mất mát gì cả mà đời sau lại được sung sướng hạnh phúc. Ngược lại, nếu ganh ghét, đố kỵ thì đời này ta bị hận thù ray rứt và đời sau s? phải chịu nghèo hèn khổ sở.

79) Lời nói của Bồ Tát cần phải rành mạch, rõ ràng, thành thật, dịu dàng, dễ nghe, ẩn chứa từ bi, vắng lặng.

80) Khi gặp một người nào đó, Bồ Tát nhìn thẳng và nghĩ rằng: "Ta phải biết cảm ơn kẻ này vì nhờ họ mà ta sẽ được thành Phật".

81) Thành kính cúng dường chư Phật, vâng lời phụng sự các bậc Thầy, cứu khổ giúp đỡ chúng sinh: đó là những cơ hội cho Bồ Tát tích tụ công đức.

82) Với sự cương quyết, khéo léo, Bồ Tát hành động một mình, không nhờ vả lệ thuộc vào ai.

83) Các hạnh Ba La Mật như bố thí, trì giới, v.v... được xem từ thấp lên cao, từ dễ đến khó. Nhưng Bồ Tát không được xem

thường hạnh Bồ thí (cho nó là thấp kém) hoặc bất cứ hạnh nào.

84) Sau khi hiểu rõ điều trên, Bồ Tát phải đem hết nghị lực làm việc không ngừng để lợi ích chúng sinh. Nhiều khi Bồ Tát cũng có thể phạm vào giới cấm nếu biết điều đó đem lại lợi ích cho chúng sinh.

85) Bồ Tát sẽ chia xẻ thức ăn của mình cho kẻ đau khổ, cô thế và những tu sĩ khác. Bồ Tát xả bỏ hết, trừ ba y (cà sa).

86) Thân của Bồ Tát chỉ dùng để tu tập chánh pháp nên Bồ Tát không hành hạ, lạm dụng nó vào những việc tầm thường thế gian. Như thế, Bồ Tát sẽ hoàn tất nhanh chóng sự mong ước của chúng sinh.

87) Bồ Tát không được hy sinh thân mạng của mình cho những người lợi dụng,

không có lòng từ bi. Bồ Tát chỉ nên hy sinh nó vì lý do chánh đáng (tức giải thoát chúng sinh).

88) Bồ Tát không thuyết pháp cho kẻ bất kính, hoặc kẻ đội mũ, che đầu, cầm dù, cầm gậy, cầm dao.

89) Giáo pháp cao thượng, thâm sâu, không được giảng dạy cho những kẻ thô tục hoặc cho người nữ nếu không có người nam cùng nghe. Bồ Tát kính trọng bằng nhau giáo lý Đại Thừa và Tiểu Thừa.

90) Nếu thấy người nào có đủ nhân duyên lãnh thọ giáo pháp Đại Thừa thì Bồ Tát không nên giảng dạy giáo pháp Tiểu Thừa cho người đó. Bồ Tát cũng không được thu hút người khác bằng cách giảng dạy

sai lạc Kinh giáo (Sutra) và Mật giáo (Mantra).

91) Bồ Tát không vứt tằm xỉa răng hay khắc nhỏ bùa bải. Tiểu tiện trên dòng nước sạch, trên đất cây là điều xấu hổ đáng trách.

92) Bồ Tát không ăn đầy miệng, há miệng to, khua húp ra tiếng; không ngồi duỗi chân, đong đưa, cũng không được xoa tay xào xạc.

93) Bồ Tát không du lịch một mình hoặc ngủ lại đêm với người nữ (đã có chồng). Bồ Tát cần học hỏi để giữ gìn, không làm những việc có thể gây tai tiếng.

94) Bồ Tát không ra dấu (hay ra lệnh) bằng một ngón tay, mà bằng cả một bàn tay phải, một cách lịch sự, dù để chỉ đường cũng vậy.

95) Khi cần gọi ai, Bồ Tát không dơ tay xua vẫy, trừ trường hợp gấp rút, mà Bồ Tát chỉ búng tay (đàn chỉ) ra tiếng động. Nếu không Bồ Tát sẽ mất tự chủ (oai nghi).

96) Khi ngủ, Bồ Tát sẽ nằm theo tư thế của Đức Phật khi nhập Niết Bàn. Luôn chánh niệm, tỉnh thức, sẵn sàng ngồi dậy nhanh chóng (không chờ ai bắt buộc).

97) Hạnh của Bồ Tát rất nhiều, không thể tính đếm. Nhưng có một hạnh tuyệt đối cần giữ gìn đó là luyện tập và thanh lọc tâm ý.

98) Ba lần buổi sáng, ba lần buổi tối, Bồ Tát thực hành (trì tụng) ba điều căn bản (Giới, Định, Huệ). Nương tựa chư Phật và Bồ Đề Tâm, Bồ Tát sẽ tẩy sạch mọi tội lỗi cho đến vết cuối cùng.

99) Trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù thuận, dù nghịch, Bồ Tát cũng đều nhớ thực hành những giới hạnh trên một cách tương xứng.

100) Vì lợi ích (giải thoát) chúng sinh nên không có hạnh nào mà Bồ Tát không làm. Và như thế, không có hạnh nào mà không đem lại công đức.

101) Bồ Tát làm những hạnh trên chỉ vì lợi ích trực tiếp hay gián tiếp cho chúng sinh; và cũng chỉ vì lợi ích chúng sinh mà Bồ Tát hồi hướng tất cả công hạnh cầu quả Bồ Đề (Phật).

102) Dù phải xả bỏ thân này đi nữa, Bồ Tát cũng không bao giờ xa lìa thiện tri thức thực hành Bồ Tát Hạnh, thông hiểu giáo nghĩa Đại Thừa.

103) Bồ Tát phải thành kính tin tưởng bậc thầy dẫn đạo của mình, như phẩm Srisambhavavimoksa đã dạy. Những giới hạnh được trình bày nơi đây và những lời dạy của Phật cần được tìm học trong Kinh tạng.

104) Những giới luật cùng sự hành trì đều được giảng nói trong Kinh, do đó Bồ Tát cần phải đọc (tụng) Kinh, đặc biệt là Kinh Akacagarbhasutra để biết các lỗi nào nên tránh.

105) Thêm nữa, Bồ Tát cần phải đọc Siksamuccaya vì trong đó kể chi tiết những hạnh của Bồ Tát.

106) Hoặc Bồ Tát nghiên cứu tập Sutrāmuccaya, tóm tắt các hạnh của Bồ Tát và tác phẩm trùng tên của ngài Long Thọ [3].

107) Qua những sách trên, Bồ Tát sẽ biết rõ những gì nên tránh và nên làm. Như thế, Bồ Tát mới có thể hoàn tất chu đáo giới hạnh của mình.

108) Tóm lại, chánh niệm tỉnh thức có nghĩa là quán sát tỉ mỉ, thường xuyên những trạng thái của tâm ý và thân thể.

109) Sau cùng ta phải áp dụng, thực hành những điều trên, vì chỉ đọc tụng và nói suông không thể đem lại lợi ích nào cả. Nếu một bệnh nhân chỉ biết đọc toa thuốc thôi thì y có hết bệnh chăng?

Chú thích:

[1] Ở địa ngục, kẻ phạm tội tà dâm bị bắt buộc leo lên cây Kutacalmali, trên đó có những người đàn bà khổng lồ răng sắt nhọn bám níu cắn xé.

[2] Nghĩa là để tâm phóng túng khởi nghĩ những điều trái với Bồ Tát Hạnh.

[3] Xem phần chú thích ở tiểu sử Tôn Giả Santideva.

CHƯƠNG VI

Nhẫn Nhục

1) Tất cả hạnh lành tích tụ trong nhiều kiếp như bố thí, lễ Phật, v.v.. chỉ cần một giây phút sân hận thôi cũng đủ đốt cháy tiêu tất cả.

2) Không có tội nào tai hại hơn sân hận, cũng không có khổ hạnh nào dững cảm hơn hạnh nhẫn nhục. Do đó, bằng mọi cách, ta (Bồ Tát) sẽ nuôi dưỡng, tăng trưởng tánh nhẫn nhục.

3) Ta sẽ không bao giờ an ổn hay nếm được mùi vị sung sướng thanh thoi, không bao giờ được yên ngủ tự tại nếu ngày đó nọc độc sân hận còn nằm ở trong tâm .

4) Dù được dạy dỗ, bảo vệ, nhưng một khi chán ghét, bức tức, người đệ tử có thể mong muốn hủy diệt vị thầy của mình.

5) Nếu ta giống như người đệ tử trên thì anh em, bạn bè sẽ ghê tởm, xa lánh ta. Dù ta có rộng rãi bố thí đi nữa, họ cũng không tin tưởng ta. Tóm lại, sự an vui không thể đến với người sân hận.

6) Kẻ nào, sau khi ý thức được sân hận là nguồn gốc của đau khổ, hăng hái diệt trừ nó, kẻ đó sẽ hưởng sung sướng trong đời này và đời sau.

7) Sự bất mãn hay sợ hãi vì bị lừa dối chính là nhiên liệu của sân hận. Nếu để nó bùng cháy chắc chắn ta sẽ bị hại.

8) Do đó, ta phải tiêu hủy chất nhiên liệu này trước khi nó sát hại ta.

9) Dù có bị vu khống thậm tệ đi nữa, sự an lạc trong tâm ta cũng không lay động. Vì ta biết rằng bất mãn không đem lại an vui mà ngược lại nó sẽ làm tiêu tan công đức.

10) Cần gì phải buồn rầu bất mãn, nếu ta có giải pháp? Và dù không có giải pháp thì bất mãn sẽ đem lại lợi ích gì?

11) Đau khổ, mạ nhục, chỉ trích, vu oan, tất cả điều đó ta không muốn nó xảy đến với ta và người thân, nhưng ta lại muốn nó xảy đến cho kẻ thù.

12) Sung sướng, dù được cực nhọc tìm kiếm, vẫn mãi không đến. Đau khổ, dù không ai mời mọc, lại đến thường xuyên. Giải thoát không thể có nếu không đi qua đau khổ. Ôi, tâm (của ta) ời, hãy can đảm nhận nhục!

13) Ngoại đạo và chúng sinh ở Carnatic sẵn sàng tự thiêu, rọc xé thân mình mà không hy vọng có ngày giải thoát. Trong khi ta đây, vì mục đích giải thoát, há lại hèn nhát sao?

14) Không có gì khó làm cả, nếu biết luyện tập. Như thế, hãy bắt đầu làm quen với sự cực khổ tầm thường, sau này ta sẽ nhận chịu được những cực khổ dữ dội hơn.

15) Ruồi, muỗi, đói, khát, nhức, ngứa v.v... Tại sao lại xem thường, bảo chúng là vô ích?

16) Nếu không nhẫn chịu được nóng, lạnh, mưa, gió, nhọc, mệt, hành hung, đâm đá thì làm sao có thể nhẫn chịu được những khổ cực khác?

17-18) Có những người lính khi bị đổ máu, họ lại càng can đảm; lại cũng có người chỉ nhìn thấy máu của kẻ khác cũng đủ té xỉu. Cái đó tùy thuộc ở tâm vững mạnh hay yếu đuối. Bồ Tát phải vượt lên làm chủ, chống lại đau khổ.

19) Đau khổ không thể lay động sự bình tĩnh của Bồ Tát. Bởi vì không có sự chiến thắng nào mà không có đau khổ, nhất là chiến thắng ái dục.

20) Thắng được kẻ thù bằng cách chiến đấu hiên ngang thì đáng được xem là chiến tướng anh hùng; còn kẻ chiến thắng bằng thủ đoạn chỉ là người "giết thầy chết" mà thôi.

21) Đau khổ nhiều khi cũng đem lại lợi ích: nó dẹp trừ kiêu mạn, khai mở lòng thương người (đau khổ), ghê sợ tội lỗi và tăng trưởng đức tin nơi chư Phật.

22) Ta không thể nào nổi sân với lục phủ, ngũ tạng, dù biết chúng là nguyên nhân của bệnh tật. Như thế sao ta lại nổi sân đối với người khác? Vì họ cũng (vô chủ) bị nhân duyên chi phối.

23) Dù không ai ưa thích nó, nhưng bệnh tật một khi hội đủ nhân duyên thì tự phát sinh. Cũng vậy, vì bị vô minh, tà kiến che

lập nên khi gặp ngoại cảnh nghịch ý thì con người nổi sân lên.

24) Khi nổi sân, con người đâu có nghĩ trước rằng: "Bây giờ ta phải nổi sân!". Và cơn giận, tự nó cũng đâu có nghĩ rằng: "Bây giờ ta phải xuất hiện".

25) Như vậy, tất cả lỗi lầm cùng hành động xấu ác đều do nhân và duyên hòa hợp sanh khởi. Không có cái gì có thể phát sinh tự nó được.

26) Khi "nhân" và "duyên" phối hợp với nhau, chúng không cố ý tạo ra một cái gì cả. Và "quả" cũng vậy, nó không bao giờ nghĩ là nó được tạo ra bởi cái gì cả.

27) Cái thường được gán gọi là bản chất đầu tiên hoặc cái được tưởng tượng dưới nhãn hiệu "Ta", không bao giờ tự phát sinh sau khi suy nghĩ: "Ta sinh".

28) Vì trước khi được sinh ra. Nó không có (hiện hữu) và như thế làm sao có thể "muốn" sinh ra được? Nếu nó thường có (vĩnh cửu), nó sẽ không bao giờ tách rời khỏi đối tượng của nó và như vậy việc giải thoát không thể có được.

29) Nếu cái Ta (Atman) thường hằng, vô biên như hư không thì đương nhiên nó bất động chuyển. Tự tánh nó như vậy thì dù có xúc chạm với bất cứ vật gì đi nữa, nó cũng không bị chuyển động.

30) Ngay khi xúc chạm sự vật mà nó vẫn như như không khác lúc trước khi xúc chạm, vậy nhân duyên nào lại có thể lay chuyển nó? Nếu bảo tự nó chuyển động thì là cả một sự sai lầm! Một vật làm sao lại có thể có hai tự tánh cùng một lúc được? (vừa bất chuyển động vừa chuyển động) [1].

31) Như vậy tất cả sự vật bắt nguồn từ nhiều nhân, và những nhân này lại tùy thuộc vào nhiều nhân khác nữa. Không có gì độc lập tự hữu cả! Hiểu như thế, làm sao ta có thể nổi sân lên đối với những tên người máy (rô bô) vô chủ cử động như ảo ảnh, huyền thuật?

32) Nhưng người ta sẽ hỏi rằng: "Nếu các pháp không có thật (như ảo như huyền) vậy "Ai" sẽ dẫn cơn giận? Và nếu như không có "Ai" thì cần gì phải dẫn cơn giận?" -Cần chứ! Bởi vì tuy không có "Ai" cả nhưng tiến trình nhân quả vẫn tiếp diễn. Ngăn chặn cơn giận thì sẽ hóa giải được hậu quả đau khổ.

33) Khi một người bạn hay một kẻ thù có những hành động bất hảo với ta, ta hãy nên nhủ lòng: "Đây là nhân duyên đang hoạt động" và giữ tâm vắng lặng.

34) Nếu tất cả vật phát sinh theo ý muốn con người thì chắc không có ai khổ cả: vì đâu có ai lại muốn đau khổ bao giờ!

35) Bởi si mê, sân hận, ham muốn dục lạc, nữ sắc nên con người cầu xé nhau, đói khát khổ sở.

36) Lại cũng có người vì đó mà tự hại mình như: thắt cổ, gieo mình xuống vực thẳm, uống thuốc độc, ăn uống quá độ, v.v.. Thấy đều là tội lỗi.

37) Chỉ vì nô lệ cho ái dục, con người đâm ra hủy hoại thân thể (quý giá) của mình. Như vậy làm sao bảo vệ được thân thể cho người khác?

38) Với những kẻ điên dại vì ái dục, luôn não hại ta, nếu ta không khởi được lòng từ bi thương xót họ, thì ít nhất ta cũng đừng nên sân hận (với họ).

39) Nếu tự tánh của những kẻ si mê trên là ác độc, chuyên làm khổ người khác thì nổi sân với họ chẳng khác chi nổi sân với ngọn lửa. Đó là một điều vô lý.

40) Ngược lại, nếu tự tánh của họ hiền lành, ngay thẳng và sự ác độc của họ chỉ là tạm thời chốc lát thì nổi sân với họ cũng vô lý như nổi sân với làn khói trong hư không.

41) Khi bị đánh đập, không ai giận cây gậy cả, mà giận chính người xử dụng cây gậy. Cũng vậy, đối với người sân hận ta, ta không nên giận họ mà hãy nên giận cái tánh sân hận đã thúc đẩy họ.

42) Xưa kia ta não hại người nên nay người não hại ta. Đó là quả báo đương nhiên.

43) Sự đau khổ của ta có hai nguyên nhân: lưỡi kiếm chém ta và thân ta bị chém. Người kia đã lựa cây kiếm còn ta thì khoác cái thân này. Như vậy còn trách ai?

44) Bởi vô minh che lấp, ta đã bám víu vào thân này, không biết thực tướng của nó chính là một vết thương nặng, chỉ cần đụng nhẹ cũng gây đau đớn. Như vậy, thử hỏi khi nó đau thì giận ai (nếu không phải là giận chính ta)?

45) Ta không thích khổ đau nhưng lại thích (tạo) nguyên nhân dẫn đến đau khổ. Ôi! Không ai điên rồ hơn ta! Chính vì (tội lỗi của) ta mà đau khổ phát sinh, tại sao lại đi giận kẻ khác?

46) Chính những hành động của ta đã tạo ra cảnh địa ngục với rừng đao lá kiếm và

cũng chính hành động của ta tạo cho ta khổ đau hiện thời. Như vậy ta còn giận ai?

47) Chính những hành động của ta đã khiêu khích kẻ khác (để họ tức giận) và khiến họ đọa địa ngục. Thủ phạm há chẳng phải là ta ư?

48) Nhờ họ mà ta thành tựu được hạnh nhẫn nhục, tẩy trừ nhiều tội lỗi. Nhưng ngược lại, vì ta mà họ phải đọa địa ngục lâu dài.

49) Họ là những ân nhân của ta, trong khi ta lại hành quyết họ. Ôi! Cái tâm (mắt dạy của ta) ơi, sao ngươi không biết hổ thẹn mà lại đòi giận tức?

50) Nếu biết hành hạnh nhẫn nhục thì ta sẽ tự cứu được mình không đọa địa ngục. Nhưng những kẻ khác thì sao?

51) Dù ta có trả thù họ đi nữa, không phải vì thế mà họ được cứu rồi. Ngược lại, sự nghiệp Bồ Tát của ta sẽ đổ gẫy và những kẻ đáng thương kia sẽ bị đọa đày.

52) Tâm của ta vô tướng mạo, không phải bằng vật chất nên không ai có thể đánh đập được nó. Nếu nó bị đau đớn, chẳng qua chỉ vì nó bám víu vào cái thân mà thôi.

53) Những lời mắng chửi, nói xấu, vu oan, v.v.. không ăn nhằm hay tổn thương gì đến thân, thể nhưng tại sao người lại nổi giận hả tâm?

54) Nếu có nhiều người thù ghét ta, sự việc đó đâu có cản xé được ta trong đời này hay đời sau, tại sao ta lại sợ hãi?

55) Vì sợ mất lợi dưỡng chăng? Dù muốn dù không, lợi dưỡng cũng tan biến sau đời

này, trong khi đó nghiệp xấu của ta vẫn tiếp tục mãi đời sau.

56) Thà chết ngay ngày hôm nay còn tốt hơn là sống lâu trong tà kiến. Bởi vì, dù có sống lâu đi nữa cũng không ai thoát khỏi đau đớn của cái chết.

57-58) Một người, trong chiêm bao thấy mình sống sung sướng 100 năm; người khác lại mơ thấy chỉ sung sướng trong một giờ. Cuối cùng cả hai đều thức dậy và khi đó hạnh phúc kia cũng không còn. Cũng vậy, dù cuộc đời có dài hay ngắn, khi cái chết đến thì cũng chấm dứt như nhau.

59) Dù có sống sung sướng, giàu sang, hưởng thọ khoái lạc, cuối cùng ta cũng phải ra đi với hai bàn tay trắng, giống như người bị kẻ cướp bóc lột.

60) Có người bảo: "Nhờ giàu sang ta mới có thể sống lâu để tích tụ công đức, tiêu trừ tội lỗi". Đúng vậy, nhưng nếu vì lợi dưỡng mà nổi sân thì đó lại là tích tụ tội lỗi, tiêu mòn công đức.

61) Nếu không có một mục đích lý tưởng cao thượng trong đời thì sống lâu có ích lợi gì? Phải chăng để tạo nghiệp ác?

62) Chắc chắn ta ghét kẻ nói xấu ta, vì như thế họ sẽ làm người khác không tin tưởng ta nữa. Thế sao khi họ nói xấu kẻ khác thì ta lại thản nhiên?

63) Ta thản nhiên được khi kẻ khác bị nói xấu, thế sao ta lại khó chịu trước những lời thật (trái tai) vạch rõ lỗi lầm của ta?

64) Đối với những người bất kính, đập phá tượng, tháp, kinh sách, ta cũng không nên nổi giận. Bởi vì ngay cả đức Phật và

chư thánh tăng cũng đâu có bị (tổn thương) gì!

65) Nếu kẻ nào xử tệ với thầy ta, cha mẹ ta và những người thân ta, ta hãy kèm tâm hãm giận, quán chiếu đó chỉ là kết quả của nhiều nhân duyên.

66) Sự đau khổ của chúng sinh chính là hậu quả của những nguyên nhân cố ý hay vô tình và nó chỉ phát hiện với một chúng hữu tình. Vậy hãy ráng nhẫn chịu tâm ơi!

67) Một kẻ thì tạo ác bởi vô minh, một kẻ thì nổi sân vì si mê. Vậy ai đúng ai sai?

68) Xưa kia ta đã tạo hành động gì để ngày nay khiến người khác làm ta đau khổ? Tất cả đều là kết quả nghiệp quá khứ, làm sao trách cứ được ai?

69) Hiểu như vậy, ta sẽ cố gắng tạo nghiệp lành, cầu cho tất cả chúng sinh có được ý niệm thương yêu lẫn nhau.

70) Khi có một căn nhà bị cháy, người ta sẽ chạy sang nhà bên cạnh, lôi vớt tất cả rơm cỏ khô và những đồ dễ bắt lửa.

71) Cũng vậy, tất cả ý niệm nào có thể kích thích ngọn lửa sân hận đều phải được loại trừ tức khắc, nếu không chẳng mấy chốc cái kho công đức của ta sẽ bị cháy rụi.

72) Làm sao một tên tử tội lại có thể than vãn khi bị chặt tay rồi được thả, thay vì phải bị chém đầu? Làm sao ta lại không nhẫn chịu được đau khổ tạm thời nếu biết nhờ đó ta sẽ tránh khỏi cái khổ địa ngục?

73) Nếu ngày hôm nay không nhẫn chịu được một chút đau khổ của thế gian thì

sao ta không biết ngăn chặn sân hận, vì nó là nguyên nhân dẫn đến đau khổ địa ngục?

74) Chỉ vì giận tức, sân hận mà ta đã bị thiêu đốt ngàn lần dưới địa ngục một cách ngu xuẩn không lợi ích gì cho ta và cho người.

75) Trong khi đó, nếu so sánh thì cái khổ hiện đời quả thật ít ỏi và hơn nữa nó có thể đem lại lợi ích. Như vậy ta phải hoan hỷ nhẫn chịu cái khổ nhỏ để giải trừ cái khổ lớn cho tất cả chúng sinh.

76) Có những người chuyên môn khen ngợi tán thán công đức của kẻ khác. Tâm (của ta) ơi, tại sao ngươi không biết hoan hỷ tham gia?

77) Đó là một niềm vui tuyệt hảo, không thể chê trách, thường được các bậc thánh

nhân ca ngợi. Và đó cũng là một phương tiện tối thắng để thu phục kẻ khác.

78) Người ta thường sung sướng khi được khen ngợi. Nhưng nếu người không chấp nhận điều đó (vì ganh tỵ) thì người sẽ gặt hái hậu quả đời này và đời sau.

79) Nếu có kẻ nào xưng tán người thì người muốn những người khác cùng tham dự. Nhưng nếu người ta xưng tán kẻ khác thì người lại không thích tham dự.

80) Ta đã phát tâm Bồ Đề, nguyện làm cho tất cả chúng sinh được an vui. Tại sao lại khó chịu khi thấy người khác tìm được an vui?

81) Ta muốn chúng sinh đều chứng Phật quả, được ba cõi xưng tán thì sao ta lại buồn rầu khó chịu khi họ chỉ được vài người khen ngợi?

82) Đối với cha mẹ, người thân, ta chưa kịp chăm sóc, cung phụng mà họ vẫn an ổn. Đáng lý ta phải vui mừng chứ sao lại khó chịu?

83) Làm sao giải thoát được chúng sinh nếu không biết cầu cho họ được an vui toại ý? Làm sao tâm Bồ Đề có thể khởi lên được với người chuyên ganh tỵ khi thấy kẻ khác giàu sang?

84) Nếu một khát sĩ không nhận được của cúng dường thì của đó vẫn nằm trong nhà thí chủ, đâu ăn nhằm gì đến ta. Vì dù khát sĩ đó có được cúng dường hay không, của đó vẫn không về phần ta kia mà!

85) Tại sao người lại muốn khát sĩ kia xa lìa phước báo, từ chối sự cúng dường của đàn na thí chủ? Ôi! Bao giờ người mới ngưng những ý niệm xấu xa hạ tâm?

86) Người không biết hối hận việc ác đã làm mà lại ganh tỵ với những người đạo hạnh.

87-88) Nếu chẳng may kẻ thù người gặp nạn, có gì đâu mà người lại vui mừng? Đây phải sự ước mong của người đã làm thay đổi luật nhân quả. Dù hẳn có bị đau khổ như người muốn thì việc đó đem lại ích lợi gì cho người? Nếu người nói: "Ta hài lòng vì hẳn đau khổ!" thì không có gì tai hại hơn cho người sau này.

89) Sự ganh tỵ là miếng mồi câu nguy hiểm của ái dục. Chúng sẽ bán người cho những tên quỷ sứ địa ngục nấu chín người trong nồi đồng sôi.

90) Danh vọng, vinh quang, thấy không tạo thêm công đức, không kéo dài mạng

sống, không tăng thêm sức mạnh cũng không chữa lành bệnh tật.

91) Nhưng chúng là những thứ mà "người thông minh ở đời" thường hay tìm kiếm. Cờ bạc, rượu chè, nữ sắc, đó là những thứ ưa thích của người đam mê nhục dục.

92) Danh vọng! Chỉ vì hai chữ này mà con người sẵn sàng hy sinh mạng sống, của cải. Hai chữ "danh vọng" này có ăn được không? Một khi chết rồi, ai sẽ ném được sung sướng (của danh vọng)?

93) Khi tòa nhà bằng cát của nó bị sụp đổ, đũa tre nít sẽ hét lên đau đớn. Cũng thế, khi danh vọng, vinh quang của ta bị sụp đổ, tâm ta chẳng khác gì đũa tre nít kia.

94) Lời khen chỉ là tiếng vang, một âm thanh vô tình, làm sao lại nói là nó khen

ta? Nhưng ta sẽ bảo là người đó hài lòng vì ta nên ta vui mừng.

95) Nếu thế, lời khen đó về ta hay về người khác thì ta được ích lợi gì? Duy chỉ có người khen mới cảm nhận sự vui sướng thôi.

96) Nếu bảo là vui mừng khi thấy người kia sung sướng thì trong bất cứ trường hợp nào ta cũng phải vui mừng chứ! Vậy sao lúc người kia vui mừng khen ngợi kẻ khác thì ta lại không vui mừng?

97) A! thì ra cuối cùng ta vui mừng chỉ vì họ khen "Ta". Tư cách đó chẳng khác gì một đứa trẻ nít.

98) Lời khen vừa làm động tâm, vừa làm e ngại kẻ yếu đuối; nó khiến ta ganh tỵ với người đức hạnh và như thế công đức của ta sẽ tiêu mòn.

99) Do đó những ai phá hoại danh dự của ta, kẻ đó đang giúp ta thoát khỏi cái đọa địa ngục.

100) Tiền của, danh dự là những dây xích trói buộc, ngăn cản ý chí giải thoát của ta. Như vậy, sao ta ghét bỏ những người đến tháo gỡ xiềng xích cho ta?

101) Nhờ ơn chư Phật xui khiến, những kẻ não hại ta thật ra họ là những cánh cửa chặn đóng trước mặt để ta không rơi vào đường ác. Như vậy sao ta lại ghét bỏ họ?

102) "Nhưng nếu có người ngăn ch?n không cho ta làm việc công đức thì sao?". Đối với người đó cũng vậy, ta không được nổi giận. Vì không có sức mạnh nào mãnh liệt hơn sự nhẫn nhục, và kẻ đó đang cho ta cơ hội tốt (để tu tập).

103) Nếu không nhẫn nhục được thì đó là lỗi tại ta. Chính ta đã ngăn chặn việc công đức của mình.

104) Nếu không có cái này thì cái kia cũng không có. Nếu cái này có thì cái kia là nguyên nhân. Như vậy kẻ nào nào hại ta chính là nguyên nhân của nhẫn nhục, tại sao lại bảo họ là chướng ngại?

105) Kẻ ăn xin xuất hiện đúng lúc đâu phải là chướng ngại cho sự bố thí? Vị thầy truyền giới đâu phải là chướng ngại cho người muốn đi tu?

106) Kẻ ăn xin đầy dẫy khắp nơi nhưng ít có ai nào hại người. Nếu không hại người thì lấy đâu bị người hại.

107) Một kẻ thù không gọi mà tự đến cũng giống như một kho tàng tự nhiên

xuất hiện trong nhà của ta vậy. Họ là trợ duyên quý giá cho sự tu tập giác ngộ.

108) Nếu nhờ họ mà ta thực hành nhẫn nhục được thì phải biết mang ơn họ. Có họ nên mới có sự nhẫn nhục của ta.

109) "Nhưng kẻ thù kia đâu có ý tập cho ta tăng trưởng hạnh nhẫn nhục, cần gì phải mang ơn y?". Nếu nói vậy thì sao ta lại biết ơn giáo pháp, vì giáo pháp cũng đâu có cố ý khiến ta tu hành?

110) "Nhưng hễ cố ý hại ta nên ta không thể biết ơn hễ được!". Như vậy làm sao tu tập nhẫn nhục được? Chẳng lẽ tập nhẫn nhục với những người tốt với ta ư? Với người bác sĩ hết lòng chữa bệnh cho ta chẳng?

111) Sự thù nghịch chính là nhân duyên của nhân nhục. Do đó. Ta phải biết ơn kẻ thù cũng như biết ơn Phật Pháp vậy.

112) Đức Phật đã nói: "Tất cả chúng sinh đều là ruộng phước chẳng khác ruộng phước của chư Phật". Bởi nhờ phục vụ chúng sinh mà rất nhiều người đã đến được bờ bên kia (giải thoát).

113) Chính nhờ chúng sinh và nhờ chư Phật mà ta thành tựu được Phật hạnh. Sao ta chỉ biết ơn chư Phật mà không biết ơn chúng sinh?

114) Vẫn biết chủ ý của chư Phật không giống của chúng sinh, nhưng kết quả cho ra giống nhau. Do đó ta phải xem chúng sinh quan trọng không kém chư Phật.

115) Chúng sinh vô lượng nên ta mới có thể tích tụ vô lượng công đức. Công đức

của chư Phật vô lượng nên tin tưởng chư Phật cũng giúp ta tích tụ vô lượng công đức.

116) Tất cả chúng sinh chẳng khác chư Phật, đó là vì nhờ họ mà ta có thể chứng được Phật quả. Nhưng thực tế thì không một chúng sinh nào có thể so sánh được với Phật (biến công đức vô tận).

117) Tuy vậy trong mỗi chúng sinh đều có một phần nhỏ tinh ba của chư Phật (tức Phật tánh). Và như vậy, cả ba cõi hợp lại cũng không đủ để xưng tán.

118) Nhờ Phật tánh mà chúng sinh có thể thành tựu Phật quả. Ta xưng tán chúng sinh cũng có nghĩa là xưng tán Phật tánh vậy.

119) Thêm nữa, làm thế nào để đền ơn chư Phật, là những thiện tri thức, Đại ân

nhân của chúng ta? Không có cách nào khác hơn là cứu giúp và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

120) Chỉ vì chúng sinh mà các ngài đã xả bỏ thân mạng, tự nguyện xuống địa ngục. Do đó những gì ta làm cho chúng sinh cũng tức là làm cho các ngài vậy.

121) Trong khi các ngài hết lòng vì chúng sinh, xem như con một, thì sao ta lại có thể đối xử kiêu ngạo với các con của ngài, thay vì phải khiêm tốn như một kẻ hầu?

122) Chư Phật hoan hỷ khi thấy chúng sinh sung sướng, buồn rầu khi chúng sinh đau khổ, hài lòng khi chúng sinh an vui. Như thế, nào hại chúng sinh cũng tức là nào hại chư Phật vậy.

123) Khi thân thể bị lửa nóng bao vây, làm sao nói đến sung sướng được? Cũng

vậy, khi thấy chúng sinh đau khổ, những bậc Đại Từ Bi làm sao yên vui được?

124) Trong khi làm chúng sinh đau khổ, ta đã vô tình làm buồn đấng Đại Từ Bi. Ngày hôm nay ta thành tâm sám hối tội lỗi, cầu xin chư Phật tha thứ.

125) Kể từ giờ phút này, để làm vui lòng chư Phật, ta sẽ phục vụ tất cả chúng sinh, dù họ có đánh đập hay chà đạp ta.

126) Các Đấng Đại Từ Bi, đối với chúng sinh xem như mình không khác. Nhìn thấy được Phật tánh nơi chúng sinh cũng như nhìn thấy Phật không khác. Như vậy, sao ta lại có thể không kính trọng chúng sinh?

127) Phục vụ chúng sinh tức là làm vui lòng chư Phật, thành tựu được mục đích tối thượng của ta (giải thoát) và tiêu trừ

đau khổ cho thế gian. Đó là lời nguyện mà ta phải luôn nhớ thực hành.

128-130) Một người thân vua, dù có đối xử thậm tệ với dân chúng, nhưng vì nhìn xa nên không ai dám chống cự. Bởi vì tuy hấn một mình nhưng sau lưng hấn có thể lực của vua. Cũng vậy, ta không nên chống cự hay trả thù một chúng sinh, bởi vì sau lưng y có thể lực của quý sứ giữ ngục và của chư Phật nữa. Do đó ta phải khép phục chúng sinh cũng như một cận thần phục vụ cho ông vua khó tính vậy.

131-132) Sự trừng phạt của một ông vua nổi giận có đủ để so sánh với sự trừng phạt của địa ngục, kết quả của sự náo hại chúng sinh không? Sự ban ơn của một ông vua có thể so sánh được với Phật quả, thành tựu khi tùy thuận tất cả chúng sinh không?

133-134) Chẳng cần nói đến Phật quả chứng đạt trong tương lai, sau khi tùy thuận vô lượng chúng sinh, mà ngay trong cuộc luân hồi này, sự nhẫn nhục cũng đem lại nhiều lợi lạc: hạnh phúc, danh dự, trường thọ và vô số niềm vui của bậc Đế Vương.

Chú thích:

[1] Từ câu 27 đến 30, tôn giả bác 2 phái Số Luận (Samkhya) và Phệ Đà (Vedanta).

CHƯƠNG VII

Tinh Tấn

1) Sau khi có được nhẫn nhục, hành giả phải trau dồi sức tinh tấn, bởi vì quả Bồ Đề thành hay không là tùy ở tinh tấn. Không có tinh tấn thì không có công đức

nào thành tựu, cũng như không có gió thì không có sự di động nào cả.

2) Thế nào là tinh tấn? Đó là siêng năng làm các hạnh lành. Ngược lại của tinh tấn là gì? Là lười biếng, chán nản, thích tạo ác và không tin tưởng chính mình.

3) Ưa thích khoái lạc, ngủ nghỉ, hay trông cậy kẻ khác, không ý thức được đau khổ của luân hồi, đều là nguyên nhân của giải đãi, lười biếng.

4) Vô minh, tà kiến đã đưa đẩy làm ta trôi lăn trong sinh tử. Thế mà ta vẫn chưa ý thức được là mình đang sống trong miệng của tử thần!

5) Há ta không thấy những người đồng loại luân phiên nhau tắt thở sao ? Thế mà ta vẫn thờ ơ, lười biếng, chẳng khác con bò sắp sửa bị làm thịt mà không hay!

6) Tử thần luôn theo dõi rình rập ta, ngăn chặn mọi lối thoát. Thế mà ta vẫn say sưa ăn uống, ngủ nghỉ, yêu đương!

7) "Đợi khi nào gần chết, tôi sẽ tích tụ công đức!" Nhưng đến lúc đó, dù có vùng vẫy khỏi lưới biếng thì cũng quá muộn rồi!

8) "Việc này chưa làm, việc kia mới làm, việc này mới xong phân nửa", rồi bất thình lình cái chết đến, ta than rằng: "Thôi, chết tôi rồi !".

9) Khi cha mẹ, thân nhân hoàn toàn thất vọng, buồn bã vây quanh ta với những cặp mắt đỏ lệ, than khóc thì cùng lúc đó ta cũng thấy luôn các sứ giả của tử thần.

10) Dẫn vạt nhớ lại những tội đã làm, tai thoảng nghe thấy tiếng địa ngục, bản thân ô uế vì nghiệp xấu, lúc đó ta sẽ làm gì ?

11) "Ôi ta chẳng khác gì cá trong rổ".
Nghĩ vậy cũng đủ làm ta (kẻ tạo tội) sợ hãi ngay trong đời này, nói chi đến cảnh tra tấn địa ngục.

12) Mới đựng một chút nước nóng mà ta đã vội kêu đau, trong khi tương lai sẽ bị lửa địa ngục thiêu đốt mà ta lại có thể nhờn nhờ vui đùa được ư ?

13) Ta lười biếng mà lại muốn có phần thưởng; yếu ớt (sợ đau) mà lại thích tạo đau khổ; bị thần chết xích cổ mà lại tưởng mình trường sinh. Than ôi ! Làm sao cứu vãn?

14) Người may gặp được chiếc thuyền lớn (tức thân người), hãy mau qua khỏi biển khổ ! Ôi, kẻ si, bây giờ không phải là lúc ngủ ! Chiếc thuyền này không dễ gì gặp được lần sau.

15) Đối với giáo pháp cao thượng, nguồn gốc của hạnh phúc vô biên, sao người lại thờ ơ, chạy theo lạc thú phù du, quên rằng đó là nguyên nhân dẫn đến đau khổ ?

16) Biết tự chủ, can đảm, bình đẳng xem mình và người như nhau, xả bỏ ích kỷ để làm lợi ích cho người, đó là những điều kiện của tinh tấn.

17-18) Không nên nản chí nghĩ rằng: "Làm sao ta có thể chứng quả Bồ Đề ?". Bởi vì đấng Như Lai, không vọng ngữ đã nói rằng: "Nhờ sức tinh tấn, những chúng sinh năm xưa đã làm ruồi, muỗi, ong, trùng, đều đã thành tựu quả Bồ Đề (rất khó được)".

19) Trong khi ta đây, may mắn được sinh làm người, biết phân biệt phải trái, nếu làm đúng theo hạnh sống của chư Bồ Tát,

chẳng lẽ không chứng được quả Bồ Đề hay sao ?

20) Thế mà ta lại run sợ khi nghĩ đến phải hy sinh bố thí tay, chân và các căn. Đó là ta đã lầm lẫn (thiếu suy xét), không biết cái gì quan trọng và cái gì vô nghĩa.

21-22) Cái quan trọng là ta đã bị chặt, cưa, đốt sống trong vô lượng kiếp mà vẫn không đắc quả Bồ Đề. Cái vô nghĩa là sự đau khổ nhỏ nhoi nhưng sẽ cho ra quả Bồ Đề, tương tự như lấy dao khoét vết thương độc, tuy đau nhưng sẽ lành bệnh.

23) Để chữa bệnh, các y sĩ nhiều khi cũng cần mổ xẻ đau đớn. Thà đau một chút nhưng khỏi bệnh còn hơn là để bệnh nặng sau này.

24) Tuy vậy người y sĩ giỏi sẽ không cần dùng đến mổ xẻ. Bằng những phương

thuốc dịu ngọt, ông ta có thể chữa lành bệnh nặng.

25) Ban đầu, bậc Y Vương sẽ dạy đệ tử bố thí đồ ăn, thức uống, sau khi thuần thục, sẽ dạy đến bố thí da thịt, thân thể.

26) Khi tâm được huấn luyện đến mức xem thân thể chẳng khác cỏ cây thì bố thí xương thịt có khó gì ?

27) Lúc đó bậc hiền giả thoát ly mọi đau khổ của thân và tâm. Bởi vì tâm khổ là do tà kiến, thân khổ do nghiệp xấu.

28) Thân an vui nhờ tạo công đức, tâm thanh tịnh nhờ trí huệ. Tuy vẫn ở trong luân hồi, vì thương chúng sinh, nhưng còn gì làm đau khổ được Bồ Tát ?

29) Tẩy trừ tội lỗi xưa, tích tụ công đức hải, nhờ sức Bồ Đề Tâm, Bồ Tát vượt hẳn hàng Thanh Văn.

30) Nhờ cưỡi xe Bồ Đề Tâm, không chút cản trở mệt nhọc, Bồ Tát đi từ hạnh phúc này đến hạnh phúc khác. Như vậy làm sao có thể nản chí được ?

31) Muốn thực hiện giải thoát chúng sinh, cần phải có bốn đội quân: ước nguyện, quyết chí, hoan hỷ và xả bỏ. Nhờ sợ hãi khổ đau nhớ tưởng đến an vui mà ước nguyện được tăng trưởng.

32) Muốn tăng trưởng sức tinh tấn, ta phải loại trừ những chướng ngại đối lập. Muốn có bốn đội quân trên, ta phải biết tự chủ và tu tập đúng đắn.

33) Ta phải tiêu trừ vô lượng tội xấu của mình và người; trong công việc này, tiêu

diệt một tật xấu nhỏ thôi cũng đòi hỏi nhiều kiếp hải.

34) Trong khi đó ta chưa có được một chút nguyên tử tinh tấn nào. Trước những đau khổ vô biên, không hiểu (may sao) tim ta chưa bị nổ tung ?

35) Thêm nữa, ta phải góp nhặt vô lượng hạnh lành cho ta và cho người; thành tựu được một hạnh lành cũng phải trải qua nhiều biển kiếp.

36) Thế mà ta vẫn chưa làm được một hạnh nhỏ nào. Thật là uổng phí cho kiếp được sinh làm người.

37) Ta không biết hoan hỷ xưng tán cúng dường chư Phật, không biết hoằng truyền chánh pháp, không biết cứu giúp kẻ nghèo khó.

38) Không biết bảo vệ kẻ gặp nạn, không đem lại an vui cho người cô thế. Ta chỉ làm mẹ ta đau đớn khi có thai, chẳng khác mang một lưỡi gươm trong bụng.

39) Vì không biết hướng về Phật pháp trong quá khứ nên ngày nay ta phải chịu thiệt thòi. Hiểu như vậy, lẽ đâu lại thờ ơ với Phật pháp ?

40) Đức Phật đã nói, (lòng thành) phát nguyện chính là cội nguồn của tất cả công đức. Phát nguyện được xuất phát từ sự quán chiếu thường xuyên về luật nhân quả.

41) Những đau khổ vật chất, tinh thần, những tai nạn hiểm nguy, chia ly với những gì thân yêu: đó là hậu quả của sự sống trong tà kiến.

42) Nhờ tạo nhiều hạnh lành, thúc đẩy bởi tâm nguyện chân chín, bất cứ lúc nào, ta cũng nhận được phần thưởng xứng đáng.

43) Nhưng nếu tạo ác thì dù có ước muốn hạnh phúc đi nữa, bất cứ nơi nào bước chân đến, ta cũng phải chịu khổ đau vì đó là hậu quả đương nhiên.

44) Hóa sanh trong những bông sen thơm ngát, thân thể óng ánh hào quang [1] được nuôi lớn dần bằng diệu âm chánh pháp, các hàng Bồ Tát nhờ tạo nhiều căn lành, sẽ xuất hiện với sắc thân thù thắng khi những cánh sen nở xòe dưới hào quang của đức Phật.

45) Đau đớn la hét vì bị những tên cai ngục của Yama (Diêm Vương) lóc xương, cổ họng uống nước đồng sôi, da thịt bị băm chém bằng hàng trăm mũi dao nung

đỏ. Cứ như thế, kẻ tạo ác không ngừng bị đọa đày trong địa ngục cháy bỏng.

46) Như vậy, chúng ta hãy phát nguyện tạo hạnh lành. Sau khi lập nguyện vững chắc, chúng ta phải trau dồi tin tưởng quyết chí, ứng hợp với Kinh Vajradhvajasutra.

47) Trước khi làm một việc gì, cần phải suy xét xem việc đó có đáng làm và ta có đủ sức hay không? Nếu thấy không đủ khả năng thì tốt hơn đừng làm, không nên làm mà bỏ dở nửa chừng.

48) Nếu bỏ dở nửa chừng, ta sẽ phải bắt đầu lại trong những đời sau và như thế vô tình gây thêm trở ngại, lầm lỗi. Làm việc này, bỏ dở việc kia, mất thì giờ mà cuối cùng không xong việc nào cả.

49) Sự cương quyết tự tin cần được áp dụng vào ba điều: hành động, phiền não, năng lực. "Ta sẽ làm một mình !" đó là tự tin trong hành động.

50) Vì nô lệ cho phiền não nên chúng sinh không thể tự tìm an vui giải thoát. Do đó, chính ta sẽ làm giúp họ, vì ta không bất lực như chúng sinh.

51) Thấy kẻ khác làm việc nặng nhọc (mà ta cho là) thấp kém, sao ta lại nở khoanh tay ngồi yên ? Phải chăng ta cho mình quan trọng hơn kẻ khác ? Nếu vậy, tốt hơn là ta nên dẹp cái tánh ngã mạn kia đi.

52) Khi tấn công được một con thằn lằn sắp chết, con quạ kia lầm tưởng nó là chim đại bàng. Cũng vậy, nếu tâm yếu hèn thì một sự cảm dỗ nhỏ cũng đủ làm ta té nhào.

53) Tại sao lại hèn nhát từ chối, không dám dấn thân trên con đường giải thoát ? Không có một trở ngại nào có thể ngăn cản được sức tinh tấn.

54) Với tâm quyết chí, tự tin ta sẽ vượt qua tất cả cạm bẫy (của cám dỗ). Bởi vì, nếu té nhào dù chỉ một lần thôi, thì lời nguyện siêu việt ba cõi hóa ra chuyện nói đùa !

55) Ta sẽ chiến thắng tất cả, không bao giờ chịu thua bất cứ cái gì. Đây là niềm tự tin cần được tăng trưởng, bởi vì ta là con trai của Phật, bậc chiến thắng, Sư Tử Vương.

56) Những kẻ kiêu ngạo thật ra rất yếu hèn vì họ đã bị tánh tự kiêu (ngã mạn) chinh phục rồi. Những kẻ thực sự tự tin

thì không bao giờ chịu khuất phục kẻ thù. Kẻ thù ở đây chính là tánh kiêu mạn.

57-58) Tánh kiêu mạn sẽ đưa đến đọa đày, khổ sở. Dù được thân người đi nữa cũng không được an vui, phải làm nô lệ, ngu si, xấu xí, vừa ăn cơm thừa lại bị hắt hủi khinh chê. Đó là số phận của những kẻ kiêu mạn ! Thế còn người hạ mình khiêm tốn thì sao ?

59) Đó là những anh hùng tự tin, chỉ hãnh diện khi nào thắng được kẻ thù "kiêu mạn". Sau khi tiêu diệt được kiêu mạn, kẻ thù đáng sợ nhất, họ sẽ tùy ý tuyên bố với thế gian kết quả chiến thắng của họ [2].

60) Dù bị phiền não, ái dục bao vây ngàn cách, ta cũng vẫn là kẻ vô địch, như sư tử đứng giữa bầy chồn.

61) Bồ Tát không bao giờ chịu để cho phiền não chinh phục. Dù có gặp nguy hiểm cấp bách, Bồ Tát cũng quyết tự bảo vệ như người bảo vệ cặp mắt mình trong cơn bão cát.

62) Khi quyết định làm việc gì, Bồ Tát làm hăng say hết mình với tâm hoan hỷ, giống như người đánh bài nhất quyết ăn thua.

63) Giống như người thổi phào nhẹ nhõm sau khi làm xong bản tường trình, Bồ Tát luôn luôn thích thú làm hạnh lành, không bao giờ thấy đủ, vì Bồ Tát tìm thấy an vui ngay trong công việc làm.

64) Thông thường người làm việc cốt để tìm hạnh phúc, nhưng chưa chắc đã tìm được. Nhưng đối với người mà làm việc

chính là hạnh phúc thì thử hỏi sao họ không ham làm việc cho được ?

65) Lạc thú trần gian, nguy hiểm như mật trên lưỡi dao mà con người lại cho là không bao giờ được thỏa mãn đầy đủ; trong khi đó đối với việc công đức (tương lai sẽ cho ra quả an vui) thì lại cho là đã góp nhặt đầy đủ. Ôi, thật ngược đời !

66) Do đó, khi xong một hạnh lành, Bồ Tát tức khắc xả bỏ quay sang việc khác, cũng như con voi, dưới sức nóng của mặt trời đứng bóng, vội vàng nhảy vào hồ nước mát.

67) Khi kiệt sức, Bồ Tát tạm ngưng để có thể tiếp tục về sau. Và khi công việc được hoàn tất, Bồ Tát liền bỏ qua một bên, sẵn sàng đón nhận việc khác.

68) Bồ Tát luôn canh chừng cẩn mật sự tấn công của phiền não để có thể phản công hữu hiệu, chẳng khác một hiệp sĩ đấu kiếm với địch thủ tài ba.

69) Trong trận, nếu bị kiếm rơi, hiệp sĩ phải nhanh tay nhặt lại (vì sợ nguy hiểm). Cũng thế, nếu Bồ Tát làm rơi kiếm chánh niệm thì phải nhặt lại tức khắc (vì nghĩ đến địa ngục).

70) Thuốc độc, một khi vào máu sẽ tràn khắp thân thể. Cũng thế, phiền não một khi gặp tà kiến sẽ tràn khắp trong tâm.

71) Người hành Bồ Tát đạo phải hết sức chú ý cũng như kẻ cầm bát dầu đầy đi vào đám đông, theo sau là những tên đao phủ sẵn sàng chém đầu nếu người kia làm đổ dầu, dù chỉ một giọt.

72) Như người thấy rắn rơi vào mình , vội vã đứng dậy hét bỏ, Bồ Tát cũng phải tức khắc phản ứng như thế đối với hôn trầm, uể oải.

73) Mỗi lần vấp ngã, Bồ Tát tự trách mình và quán chiếu sâu xa để lần sau không tái phạm.

74) Vì lý do này nên Bồ Tát luôn tìm cầu, thân cận người hiền, thiện tri thức để học hỏi cách thức tu tập giữ gìn tâm ý trong nhiều trường hợp khác nhau.

75) Để củng cố sức tinh tấn, trước khi làm bất cứ việc gì, Bồ Tát luôn nhớ đến phẩm "Không phóng dật" [3] và nhờ đó hành động được an vui, tự tin.

76) Cũng như bông giấy, bay đến bay đi thuận theo làn gió thổi, Bồ Tát làm tất cả hạnh thuận theo chánh niệm tinh tấn.

Chú thích:

[1] Đây là cảnh hóa sanh ở Cực Lạc (Bdé.ba.chen, Sukhavati) của Phật A Di Đà.

[2] Tức thành Phật và chuyển Pháp Luân.

[3] Chương II (Appamadavagga) của Kinh Pháp Cú

CHƯƠNG VIII

Thiền Định

1) Sau khi tăng trưởng sức tinh tấn, Bồ Tát phải tu tập Thiền Định, tập trung tâm ý. Người mà tâm buông lung sẽ rơi vào tà kiến, phiền não.

2) Sống cô đơn, ẩn dật sẽ giúp hành giả loại trừ mọi sự phóng dật. Do đó Bồ Tát cần từ bỏ việc đời, không bận tâm lo lắng.

3) Nếu không từ bỏ được việc đời, đó là tại ái nhiễm (người thân) và tham lam vật chất. Ta phải từ bỏ tất cả, noi theo gương của các bậc hiền giả.

4) Hiểu được chỉ có trí huệ (quán chiếu) phối hợp với thiền định (an tâm) mới tiêu trừ được phiền não, nên trước hết ta sẽ tu tập thiền định, bắt đầu bằng sự từ bỏ thú vui trần gian.

5) Làm sao một người huyễn lại có thể ái luyến được một người huyễn khác? Dầu trải qua ngàn kiếp cũng không bao giờ gặp lại được người yêu.

6) Không gặp được thì đau khổ, buồn bã, không thể tập trung tâm ý được. Và nếu

được gặp thì lại bị dục vọng dày xéo, không bao giờ thỏa lòng.

7) Vì không nhìn thấy thực tại nên con người quên sợ tội lỗi, vì ái luyện người yêu mà cam khổ sâu khổ dày xéo.

8) Cứ thế trầm mình, cuộc đời ngẩn ngủ trôi qua một cách vô ích. Chỉ vì một người bạn phù du mà đành bỏ điếu pháp vĩnh cửu.

9) Nếu bắt chước kẻ điên (người đời), chắc chắn sẽ xuống địa ngục. Mà nếu không làm giống họ thì cần gì phải ở gần giao thiệp.

10) Phút trước là bạn, phút sau đã thành thù. Muốn làm vừa lòng, họ lại giận tức. Làm sao chiều ý được những người tráo trở ?

11) Được khuyên làm lành, họ lại nổi giận và muốn kéo ta theo họ. Nếu ta không nghe, họ cũng nổi giận và như thế chắc chắn (họ) sẽ bị đọa.

12) Thèm muốn (chức vị của) người trên, ganh tỵ với kẻ ngang hàng, khinh khi người dưới. Được khen thì kiêu ngạo, bị chỉ trích thì nổi giận, bao giờ kẻ ngu mới tạo công đức?

13) Tâng bốc mình, khinh chê kẻ khác, nói chuyện phù phiếm thế gian. Kẻ điên luôn luôn thích thâu nhặt điều vô ích của những kẻ điên khác.

14) Giao thiệp như vậy với người đời chỉ đem lại khổ não. Tốt hơn ta sống một mình ẩn dật, thân tự tại, tâm an vui.

15) Hãy xa lánh người đời ! Nếu có gặp thì ta đối xử nhã nhặn, không phải để làm quen mà vì lòng bình đẳng.

16) Cũng như ong hút nhụy hoa, ta chỉ lãnh nhận những gì lợi ích cho sự tu đạo, ngoài ra ta thản nhiên như người chưa hề quen biết.

17) Nếu ham thích tiền của, danh vọng, địa vị v.v... ta sẽ hoảng sợ khi tử thần đến.

18) Không biết đâu là chân hạnh phúc nên bắt cứ vật gì mà tâm bám víu (để cầu khoái lạc) cũng đều trở thành khổ đau.

19) Do đó, bậc hiền giả không bao giờ ái nhiễm, vì ái nhiễm sẽ đưa đến lo sợ. Ngay khi một ý niệm ái nhiễm khởi lên, tâm cũng phải cứng rắn là bỏ.

20) Dù có giàu sang, nổi tiếng, nhiều tiền của, nhưng cuối cùng chúng cũng đâu có theo ta vào cõi chết.

21) Tại sao vui mừng khi được khen? Thiếu gì kẻ khác sẽ chê ta. Tại sao lại buồn khi bị chê? Chẳng lẽ không còn ai khen ta sao?

22) Chúng sinh mong ước đủ điều, ngay cả chư Phật cũng không chiều ý nổi huống chi một kẻ ngu dốt như ta. Tốt hơn nên ẩn dật xa lìa cảnh đời đảo điên.

23) Khinh chê kẻ nghèo, kết tội kẻ giàu : với những người tráo trở như vậy, làm sao vui sướng ở gần?

24) Người đời (thực sự) không thương ai cả, chư Phật đã nói, họ chỉ thương vì ích kỷ mà thôi.

25) Ôi ! Bao giờ ta mới được sống trong rừng, giữa loài cỏ cây, chim muông hiền hòa, không bao giờ biết nói xấu ai?

26) Ta sẽ an trú trong một am vắng dưới gốc cây hoặc hang núi nhỏ. Ôi ! Khi nào ta mới xả bỏ tất cả ra đi không luyến tiếc?

27) Khi nào ta mới sống độc lập, tự tại trong cảnh thiên nhiên, ẩn dật?

28) Vồn vện chỉ một bình bát và áo cà sa, khi nào ta mới sống vô úy, không cần lo nghĩ cho thân?

29) Khi nào ta mới đến nghĩa địa (quán chiếu) để hiểu rằng thân ta cũng như bao xác chết kia, chỉ là đồ bất tịnh thôi ư?

30) Hãy nhìn đi! Thân ta sẽ như thế đó! Ngay cả đám sói rừng cũng không dám đến gần vì mùi thối.

31) Bình thường thân người lúc sống, dường như một vật độc lập tự tại, nhưng lúc đó xương thịt sẽ tan rã rời rạc. Thân của bạn bè ta cũng sẽ như vậy không khác!

32) Con người được sinh ra một mình và sẽ chết đi một mình ! Không ai có thể chia sẻ đau đớn cho ai. Thế thì bạn bè nhiều để làm gì? Chỉ là chướng ngại cho sự tu hành.

33) Như người du khách dừng nghỉ nơi khách sạn, người đi du lịch luân hồi cũng tạm ghé qua một cuộc đời.

34) Từ đây cho đến lúc bốn tên phu đám ma tới khiêng cái thây này đi, giữa tiếng gào thét của người thân, ta phải mau rút vào rừng.

35) Không thương tiếc mà cũng không ghét bỏ ai, ta sống một mình ẩn dật. Đối với đời xem như đã chết, khi ta chết thật sẽ không còn ai than khóc ta nữa.

36) Không ai ở gần bên quấy rầy than khóc, như thế tâm ta chánh niệm chỉ nhớ đến Phật và Pháp.

37) Sống ẩn dật thật là sung sướng, không sầu não, tự tại, biết đủ, dễ trừ phóng dật, xao lãng. Ta sẽ sống như vậy suốt đời.

38) Thoát ly mọi lo nghĩ, ta chỉ còn một việc: tập trung tâm ý trong thiền định và quán chiếu thâm sâu [1].

39) Ái dục, tình yêu là nguyên nhân của đau khổ: tù tội, đâm chém, sát hại trong đời này, địa ngục cho đời sau.

40-42) Vì tình yêu, ái dục mà người đã luôn cúi bao nhiêu ông mai, bà mai; người bắt kẻ tội lỗi, danh dự, nhiều khi tiêu gia bại sản, thiếu điều mất mạng. Cái mà xưa kia người sung sướng ôm ấp đó, nó chỉ là đ?ng xương vô chủ, không có tự tánh. Ngày nay nó hiện nguyên hình, sao người không tiếp tục ôm ấp nó đi?

43-45) Cái gương mặt e then ưa cúi gầm xuống, hay được che bằng tấm lụa mỏng không cho ai xem thấy, thì nay đàn điều hâu kia đang mở tung cho người thấy đó. Hãy nhìn kỹ đi ! Ô kìa ! Sao người lại bỏ chạy? Chính cái gương mặt đó, xưa kia người đã ích kỷ, bảo vệ cẩn thận không cho kẻ khác nhìn ngắm mà ! Bây giờ nó đang bị mổ ăn đó, sao người không bảo vệ nữa đi? Ôi, kẻ ghen sắc!

46) Người có thấy cái đồng thịt kia đang bị cắn xé ngẫu nhiên bởi điều hâu và thú rừng không? Tại sao người lại có thể biểu tặng vòng hoa, nữ trang, hương trầm cho cái gọi là "đồ ăn của thú vật"?

47) Khi thấy xác chết nằm im không cựa quậy thì người sợ hãi. Thế sao đối với những cái xác cử động (kích thích bởi thú tính) thì người lại không sợ?

48) Bộ xương kia khi được bao bọc bởi một lớp da thì người yêu thương nó; bây giờ nó được lột trần thì người lại hoảng sợ. Nếu bảo không cần dùng thì sao xưa kia người lại vuốt ve nó?

49) Nước miếng và phân uế cũng cùng từ đồ ăn mà ra. Thế sao người lại ưa nước miếng, ghét phân uế [2].

50) Cái gối ngủ kia làm bằng bông lụa êm mát, sao người không ưa thích. Chẳng lẽ người không ý thức được mùi ô uế của thân tình nhân sao? Ôi, kẻ tham dâm, người không còn biết đâu là nhơ là sạch sao?

51) Cái gối kia vừa êm vừa mát, lại không bài tiết ra đồ bất tịnh, sao người không ôm ấp nó mà lại giận dữ vứt bỏ?

52) Nếu người không ưa đồ bất tịnh tanh hôi thì sao người lại thích ôm ấp những thân thể, chúng chỉ là một thùng xương gắn liền với nhau bằng gân thịt, bao bọc bởi một lớp da.

53) Chính ngay thân thể người cũng đã đầy đủ thứ bất tịnh, bấy nhiêu chưa đủ cho người thưởng thức sao? Ôi kẻ ham thích đồ bẩn!

54) "Nhưng tôi thích da thịt của người đàn bà này! Tôi thích nhìn ngắm và sờ mó nó!". Tại sao người lại có thể thêm khát da thịt, là một thứ vô tri? Nếu vậy khi nó nằm trơ, không còn thần thức, sao người không ưa thích đi?

55) Nếu bảo cái mà người ưa thích là tâm nằm ở trong cái thân này, thì người lại càng không thể thấy hay sờ mó nó. Vì cái mà người sờ mó được, đó không phải là tâm. Vậy người ôm ấp cái thân kia làm chi vô ích!

56) Người có thể không hay biết về sự bất tịnh nơi thân thể kẻ khác, nhưng không ý thức được chính thân thể người là một thùng rác như bản thì quả là một điều không tưởng!

57) Tại sao người có thể xem thường, bỏ rơi một bông sen chớm nở dưới ánh mặt trời để đi ưa thích một thùng rác nhơ bẩn?

58) Người ghê tởm không dám đụng vào đồ vật bị dính chút phân uest, thế sao người lại vui thích sờ mó cái thân (tình nhân) là nơi xuất xứ ra phân uest?

59) Nếu không say mê đồ bất tịnh, tại sao người lại thích ôm ấp một cái thân khác, xuất xứ từ nơi bất tịnh và chuyên chứa tinh huyết?

60) Người không thích những con trùng xuất xứ từ đồng rác, chắc tại người chê nó nhỏ, phải chăng người thích một cái thân lớn hơn chuyên chứa và xuất xứ từ bất tịnh?

61) Không những không biết ghê tởm sự bất tịnh nơi thân mình, người lại thêm

khát, tìm kiếm những túi, những thùng bất tịnh khác. Ôi, kẻ thực uest!

62) Ngay cả những đồ sạch sẽ, thơm ngon hấp dẫn như long nã, cơm canh, mỹ vị, một khi được khạc ra khỏi miệng, chúng cũng làm dơ cả mặt đất.

63) Tuy hiển nhiên, nhưng nếu người không tin sự bất tịnh của thân thì hãy vào nghĩa địa, nhìn những xác chết kia xem!

64) Khi được lột hết lớp da ra, cái thân kia chỉ là một vật ghê tởm. Hiểu thực tướng của nó như thế, sao người vẫn còn say mê?

65) Nếu nó xúc hương trầm và tỏa ra mùi thơm dễ chịu thì đó là mùi hương trầm chứ đâu phải là mùi của nó (thân). Tại sao chỉ vì mùi khác mà lại bám víu thân này?

66) Nếu để thân thể tự nhiên hôi thối nó sẽ không kích thích lòng dục, như thế có tốt hơn không? Tại sao lại đi tắm xúc dầu thơm cho nó để sau này nó hại mình?

67) Hương trầm tỏa mùi thơm thì ăn nhằm gì đến thân này? Tại sao chỉ vì một mùi thơm khác mà lại ái nhiễm thân này?

68) Thân người thật đáng tởm, nếu để nguyên nó tự nhiên sẽ thấy: tóc dài, móng dài, răng vàng, cấu ghét như bản,...

69) Tại sao lại phải mệt nhọc sửa soạn, trang sức cho nó, có khác chi mài gương để tự chém mình sau này? Ôi, thế gian đầy những kẻ điên chuyên tự lừa dối mình!

70) Thấy vùi bộ xương trong nghĩa địa thì người ghê tởm, trong khi đó người lại vui

thích thấy đầy những bộ xương di động trong thành phố.

71) Chưa hết! Cái thân bất tịnh của người yêu người, đâu phải không tiền mà có được nó. Người phải tốn nhiều công của mới có được nó để rồi sau này phải trả giá khổ đau nơi địa ngục.

72) Muốn có được một người đàn bà (vợ) thì phải có tiền. Lúc nhỏ thì không thể kiếm tiền. Lớn lên thì phải lo làm ăn. Khi đủ tiền, giàu có thì tuổi đã về chiều, bắt đầu già nua lụm cụp. Như vậy khoái lạc nhục dục đem lại cho người lợi ích gì?

73) Để có thể thoả mãn nhục dục, có người phải làm lụng cực nhọc suốt ngày. Đến tối về mệt lả nằm dài như những xác chết.

74) Có người phải đi buôn hoặc lưu đày xa nhà lâu năm, không được gặp vợ con mình.

75) Có người tham của, tự bán mình để cầu dục lạc nhưng không bao giờ như ý vì phải luôn luôn hầu hạ kẻ khác.

76) Có người bị bán cho những thương gia, trưởng giả nên phải luôn hộ tống phái đoàn. Vợ của họ nhiều khi phải sanh đẻ trong rừng rậm, hang hóc.

77) Có người vì mưu sống, xung vào quân trận bất chấp nguy hiểm tánh mạng. Họ tìm vinh quang nhưng lại gặp tù đày.

78) Có người vì cướp giết tiền của, vợ con kẻ khác nên bị chém chặt, xuyên cọc, thiêu sống hay ném lao.

79) Khổ cực tìm cầu, có được thì phải lo giữ gìn, để rồi cuối cùng đau buồn vì mất tất cả, đó là tiến trình của sự ham mê tài sản! Những kẻ hay bám víu tài sản, danh lợi, không nghĩ đến giải thoát, sẽ không bao giờ tránh khỏi khổ đau của cuộc đời.

80) Những kẻ nô lệ cho ái dục thường lâm vào cảnh khốn cùng, nếu được thỏa mãn thì cũng không hơn gì con trâu kéo cày được thưởng cho vài cọng cỏ.

81) Chỉ vì một chút xiu thỏa mãn sung sướng (mà ngay cả súc vật cũng có thể làm được), con người, che lấp bởi nghiệp chướng, lại tự thả trôi qua thời giờ vàng ngọc của kiếp người khó được.

82) Chỉ vì cái thân phù du khốn nạn này mà con người ra vào địa ngục, nhẫn chịu khổ đau từ vô thủy đến giờ.

83) Trong khi chỉ cần cố gắng một triệu lần ít hơn (trên), người ta có thể chứng đạt quả Bồ Đề. Thật ra những kẻ nô lệ cho ái dục chịu khổ nhiều hơn chư Bồ Tát mà vẫn không chứng quả Bồ Đề.

84) Không có nguy hiểm nào có thể sánh được với ái dục, dù là đao kiếm, thuốc độc, sắt nóng, vực thẳm, v.v... chỉ cần nghĩ đến cực hình của địa ngục cũng đủ sợ rồi.

85) Do đó hãy cẩn thận coi chừng ái dục! Hãy sống an vui một mình, noi gương các bậc hiền giả, sống trong rừng yên tĩnh, xa lìa tranh luận hơn thua.

86) Trên những tảng đá thiên nhiên bằng phẳng rộng rãi, phảng phất mùi hương trầm làm thơm ngát ánh trăng, ngọn gió núi thổi mát cánh rừng yên lặng; bình

thần, các ngài an trú, luôn nghĩ đến sự lợi ích, giải thoát chúng sinh.

87) Các ngài ở lâu tùy ý trong những căn nhà bỏ hoang, dưới gốc cây hoặc trong hang núi; không còn bận tâm giữ gìn của cải, các ngài sống độc lập, an nhiên.

88) Đến đi tự tại, không ham cầu, không dính mắc, không liên lụy một ai, các ngài vui hưởng niềm hạnh phúc mà ngay cả vua trời Indra cũng khó biết mùi.

89) Nhờ luôn nhớ tưởng đến lợi ích của cuộc sống độc thân ẩn dật, bao nhiêu ý niệm phù du sẽ bị dẹp trừ. Từ đó hãy quán chiếu về Bồ Đề Tâm.

90) Trước hết ta quán chiếu về sự bình đẳng giữa ta và người : "Tất cả chúng sinh đều như nhau, ai cũng muốn hạnh phúc,

xa lìa khổ đau. Do đó ta phải biết bảo vệ chúng sinh cũng như chính ta vậy".

91) Thân người, tuy được cấu tạo bởi nhiều phần khác nhau, nhưng ta luôn bảo vệ và xem nó như là "một". Cũng vậy, chúng sinh tuy nhiều loài, nhưng cùng chung khổ đau và sung sướng nên cần được xem là "một".

92) Khi ta cảm thọ đau đớn, sao những người khác không hề hấn gì? Bởi vì ta cho cảm thọ đó là Ta, là của Ta nên ta không thể chịu nổi sự đau đớn đó.

93) Cũng thế khi kẻ khác bị đau đớn, ta đây đâu cảm thấy gì. Tuy vậy, nếu xem kẻ khác "chính là ta" thì sự đau đớn của họ cũng là của ta và ta sẽ kham chịu không nổi.

94) Từ nay trở đi, ta sẽ tiêu diệt tất cả khổ đau của kẻ khác cũng như của ta vậy. Và ta sẽ làm lợi ích cho kẻ khác vì họ cũng là chúng sinh như ta vậy.

95) Ta và chúng sinh đồng cầu hạnh phúc như nhau, lý do gì ta lại tranh đấu tìm hạnh phúc cho riêng mình?

96) Ta và chúng sinh cùng sợ nguy hiểm khổ đau như nhau, ưu tiên gì mà ta chỉ muốn cứu thoát lấy mình?

97) "Nhưng khổ đau của kẻ khác, không liên quan gì đến ta, tại sao phải bảo vệ họ chứ?". Nói thế, sao đau khổ của thân đời sau, không làm ta đau bây giờ, cần gì phải sửa soạn (tu hành)?

98) "Tại vì thân đời sau vẫn là Ta". Làm rồi! Chết là một người, tái sinh là một người khác.

99) "Người nào đau thì người đó phải tự chữa lấy!". Nói vậy thì cái đau của chân không ăn nhằm gì đến tay, sao tay lại phải xoa bóp chân?

100) "Cái đó tuy vô lý nhưng mọi người đều làm vì cảm thọ liên quan đến cái Ta". Tất cả những gì vô lý, dù của ta hay của người khác cũng đều phải loại bỏ.

101) Tràng hạt và một đội quân là ảo tưởng của sự liên tục và tập kết. Không có "ai" là chủ thể của đau khổ và như thế "ai" cảm thọ đau khổ?

102) Bất cứ sự đau khổ nào cũng đều "vô chủ". Không có đau khổ nào là của riêng ta hay riêng của người khác cả! Sao lại nghĩ rằng ta không tiêu trừ được đau khổ cho kẻ khác?

103) "Nhưng nếu không có ai là người đau khổ thì tại sao phải diệt trừ khổ đau?". Bởi vì tất cả chúng sinh bình đẳng như nhau. Nếu đau khổ cần được diệt trừ thì phải diệt trừ hết mọi nơi. Nếu không thì không cả, có lý nào chỉ diệt trừ (đau khổ) nơi ta mà không nơi kẻ khác?

104) "Nhưng từ bi như vậy chỉ đem lại lo lắng, khổ nhọc, hơi đâu tăng trưởng làm chi?". Sự khổ nhọc đó so sánh với sự khổ đau của chúng sinh có thấm thía vào đâu!

105) Nếu sự đau khổ của một người có thể dập tắt đau khổ của nhiều người khác thì bậc từ bi sẽ sẵn sàng tình nguyện hy sinh.

106) Cũng như Bồ Tát Supuspacandra, dù biết nhà vua ác độc, nhưng vẫn can đảm

đổi đầu, hy sinh tánh mạng cứu vớt chúng sinh [3].

107) Vì đã điều phục được tâm, sung sướng khi xoa dịu được nỗi đau của kẻ khác, bậc Bồ Tát xông vào địa ngục cũng như thiên nga nhảy vào hồ sen.

108) Làm sao giải thoát riêng mình khi sự giải thoát tất cả chúng sinh, đối với các ngài, là cả một biển an vui?

109) Ta sẽ không kiêu ngạo khoe khoang khi làm lợi ích cho kẻ khác và cũng không mong cầu được đền đáp. Làm vì kẻ khác chính là niềm vui của ta rồi.

110) Như vậy nếu ta biết bảo vệ mình trước sự nhục mạ, lấn áp bao nhiêu thì ta cũng phải hết sức bảo vệ người khác bấy nhiêu với tấm lòng từ bi.

111) Tuy không thể tìm thấy một nền tảng thực chất nào, nhưng vì nghiệp lực hay thói quen, con người đã gán vào tinh, huyết của kẻ khác [4] một cái danh từ "Ta".

112) Như vậy tại sao lại không thể xem thân thể kẻ khác cũng là "Ta"? Và xem thân ta như làm bằng thân thể của kẻ khác?

113) Chỉ biết thương mình là một tánh xấu, biết thương yêu kẻ khác là biến công đức. Ý thức được như thế, ta sẽ lìa bỏ tánh ích kỷ và tập thương yêu kẻ khác.

114) Con người biết xem tay và chân là một phần của thân thể, tại sao lại không biết xem kẻ khác là một phần của sự sống?

115) Vì thói quen, chúng ta đã xem cái thân "vô tri" này là Ta, tại sao không chịu tập thói quen xem kẻ khác là Ta?

116) Nhờ thực hành không còn ý niệm về cái "Ta" nên khi làm việc cho kẻ khác, chúng ta sẽ không tự phụ, khoe khoang, cũng không cầu đền đáp.

117) Ta biết lo lắng cho mình khỏi bị bần cùng, khốn khổ, v.v... thì ta cũng phải tập khởi lên những ý niệm thương yêu, bảo vệ kẻ khác như một thói quen vậy.

118) Chính vì thế mà Đấng Bảo Vệ đại từ bi Quán Thế Âm (Avalokita) đã để lại danh hiệu của ngài cho chúng sinh dùng khi sợ hãi, ngay cả lúc hồi hộp trong đám đông.

119) Không nên thụt lùi trước trở ngại, khó khăn, bởi vì với (sức của) thói quen,

ta sẽ không còn sợ hãi bất cứ một ai, dù xưa kia chỉ nghe danh người đó cũng đủ làm ta khiếp sợ.

120) Người nào muốn giải thoát mình và người cần phải thực hành một pháp tối mật: đổi người thành ta hay đổi ta thành người.

121) Chỉ vì ái luyến thân này xem nó là ta nên con người hoảng sợ trước mọi sự nguy hiểm, dầu nhỏ nhoi. Tốt hơn nên xem nó như kẻ thù, vì nó chính là nguyên nhân của sợ hãi.

122) Để chống chọi với bệnh tật, đói khát, nóng lạnh, ta đã thản nhiên giết hại chim, cá, thú rừng và theo dõi cướp giạt kẻ khác.

123) Bởi tham lam tài sản tiện nghi mà ta đã không ngần ngại giết cha, mẹ và trộm

cấp của cúng dường Tam bảo. Như vậy, làm sao thoát khỏi sự thiêu đốt của địa ngục?

124) Làm sao một bậc hiền giả, thấy rõ thân này là kẻ thù, lại có thể nâng niu chiều chuộng nó được?

125) "Nếu tôi cho thì còn gì để ăn?". Vì sự ích kỷ này người sẽ tái sinh trong loài ngạ quỷ. "Nếu tôi ăn thì lấy gì mà cho họ?" nhờ lòng thương người này người sẽ là vua cõi trời.

126) Kẻ nào vì ích kỷ mà làm hại người khác thì sẽ bị nấu chín trong địa ngục. Kẻ nào vì lợi người mà nhẫn chịu khổ, sẽ hưởng quả báo an vui vô cùng.

127) Nếu xem mình là quan trọng, đáng quý thì đời sau sẽ tái sinh làm kẻ xấu xí, ngu dốt, bần cùng. Nhưng nếu biết chuyển

cái nhìn đó về kẻ khác thì ta sẽ hưởng quả báo thông minh, vinh dự, an vui cõi trời.

128) Nếu lợi dụng kẻ khác khiến họ làm việc cho mình thì ta sẽ bị quả báo nô lệ. Nhưng nếu hiến mình phụng sự kẻ khác, ta sẽ hưởng quả báo giàu sang, quyền quý.

129) Những ai đau khổ đời này đều là những kẻ năm xưa chỉ biết tìm hạnh phúc cho riêng mình (cái ta). Những ai sung sướng đời này đều là những kẻ đã tìm hạnh phúc cho người khác.

130) Nói thêm nữa có ích lợi gì? Hãy nhìn và so sánh giữa kẻ ngu (trần gian) chỉ biết ích kỷ cá nhân và bậc thánh (Bồ Tát) chuyên làm lợi ích cho kẻ khác.

131) Nếu không biết trao hạnh phúc của mình đổi lấy đau khổ của chúng sinh thì làm sao có được quả báo an vui trong kiếp

luân hồi, nói chỉ đến việc thành tựu Phật quả.

132) Chẳng cần nói đến đời sau, ngay trong đời này, nếu kẻ nô bộc, không làm tròn phận sự, hoặc chủ nhân không trả tiền xứng đáng, thử hỏi công việc có trôi chảy xong xuôi không?

133) Thay vì làm lợi ích cho nhau, căn bản hạnh phúc của đời này và đời sau, con người lại chuyên làm hại lẫn nhau để chuốc lấy quả báo khổ đau khôn cùng.

134) Tất cả tai nạn, khổ đau, nguy hiểm của đời này đều bắt nguồn từ sự bám víu vào cái Ta (chấp ngã). Tại sao lại bám víu vào nó?

135) Nếu không phân tách, tháo gỡ được cái "Ta" thì không thể thoát khỏi đau khổ,

cũng như không tránh xa lửa thì khó tránh khỏi rất bỏng.

136) Thế thì, để xoa dịu nỗi kh? của ta và người, ta sẽ hiến mình cho kẻ khác và xem kẻ khác như "chính ta" vậy.

137) Tâm ơi hãy tin chắc rằng: "Ta đây thuộc kẻ khác!". Từ nay trở đi, người chỉ được quyền nghĩ đến lợi ích của kẻ khác mà thôi.

138) Cặp mắt này không phải là của ta nữa nên nó không còn nhìn thấy những cái lợi cho ta; tay và các bộ phận khác cũng vậy, chúng thuộc về kẻ khác nên không còn cử động cho cái lợi của ta nữa.

139) Hoàn toàn hiến mình cho chúng sinh, tất cả năng lực của thân này ta sẽ đem ra dùng làm ích cho kẻ khác, vì họ là mối lo bậc nhất của ta.

140) Hãy xem những người khiêm tốn kia là ta và đặt ta vào địa vị của họ, như vậy ta có thể khởi tâm kiêu mạn, ganh ghét mà không sợ dính mắc tà kiến.

141) "Cái gì! Nó được khen còn ta bị chê! Nó nhiều tài sản còn ta thì nghèo! Nó được đối xử tốt còn ta thì không! Nó sướng ta khổ!" [5].

142) "Trong khi ta phải làm việc thì nó được nằm nghỉ ! Phải chăng nó quan trọng vì có nhiều đức tính, còn ta hèn hạ vì thiếu tư cách?"

143) "Nhưng làm sao đánh giá được người nào thiếu tư cách? Ai cũng có tư cách riêng của họ, so với người này ta thấp kém, nhưng so với người kia ta trội hơn".

144) "Sự thấp kém về tài đức và trí huệ của ta bắt nguồn từ ái dục, tà kiến. Nếu nó chữa trị được cho ta thì khó khăn cách mấy ta cũng sẵn sàng chấp nhận".

145) "Nhưng nó (cái Ta) không thể chữa trị cho ta được, tại sao nó lại dám khinh miệt ta chứ? Như vậy những đức tính của nó giúp ích gì được cho ta nếu nó chỉ biết ích kỷ?".

146) "Nó không có một chút từ bi đối với những người xấu số rơi rớt trong ba đường ác, vậy mà nó dám kiêu ngạo, khoe khoang tài đức và hạ nhục kẻ hiền".

147) "Gặp kẻ ngang hàng, nó luôn tìm cách vượt hơn, nếu cần nó có thể kiếm chuyện chửi bới để thỏa mãn lòng tham và tội lỗi của nó".

148) "Bằng mọi cách ta sẽ phô trương tất cả đặc tính của ta trước mọi người và không để cho ai biết được một chút đức tính nào của nó".

149) "Ta sẽ che giấu tật xấu của mình và như thế ta sẽ được trọng vọng, giàu sang, tiếp đón, còn nó thì không!".

150) "Ta sẽ vui sướng thật lâu khi nhìn thấy nó bị sỉ nhục, chế nhạo, xua đuổi".

151) "Và nếu nó có một chút tài sản hay làm công cho ta thì ta sẽ trả cho nó vừa đủ sống, còn lại bao nhiêu ta sẽ dùng bạo lực chiếm hết".

152) Khi nghe mọi nơi khen ngợi đức tính của ta, ta sẽ cảm động vui mừng, khoái lạc.

153) Nếu nó còn một chút của cái, ta sẽ dùng bạo lực chiếm lấy và chỉ cho nó một ít đủ sống để có thể phục dịch cho ta.

154) Phải đẩy nó ra khỏi hạnh phúc, vứt lên lưng nó những cực nhọc của ta. Vì nó, (cái ta) mà chúng ta đã chịu 100 lần khổ đau của luân hồi.

155) Tâm ơi, người đã chạy mãi trong vô lượng kiếp tìm cầu lợi ích cá nhân để cuối cùng, bù lại với sự cố gắng đó, người chỉ gặt hái khổ đau.

156) Đừng ngần ngại nghe lời ta khuyên, sau này người sẽ thấy được lợi ích, vì lời nói của đức Thế Tôn chân thật không làm lẫn.

157) Nếu xưa kia người sớm biết thực hành phương pháp "đổi người thành ta" thì người đã hưởng Phật quả sung sướng

rồi, có đâu khổ sở nông nổi như ngày hôm nay.

158) Cũng thế, từ lâu người đã xem những giọt tinh, huyết của kẻ khác là "Ta" thì nay, người hãy tập nhìn những kẻ khác là "Ta".

159) Sau khi nhìn kỹ, nếu thấy có gì lợi ích nơi thân này thì người hãy cướp lấy dành cho kẻ khác.

160) "Kẻ này vui, người kia buồn; kẻ này cao, người kia thấp; kẻ này làm, người kia không". Sao người chỉ biết ganh tỵ kẻ khác mà không biết ganh tỵ chính người?

161) Hãy kéo "cái Ta" của người ra khỏi sự sung sướng, trói nó vào khổ đau của kẻ khác. Để đừng bị lừa, hãy canh chừng cẩn mật hành động của nó.

162) Hãy đổ lên đầu nó (cái Ta) tất cả lỗi lầm của kẻ khác. Và nếu nó có lỗi, dù thật nhỏ, cũng phải khai ra để sám hối.

163) Hãy hạ bệ tiếng tăm của nó xuống và nâng cao danh dự của kẻ khác lên. Hãy bắt nó làm việc cho chúng sinh, như một kẻ hầu thấp nhất.

164) Nếu nó có vài hạnh tốt, người cũng đừng khen ngợi và đừng cho kẻ khác hay biết.

165) Tóm lại, hãy đổ lên "cái Ta" của người tất cả niềm đau mà người đã tạo cho kẻ khác.

166) Đừng cho nó quyền hành, lắm lời, xác xược. Hãy bắt nó e thẹn như một nàng dâu, kín đáo, dè dặt khi mới về nhà chồng.

167) "Không được làm cái này! Phải đứng như thế kia!" cứ như thế người điều phục nó theo ý muốn. Nếu nó vi phạm thì phải trừng trị liền.

168) "Khi ta nói như vậy mà người không nghe lời thì tâm ơi, người sẽ biết tay ta. Hỡi đồ chuyên tạo tội !".

169) "Thời gian mà người tùy ý lừa đảo ta đã qua rồi ! Giờ đây người làm gì, nghĩ gì ta đều thấy hết và ta sẽ chà đạp tất cả sự kiêu hãnh của người".

170) "Nếu người còn hy vọng tìm kiếm lợi ích riêng tư thì hãy mau từ bỏ đi! Ta không buồn chút nào về sự khổ sở của người, vì ta đã bán người cho kẻ khác rồi".

171) "Nếu ta đại đột không bán người cho kẻ khác thì chắc chắn người sẽ trao ta cho loài quỷ giữ ngục".

172) "Không biết bao lần người đã trao ta cho chúng nó hành hạ đau khổ triền miên! Giờ đây nhớ lại sự độc ác đó, ta phải chà đạp người, ôi cái tâm ích kỷ!"

173) Nếu muốn sung sướng, nhớ đừng nuông chiều cái Ta! Nếu muốn yên thân, nhớ đừng thêm bảo vệ nó!

174-175) Nếu chiều chuộng nó, người sẽ sa vào hố thất vọng. Vì lúc đó toàn quả địa cầu này cũng không đủ thỏa mãn lòng tham của nó.

176) Ham muốn điều không thể có chỉ dẫn đến khổ đau và thất vọng. Ngược lại, không hy vọng tham cầu thì sẽ an nhiên hưởng lạc không bao giờ hết.

177) Do đó hãy chặn đứng những cơ hội ham muốn của thể xác. Chỉ nên ham muốn những gì không đáng ham muốn.

178) Ôi thể xác! Đồ bất tịnh ghê tởm. Cuối cùng nó sẽ bất động và tan thành tro bụi. Tại sao lại bám víu vào nó, cho đó là "Ta"?

179) Dù sống hay là chết, cái "máy thân" này có ích gì? Có gì khác giữa nó và một nắm đất? Ôi tâm niệm chấp ngã, sao người chưa chết đi?

180) Chỉ vì phụng sự cho thân này một cách ngu xuẩn mà ta phải chịu muôn vàn khổ đau. Thương tiếc hay ái luyến nó có ích gì trong khi nó chỉ là một hình nộm.

181) Được ta săn sóc, nó cũng không thương. Bị điều hâu cần xé, nó cũng

không ghét. Thế thì sao lại phải thương yêu nó chứ?

182) Ta nổi giận khi nó bị xử tệ; ta sung sướng khi nó được khen thưởng. Nhưng tự tánh nó vô tri không biết gì, tại sao ta phải khổ sở giùm nó chứ?

183) "Những ai thương thân này thì kẻ đó là bạn của Ta". - Được! Nhưng mọi người ai cũng thương thân của họ, tại sao ta lại không phải là bạn của họ?

184) Như vậy, vì lợi ích chúng sinh, ta sẽ từ bỏ ái luyến thân này. Nếu giữ gìn nó, chẳng qua chỉ để làm khí cụ hoạt động mà thôi.

185) Thôi đủ rồi! Những thói phạm phu! Từ nay ta quyết theo chân các bậc hiền giả, luôn giữ gìn chánh niệm, không để hôn trầm, giải đãi lôi cuốn.

186) Cũng như các Bồ Tát, con trai của bậc Thắng Vương, ta sẽ nhẫn chịu tất cả khó khăn xảy đến. Vì nếu không tinh tấn ngày đêm như thế, ngày nào mới chấm dứt được khổ đau?

187) Ta phải kéo tâm ra khỏi ảo ảnh tà kiến, đặt nó vào nẻo chánh của Thiên Định.

Chú thích:

[1] Shiné-Lhagtong: Chỉ-Quán

[2] Ở đây tôn giả Santideva nói thẳng, không quanh co về sự bất tịnh và si mê ái dục của con người.

[3] Chuyện Bồ Tát Supuspacandra, vì cương quyết thuyết pháp nên bị vua Curadatta hành hạ. Trong Tam ma địa Vương Kinh (Samadhirajasutra).

[4] Tức của cha mẹ

[5] Ở đây tác giả đặt mình vào địa vị kẻ khác rồi hướng về "cái Ta" (Ngã) mà nói. Do đó chữ "nó" tức là cái Ta (Ngã), còn "ta" tức là người khác (kẻ khiêm tốn).

CHƯƠNG IX

Trí Huệ

1) Tất cả những hạnh trước được chỉ dạy bởi đấng Xuất Thế cốt để cuối cùng dẫn đến trí huệ. Do đó, kẻ nào muốn diệt trừ tận gốc khổ đau phải tập khai triển trí huệ.

2) Có hai loại chân lý: chân lý bao phủ [1] và chân lý tuyệt đối. Chân lý tuyệt đối, vượt ngoài tầm hiểu biết của thông minh trí thức nên nó không bị "bao phủ".

3-4) Cũng từ đó mà có hai loại người: a) Người trầm tư hiền giả [2] thường an trú trong thiền định và quán chiếu nội tâm, và b) "Người thường" là người sống ngược lại như trên, họ xem thân là một tự thể và tâm là thường hằng vĩnh cửu. Trong số các bậc hiền giả cũng có hai hạng: thượng và hạ tùy theo căn cơ, nhưng cả hai cùng hướng tới một mục đích chung.

5) Người thường thì thấy và cho rằng sự vật hiện hữu thực sự, còn bậc hiền giả thì thấy chúng chỉ là ảo tưởng. Đó là sự khác biệt giữa hai bên.

6) Hình sắc và trần cảnh được công nhận là có thật do sự nhận thức của số đông (người thường) chứ nó không có một bằng chứng vững chắc. Sự nhận thức này thường là sai lầm, thí dụ như cho những gì bất tịnh là trong sạch.

7) Khi bậc Đạo Sư giảng nói về sự thật, ngài dùng phương tiện thiện xảo cốt dẫn đưa về Không Tánh. - Thế thì khi nói các pháp là "tạm thời" [3], phải chăng là chân lý tuyệt đối?. - Không! - Là chân lý bao phủ chăng? Nếu vậy thì thật là mâu thuẫn.

8) - Không có lỗi trong chân lý bao phủ của bậc hiền giả, vì so sánh với người thường, các ngài nhìn thấy rõ sự thật. - Các anh chớ hả? Chính các anh tự tách rời quan niệm quần chúng, cho đàn bà (nữ sắc) là bất tịnh.

9-10) Nếu các pháp không có thật thì đức Phật cũng chỉ là một ảo tưởng. Và như thế, lễ lạy ngài được công đức gì? - Theo các anh, lễ lạy một đức Phật thật cho ra công đức thật thì đối với chúng tôi cũng vậy, lễ lạy một đức Phật ảo sẽ cho ra công đức ảo. - Nhưng nếu con người là ảo

tưởng thì làm sao y có thể chết và tái sinh lại được? - Ngày nào còn đầy đủ nhân duyên thì ngày đó ảo tưởng còn tiếp hiện. Đâu phải vì thời gian hiện hữu của con người dài hơn một ảo tưởng mà dám quả quyết con người hiện hữu thực sự.

11) - Nếu vậy thì giết người sẽ không bị tội, vì họ (là ảo tưởng) không có tâm thức. - Bị tội! Vì con người chính là ngoại ảnh của tâm thức và từ đó phát sinh ra công đức cùng tội lỗi.

12-13) - Một cái tâm ảnh hiện bên ngoài không thể có được, ngay cả thần chú, ảo thuật cũng không thể tạo ra nó được. - Nhưng những hình ảnh này phát xuất từ nhiều nhân khác nhau; một nhân độc nhất đâu hẳn cho ra nhiều quả.

14-15) - Nếu theo chân lý tuyệt đối, tất cả chúng sinh đều tự tánh Niết Bàn, sự luân hồi chỉ là ảo tưởng, vậy thì đức Phật cũng luân hồi. Như thế tu tập Bồ Tát Hạnh có ích lợi gì? - Ngày nào nhân duyên của nó chưa bị tiêu diệt thì ngày đó ảo tưởng vẫn tiếp tục. Khi nhân duyên không còn thì ngày đó nó mới tan biến. Đức Phật đã diệt trừ được nhân duyên của ảo tưởng nên tuy có hình tướng nhưng ngài không lệ thuộc vào luân hồi.

16) Nếu các pháp không thực có, ngay cả cái tâm năng quán, vật thì ai (hay cái gì) thấy biết được ảo tưởng? - Theo các anh, các pháp bên ngoài là ảo tưởng không có thật, vậy thì cái gì bị nhận thức? [4]

17-18) - Đó là những hình ảnh (đối tượng) của tâm và cũng chính là tâm. -Nhưng nếu ảo cảnh cũng chính là tâm thì tâm nào

thấy và tâm nào bị thấy? Đức Phật có nói: "Tâm không thể thấy tâm cũng như lưới gương không thể tự chắt nó được."

19-20) - Tâm tự biết tâm cũng như ngọn đèn tự chiếu rọi nó. - Ngọn đèn không tự rọi nó được, vì nó chưa từng bị che khuất.

21-23) - Chúng tôi muốn nói là nó tự sáng, không lệ thuộc gì bên ngoài. Cũng như màu xanh của ngọc lưu ly, tự nó xanh, khác với màu xanh của một tấm kính đặt trên vải xanh. Do đó sự vật có cái tùy thuộc nhân duyên, có cái độc lập tự tánh. - Màu xanh không có tự tánh độc lập, vì nó tùy nơi ngọc lưu ly. Nó không phải là cái gì không xanh mà trở thành xanh. Giả dụ tâm thấy và xác nhận rằng ngọn đèn chiếu sáng, nhưng ai (cái gì) thấy và xác nhận rằng tâm chiếu sáng (biết)? Thí dụ (về ngọn đèn) của các anh

không hợp lý, vì chưa có cái tâm nào thấy được cái tâm năng chiếu. Như vậy không còn lý do gì để tiếp tục nói là tâm có khả năng tự biết. Nếu không, chẳng khác gì bàn cãi xem con gái của người đàn bà bất thụ [5] đẹp hay xấu!

24) - Nhưng nếu không có tánh tự biết [6] thì làm sao con người nhớ được sự việc đã qua? - Trí nhớ xuất hiện do tương duyên với cảnh vật bên ngoài, tựa như vết cắn của chuột gấu [7].

25) - Có người đầy đủ nhân duyên (như thiên nhãn hay linh cảm) thấy được tâm ý kẻ khác, chẳng lẽ họ không thấy được chính tâm họ sao? - Người dán bùa trên mắt có thể thấy được đồ vật cất giấu dưới đất nhưng không thể thấy được lá bùa ngay trên mắt họ.

26) - Nếu biết cái tự biết không có thật thì những tánh biết khác (của các căn) như thấy, nghe, biết, v.v... cũng không có thật.
 - Chúng tôi không phủ nhận sự thấy, nghe, biết..., nhưng nếu bảo chúng có thật thì chúng tôi không chấp nhận vì đó là nguyên nhân của đau khổ.

27) Nếu bảo ảo cảnh không phải tâm là sai, nếu bảo là tâm cũng là sai. Nếu nó có thật thì làm sao là tâm được? Nếu nó là tâm thì làm sao có thật được?

28) Tuy không có thật, nhưng ảo cảnh vẫn bị thấy (ảnh hiện). Tuy không có thật, nhưng tâm vẫn thấy được (ảo cảnh).

29-30) Theo các anh (Duy Thức) thì luân hồi (không có thật) bắt nguồn từ một nền tảng có thật (tức là tâm). Làm sao một vật không có thật lại có thể hành động, tạo tác

trên một vật có thật được? Theo lập luận của các anh, tâm là một loại Thức-bất-nhi-độc hành không cần có đối tượng. Và nếu tâm hiện hữu riêng biệt ngoài đối tượng thì tất cả chúng sinh đều đã là Phật rồi. Như thế, công đức nào đáng tích tụ, vì nó cũng chỉ là tâm?

31) Nhưng biết được các pháp là ảo ảnh hư vọng, có đủ để tiêu trừ ái dục phiền não không? Há chẳng thấy người phù thủy tạo ra một đàn bà huyền rồi đem tâm yêu mến?

32) Trong trường hợp này, người phù thủy chưa diệt được những khuynh hướng ái nhiễm đ?i với trần cảnh. Khi nhìn người đàn bà huyền (do chính mình tạo), khả năng thấy được Tánh Không của anh hãy còn quá yếu để có thể giúp anh nhớ lại thực tại.

33-35) Khi luyện tập, quán chiếu thành thói quen thấy được Tánh Không của các pháp thì sự bám víu, cho rằng chúng thực có, sẽ tan biến. Nhờ lập đi lập lại trong tâm: "các pháp không thực có", cuối cùng ngay cả ý niệm về tánh Không cũng tan biến. Khi nói một vật không thực có (hiện hữu) có nghĩa là không thể tìm thấy nó sau cuộc khảo sát tối hậu. Khi không còn tìm ra được một sự hiện hữu nào có thể phủ nhận, thì nói chỉ đến sự không-hiện hữu? [8]. Khi Có và Không không còn khởi lên trong tâm thì không còn gì khác có thể khởi lên được nữa là lúc đó tâm sẽ hoàn toàn vắng lặng.

36) Cũng như ngọc Mani và cây Như Ý thành tựu những lời ước của chúng sinh, thân Phật vẫn ảnh hiện nhờ những lời

nguyện xưa của ngài và lòng thành mong ước của các đệ tử [9].

37-38) Như Bà la môn Sanku tuy đã chết lâu rồi, nhưng cái hộp đựng tro Garuda [10] mà ông đã làm phép trì chú trước kia, vẫn có khả năng giải trừ nọc rắn. Cũng thế, sau khi thành tựu vô lượng hạnh nguyện Bồ Đề, bậc Bồ Tát nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng xá lợi của ngài vẫn tiếp tục làm lợi ích chúng sinh.

39-40) Làm sao thờ lạy một tượng vô tri lại có thể đem lại phước báo? - Trong Kinh có nói, theo Tục Đế và Chân Đế, cả hai sự thờ lạy: khi đức Phật còn tại thế và khi ngài đã nhập Niết Bàn, đều phước đức như nhau. Các anh (Tiểu Thừa) chấp nhận thờ một đức Phật thật để được công đức thật thì chúng tôi thờ một đức Phật huyền để được công đức huyền, đâu có ngại gì?

41) - Người ta có thể giải thoát bằng sự giác ngộ Tứ Diệu Đế cần gì phải quán chiếu Tánh Không? - Cần chứ! Vì theo kinh (Bát Nhã) quả Bồ Đề không thể thành tựu nếu không có trí huệ Bát Nhã [11].

42) - Nhưng giáo lý Đại Thừa không phải do Phật nói. - Thế thì kinh sách của các anh, ai chứng nhận (là do Phật nói)? - Kinh sách của chúng tôi đáng tin vì nó được chấp nhận bởi (ít nhất) hai người chúng tôi. Nếu vậy, trước khi được chấp nhận bởi các anh thì nó không đáng tin à? - Đáng tin! Vì nó được truyền thừa không ngừng từ các bậc Trưởng Lão.

43) - Kiểu tin của các anh chẳng khác gì chúng tôi (Đại Thừa), vì chúng tôi cũng được tổ tổ tương truyền. Hơn nữa, nếu các anh chấp nhận một điều cho nó là phải, vì

được chấp nhận bởi hai người, thì các anh cũng phải chấp nhận luôn cả kinh điển Vệ Đà và ngoại đạo.

44) - Kinh điển Đại Thừa không đáng tin vì nó luôn bị tranh luận! - Nếu vậy thì cũng phải từ bỏ luôn cả kinh điển của các anh, vì nó cũng bị tranh luận bởi các nội phái và ngoại đạo.

45) Đời sống xuất gia là nền tảng của sự tu hành, cũng như Niết Bàn, tuy vậy nó rất khó đối với những người tâm còn bám víu vào sự vật cho là thực có.

46-47) - Các bậc A La Hán tuy không hiểu được Tánh Không nhưng đã giải thoát đau khổ vì các ngài đã xả bỏ tất cả tà kiến bằng con đường thiền định quán chiếu về Vô Thường, Vô Ngã. - Nhưng ai dám bảo, khi vừa thành A La Hán Hữu

Dur [12] là hết thọ khổ? Có nhiều vị, vì nghiệp lực quả báo quá khứ, vẫn còn thọ khổ như A La Hán Mục Kiền Liên.

48) - Tuy còn thọ khổ khi còn báo thân, nhưng khi xả bỏ báo thân, các ngài vĩnh viễn giải thoát vì không còn chấp vào các uẩn của thân và tâm nữa.

49) - Nhưng khi chưa xả bỏ báo thân thì còn cảm thọ, và như vậy tâm vẫn còn đối tượng (bám víu) cho rằng nó thực có.

50-51) Không hiểu Tánh Không thì tà kiến chỉ tạm lắng yên trong những cơn nhập định, sau đó sẽ tái khởi lại. Do đó, nếu muốn tận diệt khổ đau thì phải quán chiếu Tánh Không.

52-53) - Nhưng nếu hiệu lực của tham lam, sợ hãi là giam giữ chúng sinh trong luân hồi, thì hiệu lực của Tánh Không sẽ

là cầm chân họ (trong luân hồi) vì cho họ ảo tưởng cứu độ kẻ khác.

54) - Lời chỉ trích trên không có nền tảng, do đó chúng ta không nên ngần ngại tu tập Tánh Không.

55) Tánh Không là liều thuốc đối trị vô minh (phát xuất từ ái dục và chấp pháp). Làm sao lơ là bỏ qua được, nếu muốn được nhất thiết trí?

56) - Tôi không muốn quán chiếu về Tánh Không vì nó làm tôi sợ! - Cái gì làm mình đau khổ thì sợ là phải. Nhưng Tánh Không (điều trị) xoa dịu đau khổ, tại sao lại sợ?

57) Người ta sợ cái này, cái kia vì cho và tin rằng cái Ta có thật (hiện hữu). Được! Nhưng đối với người đã hiểu cái "Ta" không có thật thì sợ cái gì? Ai sợ?

58-60) Răng, tóc, móng, xương, không phải là Ta, cái Ta cũng không phải là máu, mủ, đờm, mật, tạng, phủ, ..., phân, tiểu, gân, hơi nóng, chín khừu, sáu thức.

61) Nếu nhĩ thức là Ta thì phải luôn nghe thấy âm thanh (ngay cả lúc nó không còn) chứ? Khi đối tượng nhận thức (trần cảnh) vắng mặt thì làm gì có nhận thức? [13]

62) Nếu gán sự biết (nhận thức) vào những gì không (có khả năng) biết thì cây gồ kia cũng phải biết được chứ! Do đó không thể có sự nhận thức nếu không có đối tượng.

63) Tại sao cái Ta, khi thấy hình sắc lại không nghe được âm thanh? Các anh sẽ nói vì gần đó không có âm thanh. Và nếu vậy thì nó (cái Ta) không phải là nhĩ thức.

64) Cái mà tánh của nó là thân nhận âm thanh, làm sao có thể thân nhận được hình sắc? Đồng ý là một người đàn ông, tùy trường hợp, có lúc được xem là cha, có lúc là con, nhưng theo Chân Đế thì không thể như vậy được. Nếu các anh (Samkhya) cho rằng thực tại là một trạng thái hòa hợp quân bình giữa ba tánh: thanh tịnh, tạo tác, u mê thì không có gì được xem là cha hay con cả.

65) - Khi cái Ta đang thân nhận âm thanh thì tánh thấy của nó không hoạt động. Và khi nó thấy thì đó là tánh nghe đã chuyển sang tánh thấy, cũng như một kịch gia thay đổi vai trò.

66) - Như vậy theo các anh (Samkhya) thì chính cùng một cái ta thân nhận cảnh trần (sắc, thanh, hương, ...) với nhiều tánh (không thực) khác nhau, nhưng thực tế nó

vẫn có một tánh (thực có) độc nhất. Đây là một điều mà các anh chưa hề tuyên bố trước đây!

67) Chắc chắn các anh sẽ không nói tánh này là huyền. Thế thì thực tánh của nó là gì? Phải chăng đó là cái tánh biết (nhận thức)? Nếu vậy thì tất cả chúng sinh sẽ cùng là một thứ độc nhất!

68) Thêm nữa, tất cả chúng sinh hữu thức và vô thức cũng sẽ là một, bởi vì họ cùng hiện hữu. Nếu các tánh như thấy, nghe, biết, ... được xem là không thực thì làm sao nền tảng của nó (cái Ta) lại được xem là thực có?

69) Một vật không có nhận thức thì không phải là Ta, vì nó không biết được sự vật cũng như khúc gỗ vậy. [14] - Nó biết được sự vật khi nó phối hợp với tâm thức.

- Như vậy, khi không có tâm thức thì nó cũng tiêu diệt.

70) Các anh cho cái Ta là thường còn, không thay đổi. Thế khi phối hợp với tâm thức nó sẽ là gì? Nếu cho cái gì thường còn, không thay đổi, vô thức là ta thì hư không kia cũng được xem là ta.

71) - Nhưng nếu cái Ta vô thường thì sự liên hệ nhân quả sẽ không thành, bởi vì khi làm xong một hành động thì người tạo nghiệp không còn, vậy ai sẽ chịu quả báo.

72) - Nền tảng của người tạo nghiệp chính là năm uẩn đời này, nền tảng của người thọ quả báo là năm uẩn đời sau, hai cái khác nhau. Không có cái Ta nào tạo nghiệp và cũng không có cái Ta nào thọ quả báo.

73) - "Chính chủ nhân tạo nghiệp là người lãnh thọ quả báo chứ không ai khác" trong Kinh đã nói! - Đức Phật có dạy như vậy, nhưng cốt để phá trừ sự chấp đoạn của người không tin nhân quả chứ không phải dạy cái Ta thực hữu thường còn.

74) Tâm niệm quá khứ cùng tâm niệm vị lai đều không thể là cái Ta vì chúng không (hiện hữu) có thực. - Nhưng tâm niệm hiện tại không thể là Ta à? - Cho dù nó là Ta nhưng khi vừa nghĩ xong thì nó cũng không còn.

75) Như cây chuối khi bị lột từng bẹ để tìm thì không thể thấy (đâu là cây chuối). Cũng thế, cái Ta hiện hữu như thực có, khi bị quán chiếu phân tách, không thể tìm thấy nơi nắm uẩn.

76) - Nếu chúng sinh không có thật thì tu tập từ bi với ai? - Tuy không có thật (vì là ảo tưởng) nhưng chúng sinh là đối tượng lợi ích và cần thiết cho những ai tu tập Bồ Tát Hạnh.

77) - Nhưng nếu chúng sinh không có thật thì ai lãnh thọ phước báo sau khi tu hạnh từ bi? - Theo Chân Đế tuyệt đối thì không có gì thực có, dù đó là chúng sinh, là từ bi hay phước báo; nhưng trên Tục Đế, ảo tưởng, đối với người tâm còn lầm lẫn thực tướng các pháp thì phải cần tu tập từ bi huyễn vì nó cho ra phước báo huyễn.

78) Sự ái luyến chấp Ta thì ngược lại, tuy cũng là huyễn nhưng cần phải diệt trừ vì nó là nguyên nhân của đau khổ. Và để diệt trừ nó không có cách gì khác hơn là tu tập quán chiếu về Vô ngã.

79-80) Thân không phải là chân, đùi, hông, bụng, lưng, ngực, tay, vai, nách, cổ, đầu, ... Vậy cái gì là thân? [15]

81) Nếu thân nằm trong tất cả bộ phận của nó thì hóa ra tất cả phần của thân nằm trong từng phần của thân sao? Còn cái thân tự tánh, hiện hữu độc lập nằm ở đâu?

82) Nếu cái thân là Một [16], có thật, nằm riêng biệt trong từng bộ phận thì như thế có bao nhiêu bộ phận thì phải có bấy nhiêu ấy thân.

83) Thân không nằm ở trong cũng không ở ngoài các bộ phận. Nhưng lìa các bộ phận ra, nó cũng không thể có (hiện hữu). Vậy nó hiện hữu kiểu nào?

84) Cái thân không có thật! Nhưng vì ảo tưởng lầm lẫn, ý niệm "thân" được gán vào những bộ phận (tay, chân,...) cũng

như làm tường cho cái cột là một người đàn ông.

85) Khi hội đủ nhân duyên đưa đến làm lần thì người ta cho cái cột là người đàn ông. Cũng thế, khi còn nhân duyên đưa đến làm lần thì người ta cho những bộ phận (tay, chân, ...) là cái thân.

86) Như thân không thật có thì bàn tay cũng không có thật: chỉ có những ngón tay hợp lại với nhau. Ngón tay cũng không có thật, chỉ có những đốt xương và gân hợp lại với nhau, và những đốt xương này được cấu tạo bởi nhiều phân tử.

87) Những phân tử này lại được cấu tạo bởi nhiều nguyên tử, và những nguyên tử lại được chia chẻ ra theo sáu hướng [17], chia chẻ đến cùng cực (không còn chia chẻ được nữa) thì chỉ còn hư không trống

rỗng. Cuối cùng, nguyên tử cũng không có thật.

88) Như vậy, hình sắc chẳng khác chiêm bao, bậc hiền giả nào lại muốn bám víu vào? Thân kia còn không có thật, nói chi đến (sự phân biệt) đàn ông hay đàn bà?

89) Nếu đau khổ có thật tự tánh thì sao nó không xúc động được người đang vui? Nếu những món ngon đem lại khoái lạc thì sao người đang sầu khổ ăn vào cảm thấy vô vị?

90) Người ta sẽ bảo rằng đau khổ và khoái lạc có thật, nhưng trong trường hợp trên, không được cảm thấy vì chúng bị một cảm giác mạnh hơn lấn át. Nhưng sao lại gọi là cảm giác khi tánh của nó không được người ta cảm thấy?

91) - Vẫn cảm thấy chứ! Vì khi khoái lạc thì cảm giác đau khổ nằm ở trạng thái yếu (vi tế). - Nhưng cảm giác vi tế này không thể là đau khổ vì một cảm giác không thể cùng lúc vừa là đau khổ vừa là khoái lạc được.

92) Nếu đau khổ không xuất hiện được nơi tâm vì lúc đó đang có một cảm giác đối lập thì cái gọi là cảm giác đau khổ chỉ là một ảo tưởng (tà kiến).

93) Để đối trị tà kiến này, chúng ta phải trau dồi trí huệ quán chiếu "tánh không thực có" của các pháp. Sự nhập định quán chiếu những ảo tưởng của tâm chính là món ăn độc nhất của hành giả Du Già [16].

94) Cảm thọ được xem là kết quả của một sự xúc chạm. Nhưng giữa căn và trần có

một khoảng cách, vậy chúng làm thế nào xúc chạm được nhau? Và nếu không có khoảng cách thì chúng là một, nói giao hội đâu còn nghĩa lý?

95) Không thể nói đó là một sự xuyên nhập giữa các nguyên tử được, bởi vì nguyên tử không trống rỗng, cũng không có khía cạnh nên không có gì xuyên nhập được. Mà không có xuyên nhập thì không có hòa hợp, nếu không có hòa hợp thì không có cảm thọ [19].

96) Làm sao có được sự xúc chạm giữa hai vật không khía cạnh? Nếu có thì hãy chỉ cho chúng tôi biết [20].

97) Nói tâm xúc chạm vật cũng vô lý, vì tâm vô hình chất, không thể xúc chạm được với vật hữu chất.

98-99) Sự xúc chạm không thể có thì lấy đâu ra cảm thọ? Cảm thọ không có thật thì tội gì nhọc cầu khoái lạc? Lấy đâu ra đau khổ, và ai đau khổ? Không có ai là người cảm thọ và cũng không có gì là cảm thọ. Trước sự kiện này, ôi lòng khát ái, sao người chưa tan biến đi?

100) Ta thấy và sờ mó được trần cảnh nhưng cảm giác chỉ là những ý niệm phát xuất từ tâm, chẳng khác gì ảo ảnh, giấc mơ. Nó không có thật!

101) Ta có thể nhớ lại cảm giác quá khứ hoặc thềm muốn cảm giác tương lai, nhưng đó không phải là một cảm giác mà là sự nhớ tưởng.

102) Cho nên không có người cảm thọ (thọ giả) nào có thật, cũng không có một cảm thọ nào thật có. Làm sao cái đám uẩn

vô ngã này lại có thể có được cảm thọ khoái lạc hay khổ đau?

103) Thức không nằm trong căn, không ở nơi khác cũng không chính giữa. Tâm cũng thế, không nằm trong thân, ngoài thân hay ở nơi khác.

104) Không phải là thân cũng không phải khác; không phải trộn lẫn cũng không phải khác biệt (với thân) nên tâm không có thật. Do đó nói rằng tất cả chúng sinh đã Niết Bàn.

105-106) Ý thức có thể không có thật, nhưng chẳng lẽ năm thức kia (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) cũng không có thật à? Muốn biết thì hãy phân tách xem năm thức đó có trước, cùng lúc hay sau cảnh vật? Nếu bảo có trước khi gặp cảnh vật thì nó nương đâu mà khởi? Nếu thức và đối

tượng của nó phát sinh cùng lúc thì cũng thế, cả hai nương đâu mà khởi? Vì nếu cùng một lúc thì không thể nói cái này nương cái kia khởi. Và nếu thức phát sinh sau đối tượng thì nó nương đâu mà khởi? Vì khi nó khởi thì đối tượng đã không còn.

107) - Qua sự phân tách trên, ta hiểu là không có pháp nào thực sự phát sinh. Nhưng như thế làm sao có được Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế)? Và làm sao chúng sinh đến được Niết Bàn?

108) - Thật ra Niết Bàn thường hằng, nhưng vì không hiểu nên người ta lầm lẫn (khái niệm) cho rằng nó sinh khởi và hoại diệt. Chính sự khái niệm này là chân lý bao phủ (Tục Đế). Người vào được tánh Niết Bàn vẫn hiện hữu qua sự ảo tưởng

của kẻ khác (nhưng y không còn ảo tưởng).

109) - Tâm năng quán và vật sở quán nương nhau hiện hữu, nếu vật không có thật thì tâm cũng không có thật. Và nếu tâm không có thật thì sự phân tách lập luận Tánh Không của các anh cũng vô hiệu.

110-111) - Thật ra cả tâm và vật đều không có thật, nhưng không phải vì thế mà sự phân tách bị coi là sai. Bởi vì tất cả những tâm phân tách được xem là ý thức tương đối, dựa đặt trên nền tảng lập luận chấp nhận bởi thế gian. Khi vật sở quán bị phân tách và xác nhận là trống rỗng thì cái tâm năng quán (phân tách) kia trở nên mất đối tượng. Không có đối tượng thì tâm năng quán lấy đâu mà khởi? Trong trạng

thái yên lặng, không còn vật sở quán và tâm năng quán, đó gọi là Niết Bàn.

112-114) Kẻ nào cho tâm và vật có thật thì kẻ đó lâm vào tình trạng khó xử. - Vật có thật vì căn (là nơi thức phát sinh) có thật. [21] - Nhưng sao một vật lại được xem là có thật nếu nó tùy thuộc vào thức? - Mặt khác, có thể nói thức có thật vì nó dựa trên vật. - Nếu cả hai nương nhau mà có thì cả hai đều không có thật. Thí dụ: một người không có con thì không thể được xem là cha; nếu không có cha thì làm gì có con? Như vậy tâm và vật không thể hiện hữu độc lập, riêng biệt.

115) - Cây sanh ra từ hạt, biết có hạt nhờ thấy cây. Sao không thể chấp nhận được tâm (nhận thức) có thật vì nó được phát sinh từ vật (bị thấy)?

116) - Sự có (hiện hữu) của hạt có thể chấp nhận được vì có tâm nhìn thấy cây. Nhưng ai (hay cái gì) biết được tâm thực có, phát sinh từ cảnh vật?

117) Một người thường, qua sự quán sát, cũng có thể nhận ra tính phức tạp của nhân: như những cánh sen phát xuất từ nhiều nhân khác nhau.

118) Tính phức tạp của nhân bắt nguồn từ đâu? Từ nhiều nhân trước. Tại sao nhân này lại cho ra quả kia? Đó là do ảnh hưởng của nhân trước nữa.

119) Nếu cho Trời là nguyên nhân của thế giới thì Trời là gì? [22] - Là tất cả đại (nguyên chất): đất, nước, lửa, gió, hư không. - Được! Nhưng nếu vậy cần gì phải đặt tên những thứ ấy là Trời?

120) Hơn nữa, những thứ: đất, nước, v.v... nhiều loại, vô thường, vô tri, bất tịnh, không có gì thần thánh, sao lại gọi là Trời?

121) Hư không không phải là Trời, vì nó bất động; cái Ta cũng không phải, vì trước đây nó đã bị chúng tôi phủ nhận. Nếu không thể diễn tả, chỉ đâu là Trời thì nói chỉ đến sự sáng tạo của Trời?

122) Theo các anh thì Trời đã tạo những gì? Cái Ta à? Các anh nói nó thường hằng mà, đâu cần tạo. Tứ đại à? Chúng cũng thường hằng mà. Trời à? Trời cũng thường hằng mà. Thức à? Nó phát sinh từ đối tượng nhận thức. Sung sướng và khổ đau à? Đó là kết quả của nghiệp lành và ác. Như vậy Trời tạo cái gì?

123) Nếu Trời là nguyên nhân đầu tiên, không có đầu mối (vô thí) thì kết quả, là các pháp, làm sao có đầu mối được?

124) Trời không bao giờ hết (vô chung) thì sao những sự sáng tạo của Trời lại lúc có lúc không? - Trời không bắt buộc phải luôn luôn tạo ra một cái gì, và tuy thường còn nhưng khi tạo ra một cái gì, Trời cũng phải tùy nhân duyên. - Nói Trời tùy thuộc một cái gì thì vô lý, vì không có cái gì mà không được tạo ra bởi Trời.

125) Nếu bảo những sự vật kia là do nhiều trợ duyên phối hợp thì Trời không còn là nguyên nhân nữa. Vì khi hội đủ nhân duyên thì dù Trời không có mặt, sự vật vẫn thành. Khi thiếu nhân duyên thì dù Trời có mặt, sự vật cũng không thành.

126) Nếu sự vật thành hình ngoài ý muốn của Trời thì hóa ra Trời không có quyền (tự chủ) gì. Nếu bảo là do Trời muốn thì Trời lại lệ thuộc vào ý muốn của ông ta. Như vậy còn đâu là ông Trời chúa tể sáng tạo, độc lập, tự chủ?

127) Có kẻ [23] cho rằng thế giới hữu tình và vô tình này là do các nguyên tử thường hằng cấu tạo thành. Lập luận này đã bị chúng tôi phủ nhận.

128) Phái Samkhya cho rằng trạng thái dung hòa giữa ba tánh: bình đẳng, khoái lạc và khổ đau, chính là bản chất nguyên thủy của thế giới. Khi ba tánh này mất quân bình thì lúc đó thế giới bắt đầu thành hình.

129) Một vật nếu thực có thì không thể có ba tánh cùng một lúc, do đó cái bản chất

nguyên thủy kia không có thật. Và ba tánh trên cũng không có thật, vì nếu có thật thì mỗi tánh sẽ biến thành ba.

130) Như ba tánh này không có thật thì âm thanh cùng trần cảnh (đối tượng của căn) cũng không có thật. Ngoài ra ba tánh này cũng không thể nào có được trong những vật vô tri như quần, áo, v.v...

131) Phải chăng các anh muốn nói là đồ vật như quần áo, tánh của nó là tạo ra khoái lạc, v.v...? Nhưng chúng tôi đã dẫn chứng sự không thực có của chúng rồi. Hơn nữa theo các anh thì khoái lạc là nhân của quần áo chứ quần áo đâu phải là nhân của khoái lạc.

132) Nhưng thật ra khoái lạc phát sinh từ quần áo, vì nếu không có quần áo thì làm

gì có khoái lạc. Như vậy tánh khoái lạc, v.v... không thường hằng!

133) - Khi khổ thọ phát sinh thì người ta không cảm thấy được tánh khoái lạc, vì lúc đó khoái lạc trở thành vi tế. - Nhưng cái gì thường hằng làm sao có thể biến đổi từ thô mạt đến vi tế?

134) Nếu chuyển từ thô mạt đến vi tế thì nó là vô thường. Như vậy tại sao các anh không chịu chấp nhận mọi sự vật đều vô thường? - Tuy những trạng thái thay đổi của khoái lạc là vô thường nhưng tánh của nó vẫn là thường. - Nhưng những trạng thái vi tế, thô mạt chẳng phải khác khoái lạc, nên khoái lạc cũng vô thường.

135) Nhưng các anh sẽ nói: vật gì trước kia không có thì nay không thể sinh ra (có) được, cũng như dầu không có trong

cát nên ép cát không thể cho ra dầu được. Thế mà các anh lại chấp nhận cho trạng thái thô mật là có trong khi trước đó nó chưa có.

136) Nếu nói quả đã có sẵn trong nhân thì hóa ra ăn cơm chẳng khác ăn phân. Và thay vì mua hàng vải, người ta có thể mua bông vải để mặc.

137) - Sự thật là thế nhưng người thế gian si mê không chịu mặc những bông vải vì họ không thể thấy được hàng vải trong ấy.
- Nói vậy, thế sao Kapila [24], người mà các anh cho là đã thấy chân lý, lại mặc hàng vải mà không mặc bông vải?

138) Hơn nữa, theo các anh thì người thấy được chân lý (là quả) đã hiện hữu sẵn trong một người thường (là nhân), như vậy sao những người thường không thấy

được hàng vải trong bông vải? - Thật ra người thấy chân lý đã có sẵn nơi nhân, nhưng khi còn ở trạng thái nhân (tức người thường) thì mọi sự thấy biết đều lầm lẫn. - Nếu vậy thì những sự vật mà người ta thường nhìn thấy như: hàng vải, đồ ăn, người thấy chân lý, v.v... đều không thực, vì chúng chỉ là sự ảnh hiện của cái tâm lầm lẫn.

139) - Nếu theo các anh (Trung Quán), tất cả phương tiện dẫn đến trí huệ đều vô hiệu vì nó cho ra những khái niệm sai lầm thì Tánh Không các pháp cũng là một lập luận vô hiệu.

140) Nếu không giả dụ một sự thực có thì không thể suy ra sự không thực có. Do đó, nếu Tánh Có không thực thì Tánh Không cũng không thực. Tuy nhiên quán chiếu về Tánh Không vẫn có hiệu lực vì nó là

phương thuốc đối trị bệnh chấp (các pháp thực) có.

141) Khi một người chiêm bao thấy con mình bị chết, ý nghĩ cho con thực chết tuy sai lầm nhưng phá trừ được ý nghĩ cho con còn sống.

142-143) Tóm lại qua sự phân tách trên, không có vật nào hiện hữu không nhân, cũng không có nhân độc nhất ban đầu nào được tìm thấy. Các pháp không sanh từ một vật khác, không tồn tại, không tiêu diệt. Những cái mà kẻ ngu bám víu cho là thực có, có khác gì ảo ảnh, huyền thuật?

144) Đến từ đâu? Đi về đâu, những vật được tạo ra bởi huyền thuật, bởi nhân duyên? Đó là điều cần phải tìm kiếm.

145) Đủ duyên thì hiện (như có), thiếu duyên thì mất. Nó do nhân duyên giả hợp,

như bóng trong gương, làm sao thực có (tự tánh) độc lập được?

146-147) Một vật nếu thực có thì cần gì đến nhân? Nếu nó không thực có thì cũng cần gì đến nhân? Dù một trăm triệu nhân hợp lại cũng không thay đổi được hư vô. Vật hư vô nào biến thành có được?

148) Có cái gì tách rời được trạng thái không-vật để trở thành vật được? Vật và không-vật không thể hiện hữu cùng một lúc. Vật chỉ xuất hiện khi không-vật mất đi, nhưng không-vật làm sao mất đi được khi vật chưa sinh ra?

149) Cũng vậy, chúng sinh (vật) không thể đến hay đi về hư vô (không-vật). Vì một vật thực có không thể có hai tánh.

150-151) Cho nên không có chấm dứt cũng không có hiện hữu. Pháp giới không

sinh cũng không diệt. Chúng sinh tuy xuất hiện nhưng không có thật, như chiêm bao. Khi quán chiếu phân tích thì chẳng thấy, như cây chuối. Trong Tánh Không (thực có của chúng sinh), không có sự khác biệt nào giữa người đã vào Niết Bàn và người chưa vào Niết Bàn.

152-153) Các pháp không thực có, lấy gì để được để mất? Ai được khen được chê, và bởi Ai? Đến từ đâu khoái lạc và khổ đau? Ai là người dễ thương, là người đáng ghét? Khi tìm thực tánh thì Ai là người ham muốn và ham muốn cái gì?

154) Nếu quán sát thế giới hữu tình này thì Ai chết? Ai sinh? Ai đã sinh? Ai là cha mẹ, là bạn bè?

155-156) Hỡi các bạn đang quán chiếu thực tại, hãy hiểu rằng tất cả đều trống

rỗng như hư không. Vì muốn tìm sung sướng hạnh phúc, chúng ta đã phí phạm cuộc đời trong cảnh tranh giành, thất vọng, lo âu, buồn bã, thương kích lẫn nhau.

157-158) Nếu may mắn tái sinh cảnh trời hưởng thọ khoái lạc, khi chết cũng rơi vào địa ngục muôn kiếp, chịu hành hạ đau đớn khổ sở. Trong cảnh luân hồi làm sao thoát khỏi hố thẳm đọa đày?

159-161) Thêm nữa, sự chấp pháp (thực có) và sự thấu hiểu tánh Không luôn chống trái lẫn nhau. Nếu trong đời này không thấu đạt chân lý tuyệt đối thì sẽ phải tiếp tục trầm luân trong biển khổ vô bờ. Vì nếu không thấu hiểu tánh Không ta sẽ không có can đảm tu tập vô số hạnh lành. Trong cái kiếp người hy hữu đầy đủ tự do quá ngắn ngủi này, con người chỉ lo

hưởng thụ, chăm sóc thân thể, ăn ngon, ngủ sướng, lo sợ đói bệnh, tai nạn và chuyên giao du với những kẻ ngu. Cứ thế cuộc đời trôi mau, tìm được một chút thì giờ quán chiếu thực tại quả thật rất khó! Tìm đâu ra cơ hội đảo ngược cái thói quen vô thi chuyên chấp trước các pháp (cho chúng thực có)?

162-163) Thêm nữa, Ma Vương lại luôn rình rập xô đẩy ta vào địa ngục. Đường dẫn đến tà kiến thì đầy dẫy. Tìm lại được thân người hy hữu này rất khó, gặp được Phật lại khó hơn nữa; như thế làm sao thoát khỏi giòng thác ái dục, phiền não. Ôi! Chỉ toàn khổ là khổ!

164-165) Đáng thương thay cho những kẻ xấu số bị lôi cuốn trong giòng thác khổ mà chẳng hề hay biết. Cũng như người

mỗi lần tắm, thay vì nhảy vào nước, lại nhảy vào lửa.

166) Có những người làm như mình không bao giờ già, không bao giờ chết. Đó là những kẻ được tử thần đến dẫn đi sớm nhất về cõi ác.

167) Khi nào ta mới dập tắt được lửa phiền não thiêu đốt chúng sinh đau khổ bằng những trận mưa an lạc tuôn chảy từ đám mây công đức của ta? Khi nào ta mới có thể giảng dạy tánh Không cho những kẻ đau khổ đáng thương, dạy họ tích tụ công đức mà không chấp các pháp thực có?

Chú thích:

[1] Còn gọi là chân lý "lầm lẫn" vì nó được đặt ra bởi những trí óc lầm lẫn của

thế gian, bao phủ bởi vô minh. Danh từ thông dụng gọi là Tục Đế và Chân Đế.

[2] Trong bản Tạng ngữ gọi là Naljorpa, tức người tu tập Du Già hay Thiền quán.

[3] Vô thường.

[4] Đây là cuộc tranh luận giữa tôn giả Santideva (Trung Quán) và các nhà Duy Thức. Theo Duy Thức thì các pháp bên ngoài là ảo tưởng không thực có, chỉ có tâm là hiện hữu thực sự.

[5] Bất thụ: không thể đẻ con.

[6] Tánh tự biết, trong Duy Thức gọi là tự chứng phân.

[7] Một con gấu ngủ suốt mùa đông, bị vết cắn của con chuột làm độc mà không hay. Sang xuân, khi nghe tiếng sấm tỉnh dậy thấy đau, nó mới nhớ lại là đã bị

chuột cắn. Sự nhớ lại (ký ức) của con người cũng tương tự như thế.

[8] Theo truyền thuyết, khi nói tới đây, tôn giả Santideva bay lên hư không rồi từ từ biến mất, nhưng tiếng của ngài còn vọng lại cho tới câu kệ cuối cùng.

[9] Ở đây tôn giả tranh luận với Tiểu Thừa. Theo Tiểu Thừa, khi Phật nhập Niết Bàn thì ngài không còn làm lợi ích cho chúng sinh được nữa.

[10] Kim sí điều, chim đại bàng hay ăn rồng, rắn

[11] Tức trí huệ thấu hiểu Tánh Không của các pháp.

[12] Tức còn báo thân ngũ uẩn.

[13] Ở đây tôn giả Santideva tranh luận với phái ngoại đạo Samkhya (Số luận).

[14] Ở đây tôn giả tranh luận với phái ngoại đạo Nyaya (Chánh lý luận). Phái này cho cái ta có thực thể thường còn, nhưng không nằm trong thân thể con người. Cái Ta này biết được sự vật vì nó có một cái tâm riêng biệt (nhưng nó không phải là tâm). Muốn biết qua các phái ngoại đạo này, bạn đọc có thể xem trong quyển Phật Học Tinh Yếu.

[15] Ở đây tôn giả tranh luận với Tiểu Thừa. Tiểu Thừa cho cái Ta không có thật, nhưng các pháp như năm uẩn, thân, ... có thật.

[16] Theo Trung Quán, một vật có thật, có tự tánh còn được gọi là Một, có nghĩa là tự nó là nó, không phải do nhiều thứ khác kết hợp thành.

[17] Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới.

[18] Đừng lầm lẫn cho Du Già (Yoga) là đặc biệt của Ấn Độ Giáo (Hindouisme) vì trong Phật Giáo cũng có phái Du Già Sư (Yogacara) là một phái của Duy Thức. Hành giả Du Già ở đây có nghĩa là người chuyên tu Thiền Quán.

[19] Ở đây bác sự cho rằng: nguyên tử của trần cảnh và của căn giao hội lẫn nhau phát sinh ra cảm thọ.

[20] Bác những người cho nguyên tử không có khía cạnh.

[21] Bác lập luận Hữu Bộ cho tâm và vật là hai thực thể cách biệt..

[22] Bác Thần Giáo, cho Trời hay thần Isvara là người sáng tạo ra thế giới.

[23] Thuộc phái ngoại đạo Mimamsaka (Thanh Thường Trú) và Vaiceshika (Thắng Luận).

[24] Kiếp Tỷ La, giáo chủ phái Samkhya

CHƯƠNG X

Hồi Hướng Công Đức

- 1) Do công đức biên tập Bồ Tát Hạnh này, nguyện cho tất cả chúng sinh đều bước chân trên Bồ Tát đạo.
- 2) Nguyện cho tất cả chúng sinh, bất cứ nơi đâu, đang bị đau khổ hành hạ thân và tâm, nhờ công đức này, đều được biển an lạc, sung sướng.
- 3) Ngày nào (họ) còn ở trong luân hồi, ngày đó hạnh phúc của họ không bị tiêu

giảm. Nguyên cho họ luôn thành tựu được sự an vui của chư Bồ Tát.

4) Nguyên cho tất cả chúng sinh trong địa ngục đều hưởng được niềm vui sướng của Cực Lạc (Sukhavati).

5) Cho kẻ rét lạnh được sưởi ấm, kẻ nóng khát được mây vô lượng công đức của chư Bồ Tát đổ mưa tưới mát.

6) Cho rừng hoa đào kiểm biến thành vườn hoa đẹp Nandana [1] và những cây gai nhọn biến thành cây thành tựu điều ước.

7) Cho những biên ngục trở thành hồ sen rực rỡ thơm ngát với những đàn thiên nga, bạch hạc.

8) Cho đồng than hồng biến thành ngọc báu. Cho mặt đất nóng bỏng trở thành

cầm thạch. Cho những "núi đê người" ở địa ngục hóa thành cung điện chư thiên, thờ phụng các đấng Thế Tôn.

9) Cho những trận mưa than, kiếm, đá lửa biến thành mưa hoa. Cho những trận chém giết bằng đao, gươm biến thành trận hoa chiến.

10) Cho những kẻ trầm mình trong sông Vaitarani, da thịt rách nát lộ xương trắng như hoa huệ, nhờ phước lực của ta, đều được thân trời, vui chơi với thiên thủy thần trong sông Mandakini [2].

11) Cho vệ sĩ của Diêm Vương cùng đàn quạ và điều hâu ghê tởm, bất thành linh thấy bóng đêm tan biến, sợ hãi hỏi nhau: "Ánh sáng êm dịu, nhẹ nhàng này từ đâu đến?". Và kìa! Ngửng mặt lên, thấy Kim Cang Tạng Bồ Tát (Vajrapani) huy hoàng

đứng trên không, chúng cảm thấy trút hết tội lỗi và mừng rỡ bay theo ngài.

12) Và đây một trận mưa hoa sen và hương thủy. Ôi, sung sướng! Khi thấy ngọn sóng lửa địa ngục bị dập tắt, những kẻ tội nhân kia tự hỏi: "Ai đã làm thế?". Ngay đó Liên Hoa Tạng Bồ Tát (Padmapani) liền xuất hiện.

13) "Anh em ơi, đừng sợ hãi, hãy mau mau lại đây! Có vị Vương Tử Bồ Tát choàng khăn [3] đến cứu chúng ta đây rồi! Ngài có thần lực bảo vệ chúng sinh, tiêu diệt phiền não, đem lại an vui".

14) "Hãy nhìn kia! Trên những tòa sen nơi chân ngài óng ánh vương miện của chư thiên đang đánh lễ ngài; mắt ngài long lanh lệ từ bi, trên đầu ngài mưa hoa rơi từ những cung điện văng vẳng tiếng hát của

muông ngàn thiên nữ đang xung tán ngài. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đó!". Thấy ngài như vậy, những tội nhân kia mừng rỡ reo hò.

15) Do công đức của ta, cầu cho tất cả tội nhân địa ngục được vui mừng thấy Phổ Hiền và chư Bồ Tát hóa hiện những đám mây hương thủy thanh lương đồ tràn xuống họ, dập tắt đau khổ phiền não.

16) Cầu cho tất cả chúng sinh nơi địa ngục mau giải thoát, an vui.

17) Cho loài súc sanh không còn cắn xé lẫn nhau; cho loài ngựa quý được sung sướng như người ở Bắc Câu Lư Châu (Uttarakuru).

18) Cho loài ngựa quý được no đủ, tắm mát và giải khát trong suối sữa chảy từ tay Quán Thế Âm Bồ Tát.

19) Cho kẻ mù được thấy, kẻ điếc được nghe; cho những đàn bà mang thai, sinh con không đau đớn như hoàng hậu Ma Gia.

20) Cho kẻ rách được y phục, kẻ đói được thức ăn, kẻ khát được nước uống, kẻ nghèo được tiền của.

21) Kẻ yếu thế được bảo vệ, người buồn bã được yên vui, kẻ lo âu được may mắn hạnh phúc.

22) Cho bệnh nhân được bình phục, tù nhân được tự do, tất cả đều thương yêu lẫn nhau.

23) Cho tất cả du khách, dù đi bất cứ nơi đâu đều gặp an ổn thuận tiện.

24) Cho người thủy thủ lưới được những gì mong muốn và trở về bình yên, đoàn tụ gia đình.

25) Cho những kẻ lang thang trong rừng, gặp được đoàn du khách cùng đi không mệt, không sợ trộm cắp, thú dữ.

26) Cho những Hộ Thần luôn bảo vệ người già, kẻ điên, người yếu vía, kẻ bị bỏ rơi trong cơn hiểm nghèo của bệnh tật hay rừng hoang.

27) Cho chúng sinh không bị ràng buộc, có đủ đức tin, trí huệ, lòng thương người, vui vẻ, chánh nghiệp, và chánh niệm.

28) Cho chúng sinh không ham muốn nhiều tiền của mà chỉ thích kho tàng vô tận là hư không và tự do, sống trong hòa thuận và độc lập.

29) Cho kẻ tu hành yếu đuối có nhiều nghị lực. Nếu thân thể xấu xí sẽ được đẹp đẽ.

30) Cho tất cả người nữ được trở thành nam, những người thấp kém trở nên thanh cao và không kiêu ngạo.

31) Do công đức, phước lực của ta, cầu cho tất cả chúng sinh xa kia mọi tội ác, suốt đời tu tập hạnh lành.

32) Cầu cho tất cả chúng sinh không bao giờ lìa bỏ tâm Bồ Đề, luôn luôn hành hạnh Bồ Tát, thường được chư Phật gia hộ không rơi vào bẫy của Ma Vương.

33) Cho tất cả mạng sống được dài lâu, muôn đời hạnh phúc, không còn nghe thấy danh từ "chết".

34) Cho mười phương hư không đầy đầy chư Phật và Bồ Tát, xuất hiện trong những vườn hoa tuyệt đẹp, có âm thanh êm dịu tuyên nói chánh pháp.

35) Cho toàn cõi mặt đất không gồ ghề đá sỏi, bằng phẳng, êm dịu như lòng bàn tay và đầy đầy ngọc báu.

36) Cho các đại hội Bồ Tát mở khắp nơi, trang nghiêm mặt đất bằng hào quang của các ngài.

37) Cho tất cả chúng sinh đều nghe tiếng pháp âm vi diệu phát ra không ngừng từ các loài chim, cây, ánh sáng tỏa khắp bầu trời.

38) Cho chúng sinh luôn được ở gần chư Phật, Bồ Tát; luôn xưng tán bậc Thiên Nhân Sư bằng những đám mây cúng dường.

39) Cho mưa thuận gió hòa, lúa mạ phì nhiêu, mùa màng tươi tốt, vua hiền thương dân, quốc gia thịnh vượng.

40) Cho cây cỏ đều là linh dược, thần chú được thành công; các Nữ thần, La Sát, ma quỷ đều thấm nhuần tâm từ bi.

41) Cho không còn một chúng sinh nào đau khổ, tội lỗi, bệnh tật, thua thiệt, chán nản.

42) Cho chùa và Tu viện là những nơi tu học được thanh tịnh, phát triển. Tăng Già luôn hòa hợp và thành tựu mục đích.

43) Cho các Sư Tăng được nhiều trí huệ, ham thích tu học, tìm được những nơi thanh vắng, tu tập thiền định với tâm tỉnh thức không loạn tưởng.

44) Cho các Sư Ni được bổ thí đầy đủ, sống không tranh chấp, cãi vã, phiền não. Cho tất cả hàng xuất gia đều giữ giới cẩn thận.

45) Cho kẻ phạm giới biết nhận lỗi và sám hối không tái phạm. Cho những ai giữ giới thanh tịnh chóng thành Đạo quả.

46) Cho các bậc xuất gia đều là hiền giả, được kính trọng, bổ thí, tư cách trong sạch, vang danh bốn phương.

47) Cho chúng sinh không còn khổ địa ngục, không gặp chướng ngại khó khăn. Với một thân độc nhất (hơn cả chư thiên) này liền có thể thành Phật.

48) Cho tất cả chúng sinh luôn cúng dường xưng tán chư Phật và hưởng niềm an lạc vô tận, bất khả tư nghì của chư Phật.

49) Cho những đại nguyện của chư Bồ Tát thành tựu chúng sinh. Cho những tâm niệm của các Đấng Bảo Vệ [4] thành tựu thể gian.

50) Cho các bậc Thanh Văn, Bích Chi luôn an vui, được Trời, Người, A Tu La cung kính cúng dường.

51) Cho tới khi nào chúng được Hoan Hỷ Địa [5], ta luôn được Văn Thù Bồ Tát gia hộ, thường nhớ lại tất cả đời quá khứ; đời nào cũng xuất gia thọ giới tu hành chánh niệm.

52) Trong tất cả tư thế, thời gian ta đều giữ được định lực. Trong tất cả kiếp tái sinh, ta đều tìm được nơi thanh vắng để tu hành Phật Pháp.

53) Nguyên khi muốn hiểu hay hỏi điều gì, ta liền được thấy đấng Thủ Hộ Vương Văn Thù Sư Lợi hiện đến trước mặt.

54) Như Văn Thù Bồ Tát đi khắp mười phương, thành tựu lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nguyện cho hạnh của ta cũng được như của ngài.

55) Ngày nào hư không và chúng sinh còn, ngày đó ta còn tiếp tục tiêu trừ phiền não thế gian.

56) Nguyên cho tất cả khổ đau của thế gian đều chín mùi nơi ta. Nhờ hạnh-nguyện-lực của chư Bồ Tát, cầu cho chúng sinh thấy đều được an vui.

57) Cho giáo pháp, nguồn gốc của tất cả hạnh phúc, liều thuốc duy nhất giải trừ đau khổ, được trường tồn, xưng tán, hộ trì.

58) Tôi xin đánh lễ Văn Thù Sư Lợi, nhờ ơn Ngài mà tâm tôi hướng thiện. Tôi xin xưng tán bậc Thánh Trí toàn thiện, nhờ ơn Ngài mà tâm tôi tăng trưởng.

Chú thích:

[1] Nandana: vườn hoa cung trời Đế Thích (Indra).

[2] Vaitarani: sông ở địa ngục. Mandakini: sông ở cảnh trời.

[3] Tức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Manjusri).

[4] Gonpo: đảng Thủ Hộ, tức là chư Phật, Bồ Tát.

[5] Pramuditabhumi: Sơ địa của Bồ Tát.

-ooOoo-

Thư mục - Tài liệu tham khảo

Abhayashri: La vie merveilleuse de 84 grands sages de l'Inde ancienne. Ngor Ewam Phende Ling 1988.

Candrakirti: Madhyamikavatara. L'Entrée au milieu. Editions Dharma 1985.

De la Vallée Poussin: Introduction à la pratique des futurs Buddhas. Librairie Bloud et Cie 1907.

<i>Étienne</i>	<i>Lamotte</i> :
Mahaprajnaparamitasastra.	Institut
Orientaliste. Louvain 1949.	

Indo-Iranian Journal - Volumes XVI (1974) Mouton The Hague 1975

Santideva:

-La marche à la lumière. Louis Finot. Les deux océans.1987

-A guide to Bodhisattva's way of life.
Stephen Batchelor. Library of Tibetan
works and archives.

Taranatha: History of Buddhism in India.
Edited by Debiprasad Chattopadhyaya.

Thích Trí Tịnh:

Kinh Hoa Nghiêm. Phật Học Viện Quốc
Tế 1984.

Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Chùa
Khánh Anh.

Thích Thiên Tâm: Phật Học Tinh Yếu.
Phật Học Viện Quốc Tế 1984

Thích Huyền Vi: Yếu Nghĩa Phật Pháp.
Sutrasamuccaya. Institut de Recherche
Bouddhique Linh Son 1985.

Thích Đức Niệm: Kinh Bảo Tích. Phật
Học Viện Quốc Tế 1987.

Thích Trí Siêu: Bồ Thí Ba La Mật 1988.

Tsongkhapa: Lam Rim Chen Mo. Le grand livre de la Progression vers l'Eveil. Editions Dharma 1990.